



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ
QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ
VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *486* /DVKT-BTK

TP. Hồ Chí Minh, ngày *15* tháng *5* năm 2018

V/v công bố nội dung dự thảo tài
liệu hợp ĐHĐCD thường niên
2018.

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty : Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam
2. Mã chứng khoán: **PVS**
3. Trụ sở chính : Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
4. Điện thoại : 028.3910 2828 Fax: 028.3910 2929
5. Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Đức Thủy
6. Nội dung của thông tin công bố:

Ngày 15/5/2018, Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết số 280/NQ-DVKT-HĐQT về việc phê duyệt nội dung dự thảo tài liệu hợp ĐHĐCD thường niên 2018 của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam.

Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam xin gửi kèm Nghị quyết nói trên đến Quý cơ quan và đăng tải trên trang thông tin của Tổng công ty theo quy định pháp luật hiện hành.

7. Địa chỉ Website đăng tải thông tin: www.ptsc.com.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Ban TGD;
- Website: www.ptsc.com.vn;
- Lưu: VT, BTK (NĐT,04).

TU. TỔNG GIÁM ĐỐC
Người công bố thông tin



Nguyễn Đức Thủy
Nguyễn Đức Thủy

Số: 280 /NQ-DVKT-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 5 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Về việc phê duyệt nội dung dự thảo tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên 2018 của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và có hiệu lực kể từ ngày 01/07/2015;

Căn cứ Điều lệ của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam;

Xét Tờ trình số 477/TTr-DVKT ngày 14/5/2018 của Tổng Giám đốc;

Xét Đề xuất số 26/ĐX-BTK ngày 14/5/2018 của Ban Thư ký Tổng công ty;

Trên cơ sở Biên bản tổng hợp phiếu lấy ý kiến các Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty số 480/BTH-BTK ngày 15/5/2018,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Dự thảo tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông phiên họp thường niên 2018 của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam như sau:

1. Chương trình Đại hội Cổ đông thường niên năm 2018;
2. Quy chế làm việc và Thể lệ biểu quyết thông qua các nội dung và bầu cử nhân sự tại Đại hội;
3. Báo cáo tình hình hoạt động năm 2017 và Kế hoạch năm 2018 của Hội đồng quản trị Tổng công ty;
4. Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2017 và Kế hoạch năm 2018;
5. Báo cáo tình hình hoạt động năm 2017 và Kế hoạch năm 2018 của Ban Kiểm soát Tổng công ty;
6. Tờ trình thông qua BCTC năm 2017 đã kiểm toán và lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2018;
7. Tờ trình thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 và Kế hoạch tài chính năm 2018;
8. Tờ trình thù lao Thành viên Hội đồng quản trị và Thành viên Ban Kiểm soát năm 2018;

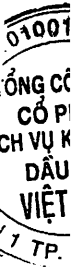
9. Tờ trình thông qua Dự thảo Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ của Tổng công ty;
10. Bầu nhân sự Hội đồng quản trị, nhân sự Ban kiểm soát:
 - a. Số lượng Thành viên HĐQT dự kiến bầu: 05 Thành viên
 - b. Số lượng Kiểm soát viên dự kiến bầu: 01 Kiểm soát viên
 - c. Thời gian lập danh sách ứng viên: kết thúc trước ngày 23/5/2018
 - d. Điều kiện, tiêu chuẩn ứng viên tại khoản a, b Điều này: Theo quy định của pháp luật, Điều lệ.
11. Tờ trình bổ sung ngành nghề kinh doanh;
12. Dự thảo Nghị quyết Đại hội.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Chánh Văn phòng và Trưởng các Ban chức năng của Tổng công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BKS Tổng công ty;
- Lưu: VT, BTK.



CHƯƠNG TRÌNH

ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2018

1. **Thời gian** : 08h30 thứ Sáu, ngày 25/5/2018
2. **Địa điểm** : Khách sạn Lotte Legend Saigon, 2A-4A Tôn Đức Thắng, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

Stt	Chương trình và nội dung	Thực hiện	Thời gian
I.	Thủ tục khai mạc		
1.	Đón tiếp cổ đông, khách mời, phát thẻ biểu quyết, ổn định tổ chức	Ban Tổ chức	7h30-8h30
2.	Tuyên bố lý do và giới thiệu khách mời	Ban Tổ chức	8h30-8h35
3.	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông	Ban Tổ chức	8h35-8h40
4.	Giới thiệu và biểu quyết thông qua: Đoàn chủ tịch, Thư ký đoàn	Ban Tổ chức	8h40-8h45
II.	Nội dung đại hội		
5.	Phát biểu khai mạc Đại hội	Chủ tịch HĐQT	8h45-8h50
6.	Thông qua quy chế và chương trình làm việc của Đại hội	Đoàn chủ tịch	8h50-9h00
7.	Giới thiệu nhân sự Ban kiểm phiếu	Đoàn chủ tịch/	9h00-9h05
8.	Báo cáo tình hình hoạt động năm 2017 và Kế hoạch năm 2018 của Hội đồng quản trị	Đoàn chủ tịch	9h05-9h20
9.	Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2017 và Kế hoạch năm 2018	Đoàn chủ tịch	9h20-9h45
10.	Báo cáo tình hình hoạt động năm 2017 và Kế hoạch năm 2018 của Ban Kiểm soát	Ban kiểm soát	9h45-10h00
11.	Trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2017 đã kiểm toán và lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018	Đoàn chủ tịch	10h00-10h10
12.	Trình thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 và Kế hoạch tài chính năm 2018	Đoàn chủ tịch	10h10-10h20
13.	Trình thù lao Thành viên Hội đồng quản trị và Thành viên Ban Kiểm soát năm 2018	Đoàn chủ tịch	10h20-10h25
14.	Tờ trình thông qua Dự thảo Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ của Tổng công ty	Đoàn chủ tịch	10h25-10h35
15.	Tờ trình bổ sung ngành nghề kinh doanh	Đoàn chủ tịch	10h35-10h45
16.	Tờ trình bầu nhân sự Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát	Đoàn chủ tịch	10h45-10h55
17.	Đại hội thảo luận	Đoàn chủ tịch	10h55-11h25
18.	Thông qua Thẻ lệ biểu quyết và bầu nhân sự	Ban kiểm phiếu	11h25-11h30
19.	Tiến hành biểu quyết và bầu nhân sự	Đoàn chủ tịch	11h30-11h40
	Nghỉ giải lao và kiểm phiếu		11h40-12h00
20.	Phát biểu của Đại diện cổ đông lớn	Đại diện cổ đông	12h00-12h10
21.	Công bố kết quả kiểm phiếu	Ban kiểm phiếu	12h10-12h20
III.	Kết thúc đại hội		
22.	Thông qua dự thảo Nghị quyết cuộc họp ĐHĐCĐ 2018	Ban thư ký	12h20-12h25
23.	Phát biểu tổng kết Đại hội	Đoàn chủ tịch	12h25-12h30

BAN TỔ CHỨC

05/05/2018
 IG TY
 AN
 THU
 HÍ
 IAW
 05/05

Vũng Tàu, ngày tháng 5 năm 2018

QUY CHẾ LÀM VIỆC TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2018

Mục tiêu:

- Đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13, các quy định pháp luật liên quan, theo nguyên tắc công khai, công bằng và dân chủ;
- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018.

Ban tổ chức kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội như sau:

I. TRẬT TỰ CỦA CUỘC HỌP

Tất cả các cổ đông đến tham dự họp Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam phải lịch sự, nghiêm túc, ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức đã quy định, không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra cuộc họp, tất cả các máy điện thoại di động phải được tắt hoặc để chế độ im lặng.

II. PHÁT BIỂU Ý KIẾN TẠI ĐẠI HỘI:

1. **Nguyên tắc:** Cổ đông tham dự họp muốn phát biểu ý kiến phải được sự đồng ý của Chủ tọa.
2. **Cách thức phát biểu:** Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của cuộc họp đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Chủ tịch đoàn sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông. Cổ đông không nhắc lại những ý kiến đã phát biểu trước, thời gian phát biểu không quá 5 phút/một lần.

III. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ

Mỗi cổ đông được cấp một *Thẻ biểu quyết* (màu vàng) và một *Phiếu biểu quyết* (màu xanh) ngay khi làm thủ đăng ký cổ đông dự họp, trong đó:

1. **Thẻ biểu quyết:** là tờ màu vàng có in mã số cổ đông, số cổ phần sở hữu, được dùng để giơ lên khi cổ đông được yêu cầu biểu quyết các vấn đề tại Đại hội.
2. **Phiếu biểu quyết:** là tờ màu xanh có in các nội dung để cổ đông biểu quyết gồm hai phần: (i) biểu quyết các nội dung của Đại hội, (ii) bầu nhân sự HĐQT BKS, cụ thể:
 - **Biểu quyết các nội dung của Đại hội :** cổ đông biểu quyết các nội dung của Đại hội bằng cách đánh dấu vào một trong ba ô vuông: “Đồng ý”, “Không đồng ý”

“Không có ý kiến” đối với tất cả các nội dung trong Phiếu biểu quyết. Các vấn đề được thông qua khi đạt số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành của cổ đông tham dự họp với tỷ lệ tối thiểu theo quy định của Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13.

- **Bầu nhân sự thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ:** việc bầu nhân sự tại ĐHĐCĐ (lựa chọn thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát) thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Cổ đông thực hiện bầu bằng cách đánh dấu x vào ô của nhân sự được chọn do Ban Tổ chức chuẩn bị sẵn hoặc tự điền số phiếu. Mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát cần bầu tại Đại hội. Kết quả bầu được xác định theo Quy chế bầu cử được ĐHĐCĐ thông qua.

IV. TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH ĐOÀN:

1. Điều khiển cuộc họp theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp và các quy định hiện hành, nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ, Quy chế đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Hướng dẫn cuộc họp thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của cuộc họp và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình họp.
3. Giải quyết các vấn đề nảy sinh trong suốt quá trình họp Đại hội đồng cổ đông.

V. TRÁCH NHIỆM CỦA THƯ KÝ CUỘC HỌP:

1. Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến cuộc họp và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại cuộc họp.
2. Soạn thảo Biên bản cuộc họp và các Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

VI. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN KIỂM PHIẾU:

1. Xác định kết quả bầu, biểu quyết của cổ đông về các vấn đề đệ trình tại cuộc họp.
2. Công bố kết quả biểu quyết tại Đại hội.
3. Xem xét và báo cáo với Đại hội đồng cổ đông quyết định những trường hợp vi phạm Quy chế liên quan đến vấn đề bầu cử/biểu quyết hoặc các khiếu nại về bầu cử/biểu quyết.

Trên đây là toàn bộ Quy chế làm việc của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam.

Kính trình Đại hội thông qua.

BAN TỔ CHỨC



TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2018

THẺ LỆ
BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC NỘI DUNG VÀ BẦU NHÂN SỰ
TẠI CUỘC HỌP ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN 2018

Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13;

Căn cứ Quy chế làm việc đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Để đảm bảo sự thành công của Đại hội cổ đông thường niên 2018, việc biểu quyết thông qua các nội dung và bầu nhân sự tại cuộc họp thường niên 2018 được thực hiện như sau:

I. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC NỘI DUNG CỦA ĐẠI HỘI

1. Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết:

Mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền khi đến làm thủ tục đăng ký tham dự họp được Ban tổ chức Đại hội cung cấp **Thẻ biểu quyết** (giấy màu vàng), và **Phiếu biểu quyết** (giấy màu xanh) để biểu quyết thông qua các nội dung và bầu nhân sự tại Đại hội. Trên mỗi Phiếu biểu quyết có ghi rõ thông tin họ tên cổ đông, số lượng cổ phần sở hữu; Nội dung xin biểu quyết, tổng số quyền biểu quyết (mỗi cổ phần được quyền biểu quyết tương ứng với một quyền biểu quyết), các ô tương ứng với từng nội dung để cổ đông lựa chọn quyết định đồng ý hoặc không đồng ý hoặc ý kiến khác.

1.1 *Phiếu biểu quyết hợp lệ* là Phiếu có đóng dấu treo của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam và có đánh dấu lựa chọn vào 1 trong 3 ô vuông đối với từng nội dung xin biểu quyết và có chữ ký của cổ đông/đại diện cổ đông trên Phiếu biểu quyết.

1.2 *Phiếu biểu quyết không hợp lệ* là Phiếu không đảm bảo một trong các điều kiện tại mục 1.1 nêu trên.

2. **Cách biểu quyết:** Chủ tịch đoàn sẽ điều hành việc biểu quyết thông qua từng vấn đề tại Đại hội. Cổ đông thực hiện biểu quyết thông qua bằng hình thức giơ **Thẻ biểu quyết** (màu vàng) và đánh dấu lựa chọn vào một trong ba ô vuông “Đồng ý”, “Không đồng ý” “Không có ý kiến” đối với các nội dung trình xin biểu quyết trong **Phiếu biểu quyết** (màu xanh).

3. **Kết quả biểu quyết:** các vấn đề được thông qua khi đạt số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành của cổ đông tham dự họp theo quy định của Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13, cụ thể:

3.1. Đạt ít nhất **65%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành đối với nội dung: Dự thảo Điều lệ;

3.2. Đạt ít nhất **51%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành đối với các nội dung còn lại.

TỔNG
C
CH
C
V
T

II. BẦU NHÂN SỰ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT

Đại hội đồng cổ đông thực hiện bầu các nhân sự Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát theo danh sách ứng viên được lập phù hợp trình tự, thủ tục quy định của pháp luật hiện hành. Danh sách và thông tin ứng viên chi tiết như Tờ trình về nhân sự, các tài liệu gửi đến các cổ đông và công bố trên phương tiện thông tin theo quy định.

1. **Phiếu bầu:** mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với: tổng số cổ phần sở hữu nhân (x) với số lượng thành viên Hội đồng quản trị cần bầu tại Đại hội.

(ví dụ: Cổ đông A có 1000 cổ phần, Đại hội thực hiện bầu 03 thành viên Hội đồng quản trị, số phiếu bầu của cổ đông A sẽ là: Phiếu bầu nhân sự HĐQT bằng $1000 \text{ cp} \times 3 = 3000$ phiếu).

Phiếu bầu được Ban tổ chức chuẩn bị và gửi cùng Phiếu biểu quyết quy định tại Quy chế này

2. **Cách thức bầu:** việc bầu nhân sự thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Cổ đông thực hiện bầu bằng một trong hai cách: (i) đánh dấu x vào ô của nhân sự được chọn, số phiếu bầu của cổ đông sẽ chia đều cho một hoặc một số ứng viên được cổ đông lựa chọn. hoặc, (ii) cổ đông tự điền số phiếu của mình cho ứng viên mình lựa chọn (vào dòng kẻ để trống bên cạnh).
3. **Xác định kết quả bầu cử:**

Căn cứ kết quả kiểm phiếu, ứng viên trúng cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát cần bầu tại Đại hội lần này.

Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau theo cách thức bầu tại Quy chế này.

III. KIỂM PHIẾU VÀ CÔNG BỐ KẾT QUẢ

Phiếu biểu quyết và Bầu nhân sự được thu lại sau khi việc biểu quyết kết thúc theo chương trình Đại hội. Việc kiểm phiếu được thực hiện bởi các thành viên Ban kiểm phiếu do Đại hội thông qua.

Kết quả bầu cử được thể hiện trong Biên bản kiểm phiếu và công bố tại Đại hội. Các tài liệu liên quan được lưu trữ theo quy định hiện hành.

Trân trọng.

BAN KIỂM PHIẾU

019
CÓN
, PHI
J KÝ
QU K
T N
P. H

Số: /BC-DVKT-HĐQT TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 5 năm 2018

BÁO CÁO

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2017 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2018 CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2017

I. Tình hình chung

Năm 2017, tình hình kinh tế Việt Nam đã khởi sắc với tốc độ tăng trưởng vượt kỳ vọng. Tuy nhiên, nằm trong xu hướng chung của toàn cầu, Ngành công nghiệp dầu khí Việt Nam tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức. Mặc dù giá dầu có sự phục hồi nhẹ nhưng vẫn duy trì ở mức thấp trung bình khoảng 54 USD/thùng, chưa thể bứt phá để thúc đẩy các dự án thăm dò khai thác và phát triển mỏ trong nước và trong khu vực. Kèm theo đó là các yếu tố khách quan không thuận lợi bao gồm: căng thẳng an ninh lãnh hải khu vực, nguy cơ sản lượng dầu khí suy giảm, thị trường hội nhập quốc tế cạnh tranh gay gắt. Ngoài ra, các vướng mắc về cơ chế, chính sách chưa được tháo gỡ kịp thời cũng gây ảnh hưởng đến các Đơn vị trong ngành. Nhìn chung, các yếu tố tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty không có chuyển biến thuận lợi hỗ trợ nào đáng kể so với năm trước.

Trước tình hình thực tế khó khăn của năm 2017, Hội đồng quản trị đã xây dựng chương trình hành động, chỉ đạo quyết liệt với các giải pháp cụ thể, tập trung vào các nội dung chính như sau:

- Tăng cường tiết giảm chi phí, nhằm giảm giá vốn, đảm bảo khả năng cạnh tranh ở tất cả các sản phẩm, dịch vụ trong điều kiện giá thị trường tiếp tục sụt giảm và duy trì ở mức thấp.
- Mở rộng thị trường ra ngoài nước, ngoài ngành tìm kiếm thêm công việc để bù đắp cho sự suy giảm khối lượng dịch vụ trong ngành.
- Tập trung triển khai các dự án, hợp đồng lớn quan trọng của Tổng công ty thuộc thẩm quyền HĐQT phê duyệt; nghiên cứu các biện pháp và thông qua định hướng xử lý đối với các lĩnh vực, đơn vị khó khăn.
- Tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ, các quy định nội bộ trong mọi hoạt động của Tổng công ty cũng như cam kết với khách hàng, bên liên quan trong mọi hoạt động quản trị và sản xuất kinh doanh.
- Chỉ đạo triển khai kịp thời công tác thông tin truyền thông liên quan đến các vấn đề của ngành, động viên và ổn định tinh thần người lao động, tăng cường đoàn kết nội bộ để tập trung cho sản xuất kinh doanh.

- Cải tiến hệ thống quản lý, khuyến khích tìm kiếm và áp dụng các sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, công nghệ trên mọi lĩnh vực hoạt động.

Với tinh thần đoàn kết, phối hợp của Tập thể lãnh đạo và sự nỗ lực của toàn thể người lao động, Tổng công ty tiếp tục giữ vững ổn định, vượt lên khó khăn để hoàn thành tốt những nhiệm vụ đề ra, kết quả chung thể hiện ở các mặt sau:

- Thực hiện an toàn, chất lượng, đúng tiến độ các hợp đồng cung cấp sản phẩm dịch vụ trong các lĩnh vực chủ yếu: tàu dịch vụ, dịch vụ FPSO/FSO, dịch vụ căn cứ cảng, dịch vụ vận hành và bảo dưỡng, dịch vụ chế tạo lắp đặt công trình dầu khí EPC/EPCI cho các khách hàng trong và ngoài nước, tiếp tục khẳng định uy tín, thể hiện khả năng cạnh tranh của Tổng công ty trên thị trường Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí.

- Tham gia đấu thầu, thắng thầu và tổ chức thực hiện tốt các dự án thuộc lĩnh vực công trình công nghiệp cho các khách hàng mới, có ý nghĩa lớn về năng lực, khả năng thích ứng, nắm bắt cơ hội đối với thị trường ngoài thị trường truyền thống.

- Các chỉ số tài chính của Tổng công ty tiếp tục được duy trì ổn định, an toàn.

- Cơ cấu tổ chức và năng lực của bộ máy được tiếp tục hoàn thiện, hoạt động ngày càng hiệu quả hơn.

- Thực hiện tốt công tác chăm lo đời sống người lao động, các chương trình an sinh xã hội vì cộng đồng.

II. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017

1. Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị

1.1. Về quản lý theo chức năng nhiệm vụ trong Điều lệ

Hội đồng quản trị (HĐQT) đã bám sát quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), kế hoạch công tác đề ra và tình hình thực tế để chỉ đạo quyết liệt các mặt hoạt động của Tổng công ty.

Trong năm 2017, HĐQT đã tổ chức 73 phiên họp, thảo luận, lấy ý kiến bằng văn bản; ban hành tổng cộng 269 văn bản trong đó có 131 Nghị quyết/Quyết định và 138 văn bản khác để quản lý các hoạt động của Tổng công ty.

HĐQT theo dõi chặt chẽ tình hình thực hiện các quyết định đã ban hành, giám sát hoạt động của Công ty Mẹ, các Đơn vị thông qua các báo cáo định kỳ của Tổng Giám đốc, Người đại diện và các buổi làm việc trực tiếp của HĐQT với Tổng Giám đốc, Đơn vị.

1.2. Về tình hình thực hiện kế hoạch hoạt động đã đề ra

Trên cơ sở kế hoạch hoạt động đã được ĐHCĐ phê duyệt, năm 2017 HĐQT đã triển khai thực hiện và hoàn thành hầu hết các nội dung đề ra, cụ thể như sau:

a. Chỉ đạo tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên của Tổng công ty và Đại hội cổ đông thường niên các Đơn vị

HĐQT đã trực tiếp chỉ đạo triển khai công tác chuẩn bị, xây dựng tài liệu và tổ chức thành công Đại hội cổ đông (ĐHCĐ) thường niên 2017 của Tổng công ty.

Đối với ĐHCĐ các Đơn vị DVKT, HĐQT đã xem xét phê duyệt nội dung, chương trình để Người đại diện của PTSC tại Đơn vị biểu quyết thông qua tại Đại hội, đảm bảo các quyền và lợi ích của Tổng công ty phù hợp với tình hình thực tế của Đơn vị cũng như định hướng của Tổng công ty, đảm bảo tuân thủ quy định hiện hành.



b. Chỉ đạo tổ chức triển khai các nội dung Nghị quyết ĐHĐCĐ Tổng công ty

❖ Thực hiện phân phối lợi nhuận 2016 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ:

Thực hiện nội dung của Nghị quyết cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2017, ngày 14/9/2017, HĐQT đã ban hành Nghị quyết số 568/NQ-DVKT-HĐQT về việc chi trả cổ tức năm 2016. Ngày 29/9/2017, Tổng công ty thực hiện lập danh sách cổ đông hưởng quyền nhận cổ tức năm 2017 và thực hiện chi trả vào ngày 30/10/2017 theo quy định.

Như vậy, tính đến hết năm 2017, sau 10 năm IPO và niêm yết chứng khoán, Tổng công ty đã thực hiện chi trả cổ tức với giá trị hơn 4,5 ngàn tỷ đồng bằng tiền và thưởng 44,67 triệu cổ phiếu (tương đương 446,7 tỷ đồng tính theo mệnh giá), chi tiết như bảng dưới đây:

Đơn vị tính: nghìn VNĐ

STT	Năm	Ngày chốt danh sách	Vốn điều lệ	Tỷ lệ chi trả (%)	Tổng tiền chi trả
1	2007	14/03/2008	1.000.000.000	14%	140.000.000
2	2008 (đợt 1)	20/11/2008	1.000.000.000	10%	100.000.000
3	2008 (đợt 2)	25/06/2009	1.738.034.310	5%	86.901.715
4	2009	12/05/2010	1.988.034.310	20%	397.606.862
5	2010	13/12/2010	1.988.034.310	15%	298.205.146
6	2011	25/05/2012	2.978.020.940	20%	595.604.188
7	2012 (đợt 1)	17/01/2013	2.978.020.940	10%	297.802.094
8	2012 (đợt 2)	05/09/2013	4.467.004.210	5%	223.350.210
9	2013	28/07/2014	4.467.004.210	12%	536.040.505
10	2014	31/07/2015	4.467.004.210	12%	536.040.505
11	2015	22/07/2016	4.467.004.210	12%	536.040.505
12	2016 (đợt 1)	07/12/2016	4.467.004.210	5%	223.350.210
13	2016 (đợt 2)	29/09/2017	4.467.004.210	5%	223.350.210
14	2017 (dự kiến)		4.467.004.210	17%	759.390.715
14.1	Đã tạm ứng	26/02/2018	4.467.004.210	5%	223.350.210
14.2	Còn lại bằng tiền		4.467.004.210	5%	223.350.210
14.3	Cổ tức bằng cổ phiếu		4.467.004.210	7%	312.690.295
TỔNG CỘNG					4.953.682.865

❖ Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch 2017:

Kết thúc năm 2017, tổng doanh thu hợp nhất là 22.368 tỷ đồng đạt 172% so với kế hoạch năm, lợi nhuận trước thuế là 1.005 tỷ đồng đạt 144% so với kế hoạch năm, lợi nhuận sau thuế là 782 tỷ đồng đạt 140% so với kế hoạch năm, cụ thể như sau:

Kết quả hợp nhất Tổng công ty PTSC năm 2017:

TT	CÁC CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Thực hiện 2016	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	So với KH năm 2017	So với TH 2016
1	Doanh thu hợp nhất	Tỷ đồng	19.293	13.000	22.368	172%	116%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1.256	700	1.005	144%	80%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	910	560	782	140%	86%

Kết quả Công ty mẹ PTSC năm 2017:

TT	CÁC CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Thực hiện 2016	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	So với KH năm	So với TH 2016
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	4.467	5.896	4.467	76%	100%
2	Doanh thu	Tỷ đồng	10.942	7.900	14.816	188%	135%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	621	420	543	129%	87%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	619	410	542	132%	88%
5	Tỷ suất LNST/Vốn điều lệ (%)	%	13,9%	7,0%	12,1%	175%	88%
6	Thực hiện đầu tư	Tỷ đồng	36	1.126	169	15%	469%

❖ **Tăng Vốn điều lệ:**

Căn cứ Nghị quyết số 280/NQ-DVKT-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2017 của ĐHĐCĐ, phương án tăng Vốn điều lệ từ 4.467.004.210.000 đồng lên 5.896.445.550.000 đồng bằng phương thức chào bán chứng khoán và chi trả cổ tức bằng cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (năm 2015) cho cổ đông hiện hữu đã được phê duyệt như sau:

- Số lượng cổ phần phát hành thêm: 142.944.134 cổ phần.
- Giá trị cổ phần phát hành thêm theo mệnh giá: 1.429.441.340.000 đồng.

Trong đó,

- + Phát hành **31.269.029** (Ba mươi một triệu, hai trăm sáu mươi chín nghìn, hai mươi chín) cổ phần để trả cổ tức, tương ứng 7% VDL;
- + Chào bán **111.675.105** (Một trăm mười một triệu, sáu trăm bảy mươi lăm ngàn, một trăm lẻ năm) cổ phần cho cổ đông hiện hữu (theo tỷ lệ 4:1).

HĐQT đã thành lập Ban chỉ đạo và triển khai các công tác theo kế hoạch. Tuy nhiên, đến thời điểm này chưa hoàn thành việc kế hoạch tăng vốn Điều lệ vì: (i) quá trình thực hiện các thủ tục cấp Giấy phép đầu tư ra nước ngoài cho Dự án đầu tư kinh doanh kho nổi FPSO Cá Rồng Đỏ (Dự án sử dụng vốn Điều lệ dự kiến phát hành) kéo dài hơn so với dự kiến do cần có sự phê duyệt, thống nhất của nhiều cơ quan liên quan; (ii) Đặc biệt hiện nay, việc tiếp tục triển khai Dự án của Khách hàng gặp phải một số khó khăn. Các lý do trên đã ảnh hưởng tới việc triển khai tăng vốn của Tổng công ty theo kế hoạch đề ra. HĐQT sẽ tiếp tục bám sát tình hình và báo cáo ĐHĐCĐ các vấn đề liên quan theo quy định trong thời gian tới.

❖ **Chuyển chứng khoán PVS sang niêm yết tại HOSE**

Tổng công ty đã phối hợp với đơn vị cung cấp dịch vụ tư vấn chuyển sàn niêm yết là Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí – Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh (PSI) chuẩn bị hồ sơ chuyển sàn theo các quy định hiện hành. Tuy nhiên, do một số vấn đề trong việc xử lý công nợ với các bên liên quan chưa hoàn tất nên Tổng công ty chưa thể hoàn thiện hồ sơ niêm yết theo yêu cầu. HĐQT sẽ tiếp tục chỉ đạo triển khai công tác này sau khi hoàn tất các thủ tục liên quan.

c. Công tác chỉ đạo chiến lược phát triển Tổng công ty

Trong tình hình giá dầu chưa có dấu hiệu chuyển biến tích cực rõ rệt, HĐQT đã chỉ đạo, triển khai thực hiện chủ trương, giải pháp phát triển dịch vụ trên bờ, đa dạng hóa thị trường và khách hàng của Tổng công ty, đẩy mạnh phát triển các sản phẩm/dịch vụ cung cấp cho các ngành công nghiệp trong và ngoài nước. Đồng thời, HĐQT đã yêu cầu Ban điều hành có các giải pháp phân bổ nguồn lực phù hợp với khả

năng phục hồi, phát triển của từng dịch vụ chính phù hợp trong giai đoạn khó khăn hiện nay.

HĐQT chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc tiếp tục thực hiện các mục tiêu theo Kế hoạch 5 năm 2016-2020 và định hướng đến năm 2025 của Tổng công ty đã đề ra.

Để đảm bảo nguồn nhân lực ổn định, cơ cấu tổ chức các Ban chức năng phù hợp với tình hình hoạt động của Tổng công ty trong quá trình thực hiện chiến lược phát triển, HĐQT đã tiến hành quy hoạch cán bộ lãnh đạo quản lý Cơ quan Tổng công ty giai đoạn đến năm 2020 và giai đoạn 2020-2025.

d. Công tác đầu tư

Căn cứ kế hoạch đầu tư đã được phê duyệt, HĐQT thực hiện giám sát chặt chẽ hoạt động đầu tư các dự án tại Công ty Mẹ, thông qua Người đại diện để quản lý, giám sát các dự án đầu tư tại Đơn vị; thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc việc triển khai đầu tư phù hợp nhu cầu sản xuất, đảm bảo hiệu quả trong việc đầu tư và sử dụng nguồn lực của Tổng công ty.

Kết quả thực hiện đầu tư năm 2017 là 169 tỷ đồng, đạt 15% kế hoạch. Nguyên nhân chủ yếu của việc triển khai chưa đạt kế hoạch đầu tư do một số dự án tạm dừng triển khai hoặc chậm giải ngân theo tiến độ như: Dự án đầu tư xây dựng căn cứ cảng Dịch vụ Dầu khí tại Phú Quốc, Dự án đầu tư và kinh doanh Đội tàu phục vụ gàn bờ Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn, Dự án góp vốn đầu tư và kinh doanh Kho nổi chứa, xử lý và xuất Dầu khí (FPSO) cho Talisman Vietnam Limited thuê phục vụ phát triển Mỏ Cá Rồng Đỏ;

e. Chỉ đạo hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị

Để đảm bảo công tác quản trị của HĐQT tuân thủ những quy phạm pháp luật mới và sự thay đổi môi trường kinh doanh nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý, điều hành của tất cả các cấp tại Công ty Mẹ cũng như trong toàn Tổ hợp Công ty mẹ - con, HĐQT đã chỉ đạo triển khai các công tác hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý như sau:

- Chỉ đạo tổ chức xây dựng nội dung dự thảo Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ để trình ĐHCĐ tại phiên họp thường niên 2018, đảm bảo tuân thủ quy định của Nghị định 71/2017/NĐ-CP và Thông tư số 95/2017/TT-BTC.

- Chỉ đạo rà soát các quy định liên quan đến phân cấp trong quản lý, điều hành SXKD Tổng công ty.

f. Chỉ đạo thực hiện hiệu quả Phương án tái cấu trúc Tổng công ty

HĐQT chỉ đạo triển khai thực hiện kế hoạch tái cơ cấu Tổng công ty giai đoạn 2016-2020 đảm bảo đạt được các mục tiêu phát triển 07 lĩnh vực SXKD chính, cụ thể như sau:

- Tổng công ty trở thành Đơn vị có hiệu quả SXKD cao, tối ưu hóa nguồn lực sẵn có, thu hút đầu tư trong và ngoài nước, tập trung vào lĩnh vực kinh doanh chính.

- Nâng cao năng lực cạnh tranh, từng bước tiếp thu, nhận chuyển giao công nghệ tiên tiến tạo nền tảng vững chắc để chiếm lĩnh thị trường trong nước và ngày càng mở rộng ra thị trường nước ngoài. Phát triển bền vững, đủ tiềm lực để vượt qua khó khăn, thách thức trong bối cảnh hội nhập quốc tế, thích ứng được với biến động thị trường.

- Giữ vững và nâng cao sức mạnh Công ty Mẹ trong hoạt động trực tiếp

SXKD cũng như điều phối các nguồn lực trong toàn Tổ hợp Công ty mẹ - con. Công ty Mẹ phải tham gia trực tiếp và nắm cổ phần chi phối tại các Đơn vị tham gia lĩnh vực kinh doanh chính. Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tài sản.

1.3. Các hoạt động khác

a. Công tác quan hệ với cổ đông, nhà đầu tư

HĐQT đã cung cấp đầy đủ thông tin về hoạt động của Tổng công ty theo đúng quy định của pháp luật chứng khoán đối với tổ chức niêm yết. Các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, của HĐQT và các tài liệu liên quan khác đã được công bố đúng hạn đến cổ đông và nhà đầu tư quan tâm.

Ngoài ra, HĐQT đã chỉ đạo bộ phận giúp việc tổ chức hơn 50 lượt tiếp xúc, cung cấp thông tin cho các quỹ, nhà đầu tư quan tâm đến cổ phiếu của Tổng công ty.

b. Các công tác thường xuyên

Ngoài các nhiệm vụ theo kế hoạch, HĐQT đã thực hiện những nhiệm vụ thường xuyên phù hợp với chức năng, nhiệm vụ theo quy định và phát sinh thực tế trong quá trình hoạt động SXKD của Tổng công ty.

2. Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2017

2.1. Về hoạt động chung của Hội đồng quản trị

Trong năm 2017, HĐQT với 6 Thành viên (khuyết 01 Thành viên nghỉ hưu chưa bầu bổ sung) đã nỗ lực cùng Ban điều hành lãnh đạo Tổng công ty vượt qua nhiều khó khăn, biến động để hoàn thành các chỉ tiêu cơ bản đã đặt ra, tạo điều kiện thuận lợi để Tổng công ty tiếp tục ổn định, nắm bắt và hiện thực hóa thành công những cơ hội trong thời gian tới.

Việc quản lý Tổng công ty tiếp tục tuân thủ đúng quy định pháp luật và Điều lệ hiện hành, thông tin minh bạch theo đúng chuẩn mực, tạo được lòng tin của các Cổ đông, Người lao động, Cơ quan quản lý nhà nước và khách hàng.

Trên cơ sở Kế hoạch công tác năm 2017, các nội dung ĐHĐCĐ giao và kết quả thực tế triển khai, HĐQT đánh giá các hoạt động của HĐQT trong năm 2017 là đúng thẩm quyền, có sự phân công, phân cấp phù hợp và hiệu quả, đảm bảo xử lý kịp thời các vấn đề thuộc thẩm quyền phục vụ công tác quản lý và điều hành SXKD của Tổng công ty.

Công tác tổ chức các cuộc họp của HĐQT, các đợt lấy ý kiến Thành viên HĐQT bằng văn bản đã được thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Các quyết định của HĐQT phù hợp thực tế tình hình SXKD và định hướng quan trọng hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc trong quá trình điều hành; phối hợp tốt và tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, đoàn thể hoạt động.

2.2. Hoạt động của các Thành viên Hội đồng quản trị

Trong năm 2017, các Thành viên HĐQT đã tham gia đầy đủ các cuộc họp và cho ý kiến bằng văn bản về các vấn đề thuộc thẩm quyền và theo phân công của HĐQT với trách nhiệm cao, theo nguyên tắc độc lập và cần trọng vì lợi ích của các Cổ đông và sự phát triển của Tổng công ty.

Bên cạnh việc thực hiện và hoàn thành trách nhiệm chung trong các hoạt động của HĐQT, các Thành viên HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ được giao cho từng Thành viên với kết quả cụ thể:



- Chủ tịch HĐQT đã hoàn thành nhiệm vụ theo quy định hiện hành trong việc chỉ đạo thực hiện chương trình công tác năm, phân công nhiệm vụ đến các Thành viên HĐQT; chỉ đạo tổ chức các họp, lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành các Nghị quyết, Quyết định và các văn bản khác của HĐQT; chỉ đạo giám sát Ban Tổng Giám đốc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT; chỉ đạo, hỗ trợ, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ được phân công của các thành viên HĐQT.

- Thành viên HĐQT được giao phụ trách các lĩnh vực SXKD đã thực hiện tốt các trách nhiệm liên quan đến công tác quản trị, điều hành nội bộ; triển khai kế hoạch SXKD, giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ, góp phần quan trọng vào việc hoàn thành kế hoạch SXKD chung năm 2017 của toàn Tổng công ty.

- Các thành viên HĐQT chuyên trách đã có những đóng góp tích cực trong quá trình xây dựng và hoàn thiện các quy chế/quy định quản lý nội bộ chung; theo dõi, giám sát việc thực hiện, tuân thủ các chuẩn mực quản trị doanh nghiệp; giám sát, đánh giá công tác cải tiến hệ thống quản lý, công tác giao dịch, quan hệ với các cổ đông, nhà đầu tư và các bên liên quan; phê duyệt, giám sát các hợp đồng, giao dịch với người liên quan theo quy định.

2.3. Thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT năm 2017

- **Thù lao của HĐQT năm 2017:** Đối với các thành viên HĐQT không chuyên trách/kiêm nhiệm, mức thù lao chưa bao gồm thuế TNCN là 5 triệu VNĐ/người/tháng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua tại cuộc họp thường niên 2017. Đối với các thành viên HĐQT chuyên trách hưởng lương theo chế độ tiền lương, thu nhập, trên cơ sở quy định hiện hành. (*Chi tiết thù lao của HĐQT được thể hiện trong Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán và công bố tại Báo cáo thường niên 2017 theo quy định*).

- **Chi phí hoạt động của HĐQT năm 2017:** Các chi phí hành chính và liên quan phục vụ hoạt động của HĐQT tuân thủ theo Quy chế hoạt động của HĐQT và Quy chế tài chính, Định mức chi tiêu nội bộ của Tổng công ty.

III. Về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc năm 2017

Hiện nay, Ban Tổng Giám đốc có 01 Tổng Giám đốc và 06 Phó Tổng Giám đốc. Trong đó, Tổng Giám đốc và 01 Phó Tổng Giám đốc do Thành viên HĐQT kiêm nhiệm). Năm 2017, HĐQT đánh giá cao sự cố gắng, năng lực và tinh thần trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc đối diện và ứng phó tốt với khó khăn, biến động của ngành Dầu khí nói riêng và cả nền kinh tế nói chung để điều hành Tổng công ty đạt được kết quả khả quan, thể hiện ở các mặt sau:

- Bám sát và chỉ đạo triển khai các quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT phù hợp với tình hình thực tế; chủ động xây dựng và đề xuất các phương án xử lý vấn đề khó khăn, tồn tại của các Dự án, Đơn vị thuộc thẩm quyền HĐQT quyết định, góp phần giảm thiểu rủi ro, đảm bảo quyền và lợi ích của Tổng công ty.

- Quản lý, điều hành các mặt hoạt động theo đúng chức trách, nhiệm vụ được giao; có sự phân công, phân cấp rõ ràng và linh hoạt giữa các cấp quản lý.

- Sử dụng hiệu quả và cân đối hợp lý nguồn lực hiện có; quyết liệt cắt giảm chi phí để giảm giá thành đi đôi với duy trì chất lượng sản phẩm dịch vụ ổn định, nâng cao sức cạnh tranh, giữ thị phần và đồng thời đảm bảo các lợi ích lâu dài của Tổng công ty.

- Công tác hạch toán kế toán và quản lý tài chính phù hợp chuẩn mực, minh

bạch theo quy định pháp luật; đảm bảo nguyên tắc bảo toàn và phát triển vốn; quyết liệt xử lý nợ xấu, nợ phải thu khó đòi.

- Duy trì tốt phong trào sáng kiến cải tiến, ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin; thực hiện phương án tái cơ cấu Tổng công ty đã đề ra, bước đầu khẳng định được vai trò chủ đạo, trực tiếp thực hiện SXKD của Công ty Mẹ đối với toàn tổ hợp.

- Chủ động thực hiện công tác mở rộng thị trường, phát triển sản phẩm dịch vụ mới.

- Công tác đào tạo, tự đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực triển khai có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.

- Duy trì mặt bằng tiền lương và chính sách đãi ngộ, khen thưởng hợp lý, nâng kỷ luật, tạo môi trường chuyên nghiệp của người lao động.

Ngoài những kết quả tốt đã đạt được, công tác điều hành năm 2017 cần khắc phục một số tồn tại:

- Chưa xử lý dứt điểm tình trạng thua lỗ tại một số Đơn vị;

- Chưa tái cấu trúc mạnh mẽ một số Đơn vị, lĩnh vực đang gặp khó khăn trong đó tập trung vào cơ cấu tổ chức và con người.

B. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2018

Năm 2018, mặc dù giá dầu thô đã tăng và duy trì quanh mức 65-70 USD/thùng, các dự báo về triển vọng hoạt động Dầu khí trong nước và khu vực vẫn không có nhiều thuận lợi, hỗ trợ SXKD. Sự cạnh tranh khốc liệt cả trong và ngoài nước cũng như những diễn biến khó lường về chính sách kinh tế - chính trị toàn cầu sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động lĩnh vực dịch vụ dầu khí mà Tổng công ty tham gia. Bên cạnh đó, một số vấn đề nội tại trong mô hình và cách thức tổ chức sản xuất, cung cấp dịch vụ không còn phù hợp với tình hình mới sẽ ảnh hưởng đến quá trình phục hồi ở những lĩnh vực từng được xem là truyền thống, giữ vai trò chủ đạo như tàu dịch vụ, căn cứ cảng dịch vụ, dịch vụ khảo sát; cùng với những đóng góp hạn chế từ những sản phẩm dịch vụ, thị trường mới khiến Tổng công ty tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức.

Để đảm bảo hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực, duy trì sự ổn định trong giai đoạn khó khăn trước mắt và nắm bắt các cơ hội thay đổi và mở rộng SXKD, HĐQT đề ra chương trình công tác năm 2018 như sau:

1. Phê duyệt nội dung chương trình và chỉ đạo tổ chức ĐHCĐ thường niên 2018 của Tổng công ty và của các Đơn vị thành viên.

2. Chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Chỉ đạo, đôn đốc Ban điều hành tổ chức thực hiện thành công các chỉ tiêu Kế hoạch năm 2018 được ĐHCĐ giao và các nội dung được ĐHCĐ phê duyệt.

- Chỉ đạo các bộ phận liên quan tăng cường mở rộng thị trường, tìm kiếm khách hàng, đối tác mới, đẩy mạnh cung cấp dịch vụ ra thị trường nước ngoài, nghiên cứu phát triển loại hình dịch vụ, sản phẩm mới.

- Đẩy mạnh nghiên cứu, khuyến khích áp dụng giải pháp khoa học công nghệ, nâng cao hiệu quả SXKD, tiếp tục thực hiện tiết giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm/dịch vụ, nâng cao năng lực, năng lực cạnh tranh.

- Thực hiện đánh giá, giám sát đối với các dự án đầu tư, dự án kinh doanh thuộc thẩm quyền HĐQT quyết định; phê duyệt danh mục kế hoạch đầu tư phù hợp, đảm bảo hoàn thành công tác đầu tư theo các mục tiêu kế hoạch đề ra.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát các Đơn vị hoạt động kém hiệu quả để kịp thời chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, đề ra phương án xử lý phù hợp nhằm thực hiện tốt kế hoạch SXKD năm 2018.

3. Rà soát, cập nhật chiến lược phát triển Tổng công ty giai đoạn 2016-2020 phù hợp tình hình thực tế. Trên cơ sở đó, nghiên cứu hoàn thiện và triển khai hiệu quả Phương án tái cấu trúc toàn diện Tổng công ty nhằm đảm bảo sử dụng hiệu quả tối ưu hóa các nguồn lực, tạo động lực mới để sớm phục hồi lĩnh vực yếu kém, tìm kiếm thị trường sản phẩm dịch vụ phù hợp để mở rộng SXKD thúc đẩy tăng trưởng hướng đến mục tiêu hiệu quả kinh tế, phát triển ổn định và bền vững.

4. Hoàn thiện hệ thống quản trị: cập nhật, ban hành Điều lệ mới và Quy chế quản trị nội bộ; tiến hành rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định nội bộ phù hợp các quy định mới và tình hình hoạt động SXKD của Tổng công ty; Kiện toàn nhân sự HĐQT, phụ trách quản trị Tổng công ty theo quy định.

5. Chỉ đạo các công tác liên quan đến quan hệ cổ đông/Nhà đầu tư theo quy định hiện hành nhằm đảm bảo quyền lợi của các cổ đông và các bên có lợi ích liên quan.

6. Thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên của HĐQT Tổng công ty phù hợp với chức năng, nhiệm vụ theo Điều lệ và phát sinh thực tế trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

Trên đây là Báo cáo hoạt động của HĐQT Tổng công ty năm 2017 và Kế hoạch hoạt động năm 2018.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua.

Trân trọng./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, BKS, Ban TGD;
- Website Tổng công ty;
- Văn phòng, các Ban;
- Lưu: VT, BTK.

Thái Quốc Hiệp

Tài liệu đính kèm:

- Phụ lục: Các chỉ tiêu kế hoạch 2018.



PHỤ LỤC: CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2018

(Kèm theo báo cáo số /BC-DVKT-HĐQT ngày /5/2018)

1. Kế hoạch SXKD toàn Tổng công ty (hợp nhất):

Stt	CÁC CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2018
1	Doanh thu hợp nhất:	Tỷ đồng	13.000
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	700
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	560

2. Kế hoạch SXKD Công ty Mẹ:

Stt	CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch năm 2018
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	5.896
2	Doanh thu	Tỷ đồng	5.200
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	450
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	420
8	Thực hiện đầu tư	Tỷ đồng	1.270

0.010
TỔNG
CỔ
CH VỤ
DẦU
VIỆT
TP. H

Số: /BC-DVKT

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2018

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017
VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2018

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018

PHẦN I

BÁO CÁO TỔNG KẾT CÔNG TÁC SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017

1. Thuận lợi:

– Nền kinh tế vĩ mô đã bắt đầu hồi phục và duy trì ổn định đã tạo cơ hội thuận lợi cho Tổng công ty DVKT PTSC tiếp tục thâm nhập và mở rộng thị trường dịch vụ tại Việt Nam cũng như trong khu vực.

– Là Đơn vị thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, Tổng công ty DVKT PTSC luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao và ủng hộ của Tập đoàn trong công tác sản xuất kinh doanh.

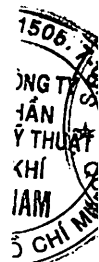
– Tổng công ty DVKT PTSC đã thiết lập được nhiều mối quan hệ hợp tác lâu dài và tin cậy lẫn nhau đối với các đối tác chiến lược mạnh ở nước ngoài để hợp tác, phát triển kinh doanh, đào tạo, chuyển giao công nghệ và từng bước tham gia, phát triển năng lực dịch vụ trong và ngoài nước.

– Đội ngũ cán bộ lãnh đạo của Tổng công ty DVKT PTSC đã từng trải qua thực tế dịch vụ, có trình độ, tâm huyết và hết lòng vì sự phát triển của Đơn vị. Các cán bộ công nhân viên của Tổng công ty DVKT PTSC có trình độ, năng động và có kinh nghiệm nhất định trong môi trường làm việc quốc tế.

– Tổng công ty DVKT PTSC có cơ sở vật chất kỹ thuật khá mạnh tại Việt Nam, có năng lực dịch vụ đa ngành và có khả năng thực hiện trọn gói dịch vụ cho các công tác thăm dò, khai thác dầu khí.

2. Khó khăn:

– Việc giá dầu sụt giảm sâu và liên tục duy trì ở mức thấp trong những năm qua đã gây ảnh hưởng rất nghiêm trọng và nặng nề tới ngành công nghiệp dầu khí nói chung và môi trường hoạt động sxkd của Tổng công ty DVKT PTSC nói riêng. Mặc dù giá dầu bình quân năm 2017 đã quay lại mức 54 USD/thùng, tuy nhiên bối cảnh thị trường dịch vụ dầu khí năm 2017 vẫn chưa có sự tiến triển, cả về khối lượng công việc lẫn giá dịch vụ. Tổng công ty DVKT PTSC tiếp tục đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức trong các hoạt động sxkd dịch vụ.



- Hầu hết các dự án phát triển mỏ dầu khí biển trong và ngoài nước tiếp tục bị giãn, dừng triển khai dẫn đến khối lượng công việc giảm sút. Dịch vụ dầu khí biển (là khu vực dịch vụ chính của Tổng công ty) bị cạnh tranh khốc liệt, giảm nghiêm trọng theo cấp số nhân, về cả khối lượng công việc và giá trị dịch vụ. Với thực trạng có hoạt động thì lỗ ít, không hoạt động thì lỗ nhiều hoặc phá sản, nhiều công ty cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong và ngoài nước sẵn sàng chào phá giá, chấp nhận thực hiện dịch vụ với giá rất thấp hoặc hoạt động, vận hành SXKD trong điều kiện thiếu an toàn bất chấp các quy định hiện hành, để cắt giảm tối đa các chi phí, làm cho thị trường dịch vụ trong khu vực ngày càng hỗn loạn;

- Bên cạnh sự thay đổi nhanh chóng, sâu, rộng của cơ chế, chính sách, các luật liên quan, Việt Nam còn ký kết hàng loạt các thỏa thuận, hiệp ước quốc tế WTO, TPP, FTA... Tất cả các thay đổi trên đều theo hướng giảm bảo hộ, giảm hỗ trợ doanh nghiệp có vốn nhà nước, đồng thời cơ chế chính sách hiện hành còn nhiều bất cập, chưa hỗ trợ một cách tốt nhất cho doanh nghiệp trong nước, gây bất lợi cho doanh nghiệp trong nước trên chính sân nhà - thị trường Việt Nam.

- Công tác phát triển dịch vụ ra nước ngoài gặp khó khăn, do công việc ít và sự bảo hộ ngày càng tăng và mạnh ở các nước sở tại, bên cạnh đó Việt Nam cũng chưa có chính sách cụ thể, rõ ràng hỗ trợ doanh nghiệp trong nước phát triển dịch vụ tại nước ngoài (ưu đãi về lãi suất cho vay, thuế suất, tài trợ vốn ...).

- Khó khăn nội tại: nguồn lực cơ sở vật chất của Tổng công ty DVKT PTSC dần lạc hậu và lỗi thời, chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu của khách hàng, đặc biệt là trong các lĩnh vực tàu dịch vụ, lĩnh vực khảo sát địa chất công trình, khảo sát và sửa chữa công trình ngầm. Cơ cấu lao động, bộ máy tổ chức chưa tinh gọn, làm ảnh hưởng đến năng suất và chi phí lao động trong bối cảnh khó khăn như hiện nay.

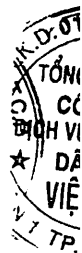
3. Kết quả đạt được:

Trong bối cảnh đó, Tổng công ty DVKT PTSC đã khẩn trương áp dụng hàng loạt các giải pháp quyết liệt, mạnh mẽ và đồng bộ để đẩy mạnh công tác phát triển kinh doanh, cắt giảm chi tiêu, thực hành tiết kiệm trong sxkd, trong đó có cả giải pháp cắt giảm các chi phí mang tính chất lương, cắt giảm nhân sự, giãn khấu hao... nhằm giảm thiểu tối đa chi phí. Kết quả doanh thu hợp nhất thực hiện cả năm 2017 của toàn Tổng công ty đạt 22.368 tỷ đồng, bằng 172% Kế hoạch năm; lợi nhuận hợp nhất trước thuế đạt 1.005 tỷ đồng, bằng 143% Kế hoạch năm. Các dịch vụ do Tổng công ty DVKT PTSC thực hiện luôn đảm bảo an toàn, chất lượng, tiến độ và đáp ứng được tất cả các yêu cầu của các nhà thầu dầu khí trong và ngoài nước; nguồn lực, hệ thống được duy trì, phát triển ổn định, đãi ngộ cho NLĐ vẫn được đảm bảo.

Chi tiết kết quả thực hiện toàn Tổng công ty DVKT PTSC và Công ty mẹ như sau:

► Kết quả toàn Tổng công ty DVKT PTSC năm 2017:

TT	CÁC CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Thực hiện 2016	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	So với KH năm	So với TH 2016
1	Doanh thu hợp nhất	Tỷ đồng	19.293	13.000	22.368	172%	116%



TT	CÁC CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Thực hiện 2016	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	So với KH năm	So với TH 2016
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1.256	700	1.005	144%	80%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	910	560	782	140%	86%

► **Kết quả Công ty mẹ năm 2017:**

TT	CÁC CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Thực hiện 2016	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	So với KH năm	So với TH 2016
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	4.467	5.896	4.467	76%	100%
2	Doanh thu	Tỷ đồng	10.942	7.900	14.816	188%	135%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	621	420	543	129%	87%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	619	410	542	132%	88%
5	Tỷ suất LNST/Vốn điều lệ (%)	%	13,9%	7,0%	12,1%	175%	88%
6	Thực hiện đầu tư	Tỷ đồng	36	1.126	169	15%	469%

Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 theo từng lĩnh vực dịch vụ tại các Đơn vị của Tổng công ty DVKT PTSC như sau:

3.1 Công tác sản xuất kinh doanh

– **Dịch vụ cung ứng tàu chuyên dụng:**

Trong năm 2017, tình hình thị trường tàu dịch vụ còn rất nhiều khó khăn, thách thức: các hoạt động thăm dò, khai thác, đầu tư trong lĩnh vực dầu khí vẫn tiếp tục dừng, giãn, chưa có kế hoạch triển khai cụ thể hoặc hoạt động cầm chừng; các nhà thầu dầu khí đã triển khai triệt để các giải pháp tiết giảm chi phí, cắt giảm tối đa khối lượng công việc cũng như chi phí hoạt động; sức ép cạnh tranh tăng cao do sự tham gia ngày càng nhiều của các nhà thầu nước ngoài, tư nhân với việc chào phá giá, giá cung cấp dịch vụ rất thấp, thậm chí sẵn sàng thực hiện với giá lỗ rất nhiều so với giá thành...

Tại Dung Quất, Công ty CP DVDK Quảng Ngãi đã thực hiện tốt công tác cung cấp tàu dịch vụ trực sự cố tràn dầu, an ninh, PCCC an toàn cho Nhà máy Lọc dầu Dung Quất, cũng như lai dắt Tanker, tàu chở xăng Dầu ra/vào Phao rót dầu không bển (SPM), Cảng xuất sản phẩm Nhà máy Lọc Dầu Dung Quất...

Tổng số ngày hoạt động của đội tàu Tổng công ty năm 2017 (bao gồm tàu thuê bareboat) là 3.885 ngày, giảm 20,91% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu từ loại hình dịch vụ này năm 2017 là 2.404 tỷ đồng, đạt 120% Kế hoạch năm. Lợi nhuận gộp đạt 184,6 tỷ đồng, giảm 28% so với năm trước.

– **Dịch vụ cung ứng, quản lý, vận hành, khai thác kho nổi FSO/FPSO:**

1000
CÔNG T
PHẦN
KỶ THU
KHÍ
NAM
Ồ CHỈ

Trong năm 2017, Tổng công ty đã thực hiện tốt công tác cung ứng, quản lý, khai thác, vận hành các kho nổi FPSO Ruby II, FPSO Lam Sơn, FSO Biển Đông 1 hoạt động an toàn, hiệu quả và đáp ứng yêu cầu của khách hàng với thời gian uptime trên 99,9%; tiếp tục thực hiện tốt các hợp đồng cung cấp thuyền viên làm việc trên các kho nổi FSO MV12, FSO Orkid, FPSO Thai Binh VN.

Doanh thu từ loại hình dịch vụ này năm 2017 là 3.304 tỷ đồng, đạt 118% Kế hoạch năm, giảm 9% so với năm trước. Lợi nhuận gộp đạt 133,2 tỷ đồng, giảm 4% so với năm trước.

– **Dịch vụ Cơ khí Dầu khí, Công nghiệp**

Trong năm 2017, Tổng công ty đã tiếp tục tổ chức thực hiện tốt các Dự án cơ khí chế tạo công trình biển: Dự án DAMAN-Phase 2, Greater Enfield..., đảm bảo an toàn, chất lượng, bảo vệ môi trường, tiến độ theo yêu cầu của khách hàng và hiệu quả Dự án.

Các Dự án, công trình công nghiệp trên bờ như: Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú 1, các Gói thầu thuộc Dự án Nhà máy LHD Nghi Sơn, Dự án NPK, NH3, Dự án nạo vét Cảng biển Trung tâm điện lực Duyên Hải - Trà Vinh... được thực hiện tốt, đảm bảo an toàn, chất lượng, tiến độ theo yêu cầu của khách hàng.

Ngoài các Dự án đang thực hiện, Tổng công ty cũng đã nỗ lực đẩy mạnh các hoạt động phát triển kinh doanh, tiếp cận các Dự án tiềm năng để duy trì công việc trong thời gian tới: Dự án Đại Nguyệt – Sao Vàng, Sư Tử Trắng FF - Giai đoạn 2-Block B, Cá Voi Xanh, Báo Vàng, Kinh Ngư... và các Dự án trên bờ như: Dự án Nhà máy Lọc hóa dầu Long Sơn, Dự án Nhà máy Lọc dầu Dung Quất mở rộng...

Doanh thu từ loại hình dịch vụ này năm 2017 là 8.824 tỷ đồng, đạt 130% Kế hoạch năm, giảm 16% so với năm trước. Lợi nhuận gộp đạt 158,4 tỷ đồng, giảm 27% so với năm trước.

– **Dịch vụ căn cứ Cảng:**

Các hoạt động dịch vụ căn cứ Cảng dầu khí tại cảng Hạ lưu Vũng Tàu tiếp tục gặp nhiều khó khăn. Trong năm 2017, số nhà thầu triển khai kế hoạch khoan chỉ trung bình khoảng 3 nhà thầu/tháng, giảm khoảng 17%, so với năm 2016. Trong bối cảnh đó, Tổng công ty đã nỗ lực đẩy mạnh các hoạt động marketing, tăng cường mở rộng và phát triển các dịch vụ logistics, forwarding, cung ứng phương tiện thiết bị, nhân lực, dịch vụ phụ trợ,... cho các dự án, khách hàng cả trong/ngoài ngành để bù đắp lại phần công việc bị sụt giảm. Kết quả sxkd lĩnh vực này đã bước đầu có dấu hiệu hồi phục, bớt suy giảm với doanh thu thực hiện năm 2017 đạt 535 tỷ đồng, giảm 14% và lợi nhuận chỉ giảm 8% so với thực hiện năm trước.

Các hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ căn cứ Cảng tổng hợp bao gồm Cảng dịch vụ dầu khí tổng hợp Phú Mỹ (Bà Rịa-Vũng Tàu), Bến số 1 - Cảng Dung Quất, Cảng Hòn La (Quảng Bình), Cảng Đình Vũ (Hải Phòng), Cảng Nghi Sơn (Thanh Hóa), Cảng Sơn Trà (Đà Nẵng)... tiếp tục được duy trì ổn định và có phần tăng trưởng tốt do sự hồi phục của nền kinh tế vĩ mô. Kết quả thực hiện doanh thu từ lĩnh vực này đạt 1.065 tỷ đồng, tăng 5% so với thực hiện năm trước.



Tổng doanh thu từ loại hình dịch vụ căn cứ Cảng năm 2017 là 1.600 tỷ đồng, đạt 123% Kế hoạch năm, giảm 2% so với năm trước. Lợi nhuận gộp đạt 324,6 tỷ đồng, tăng 17% so với năm trước.

– ***Dịch vụ vận chuyển, lắp đặt, đấu nối, vận hành, sửa chữa và bảo dưỡng (O&M) các công trình dầu khí:***

Năm 2017 tiếp tục là năm đầy khó khăn của Tổng công ty trong lĩnh vực dịch vụ vận chuyển, lắp đặt, đấu nối, vận hành, sửa chữa và bảo dưỡng (O&M) các công trình dầu khí. Số lượng các công việc, dự án mới về vận chuyển, lắp đặt công trình biển rất ít với biên lợi nhuận thấp. Doanh thu thực hiện từ lĩnh vực dịch vụ này năm 2017 chủ yếu là từ các công việc, dự án chuyển tiếp từ năm 2016 gồm: Dự án cung cấp dịch vụ đấu nối giàn FMB cho khách hàng Technip (Qatar), Dự án cung cấp nhân sự, sà lan cho Hyundai thuê và các hợp đồng cung cấp dịch vụ, nhân sự O&M cho JPVC, KNOC, PVEP, CLJOC... Công tác tổ chức khai thác các phương tiện Sà lan nhà ở PTSC Offshore 1 và Sà lan vận chuyển PTSC 01 cũng gặp nhiều khó khăn và tiếp tục chịu sự sụt giảm đáng kể so với năm trước, cụ thể: thời gian khai thác Sà lan nhà ở PTSC Offshore 1 năm 2017 đạt 185 ngày, giảm 27% so với cùng kỳ năm trước, Sà lan vận chuyển PTSC 01 đạt 40 ngày, giảm 60% so với cùng kỳ năm trước.

Doanh thu từ loại hình dịch vụ này năm 2017 là 1.032 tỷ đồng, đạt 129% Kế hoạch năm, giảm 43% so với năm trước. Lợi nhuận gộp đạt 65,3 tỷ đồng, giảm 52% so với năm trước.

– ***Dịch vụ khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng ROV:***

➤ ***Dịch vụ khảo sát địa chấn:***

Trong bối cảnh sức ép cạnh tranh vô cùng khốc liệt trên thị trường khảo sát địa chấn những năm qua, Tổng công ty đã phải giảm giá tối đa để có thể cạnh tranh được với các chủ tàu nước ngoài đang sẵn sàng chào phá giá, chấp nhận thực hiện dịch vụ với giá rất thấp để cắt lỗ. Bên cạnh đó, do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, thời tiết khắc nghiệt và ảnh hưởng tàu cá, việc tổ chức thực hiện công tác khảo sát, thu nổ địa chấn gặp nhiều khó khăn, phát sinh chi phí lớn. Tổng khối lượng thu nổ địa chấn 2D thực hiện năm 2017 là 11.528 Km tuyến với số ngày làm việc của tàu Bình Minh 02 là 188 ngày (tương đương 52% thời gian). Tổng khối lượng thu nổ địa chấn 3D thực hiện trong năm 2017 là 5.814 Km² với số ngày làm việc là 334 ngày (tương đương 91,5% thời gian). Dù khối lượng công việc khảo sát địa chấn 3D trong năm 2017 tương đối tốt, doanh thu thực hiện đạt 927 tỷ đồng, tăng 21% so với năm trước, tuy nhiên kết quả kinh doanh trong lĩnh vực này vẫn tiếp tục lỗ 200 tỷ đồng (giảm lỗ hơn 50% so với năm 2016).

➤ ***Dịch vụ khảo sát địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng ROV:***

Các hoạt động khảo sát địa chất, địa vật lý, khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng ROV tiếp tục gặp nhiều khó khăn do sự sụt giảm khối lượng công việc lẫn đơn giá dịch vụ. Tổng số ngày làm việc ROV trong năm 2017 là 228 ngày, giảm 24% so với cùng kỳ năm trước, trong đó số ngày làm việc của Tàu PTSC Researcher là 165

ngày, giảm 25%; số ngày làm việc của Tàu Surveyor là 28 ngày, giảm 54%. Doanh thu thực hiện đạt 573 tỷ đồng, giảm 13% so với năm trước. Với những nỗ lực tiết giảm chi phí, kết quả kinh doanh từ lĩnh vực này vẫn đảm bảo không lỗ và được duy trì ổn định.

Tổng doanh thu từ loại hình dịch vụ này năm 2017 là 1.500 tỷ đồng, đạt 107% Kế hoạch năm, giảm 9% so với năm trước. Lỗ gộp 105,8 tỷ đồng, giảm lỗ 57% so với năm trước.

– **Dịch vụ khác:**

Các dịch vụ khác như dịch vụ kinh doanh khách sạn, dịch vụ bảo vệ... vẫn tiếp tục được duy trì ổn định:

+ Duy trì khai thác ổn định khách sạn Đà Nẵng Petro, khách sạn Dầu khí Vũng Tàu, đáp ứng các nhu cầu dịch vụ khách sạn, tổ chức hội thảo, hội nghị... của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, các đơn vị trong và ngoài ngành, các công ty lữ hành cũng như khách du lịch tại địa phương. Tuy nhiên, kết quả kinh doanh năm 2017 tiếp tục giảm sút so với năm 2016 do chịu ảnh hưởng chủ trương tiết giảm chi phí của các công ty nhà thầu dầu khí dẫn đến nhu cầu dịch vụ khách nghỉ đôi ca lưu trú tại khách sạn cũng như việc tổ chức các sự kiện, hội nghị, hội thảo giảm sút đáng kể.

+ Tổ chức triển khai hiệu quả, an toàn các Hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo vệ đã ký kết, đảm bảo an ninh an toàn cao nhất tại các mục tiêu bảo vệ, đặc biệt là các mục tiêu trọng điểm.

Doanh thu từ loại hình Dịch vụ này năm 2017 là 551 tỷ đồng, đạt 138% Kế hoạch năm, giảm 10% so với năm trước.

3.2 Công tác đầu tư phương tiện thiết bị và đầu tư xây dựng cơ bản

Công tác đầu tư của Công ty mẹ Tổng công ty trong năm 2017 chủ yếu là thực hiện các dự án chuyển tiếp từ năm trước và nghiên cứu, cập nhật, đánh giá tình hình thị trường đối với các dự án đầu tư được phê duyệt. Tổng giá trị thực hiện đầu tư năm 2017 của Công ty mẹ - Tổng công ty là 169 tỷ đồng, đạt 15% Kế hoạch năm. Kết quả thực hiện đầu tư thấp so với Kế hoạch đề ra là do một số nguyên nhân chính như sau:

+ Bối cảnh thị trường dịch vụ dầu khí chưa có nhiều biến chuyển, khối lượng công việc và giá dịch vụ vẫn tiếp tục duy trì ở mức thấp dẫn đến những phân tích, đánh giá hiệu quả đầu tư các dự án mới trong Kế hoạch năm 2017 đều chưa đảm bảo tính khả thi hoặc hiệu quả chưa đạt kỳ vọng.

+ Dừng triển khai Dự án đầu tư Căn cứ Cảng dịch vụ Dầu khí tổng hợp Phú Quốc do Văn phòng Chính phủ đã có chỉ đạo, ban hành Thông báo số 234/TB-VPCP ngày 25/5/2017, trong đó có nội dung điều chỉnh chức năng cảng Cảng dầu khí thành Cảng du lịch. Để thay thế, Tổng công ty DVKT đang triển khai nghiên cứu phương án đầu tư Căn cứ cảng tại Kiên Lương

+ Giảm giá trị giải ngân Dự án đầu tư và kinh doanh đội tàu phục vụ gàn bờ Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn do điều chỉnh lại tiến độ triển khai Dự án cho phù hợp với yêu cầu khách hàng.

+ Chưa thực hiện góp vốn đầu tư FPSO Cá Rồng Đỏ do khách hàng đang gặp một số khó khăn trong việc triển khai Dự án.



3.3 Công tác kiện toàn hệ thống quản lý doanh nghiệp, kiểm soát rủi ro

+ Tổ chức triển khai rà soát toàn bộ hệ thống văn bản quản trị và đang tiến hành sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định cũng như yêu cầu của Đề án Tái cấu trúc, nâng cao năng lực, năng lực cạnh tranh, tiến hành sửa đổi Điều lệ, sửa đổi các quy chế quản trị nội bộ theo hướng phân cấp và xác định rõ thẩm quyền, nhiệm vụ của các thành phần trong sơ đồ tổ chức bộ máy đối với từng lĩnh vực cụ thể: đầu tư, đấu thầu, tài chính, nhân sự, công nợ...; quyết liệt triển khai chương trình cải tiến trong toàn Tổng công ty DVKT PTSC ở mọi công tác; duy trì Hệ thống quản lý Sức khoẻ An toàn Môi trường Chất lượng hợp nhất toàn Tổng công ty DVKT PTSC theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, OHSAS 18001:2007.

+ Hoàn thành việc kiện toàn chức năng, nhiệm vụ các Ban tham mưu theo hướng tăng cường vai trò của bộ máy giúp việc đáp ứng yêu cầu của tái cấu trúc là Công ty mẹ trực tiếp thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh thuộc các lĩnh vực chính trong toàn Tổng công ty DVKT PTSC; phát huy vai trò trung tâm, điều hành, điều phối; đẩy mạnh công tác phát triển nguồn nhân lực để nâng cao trình độ cũng như đảm bảo chế độ đối với Người lao động trong quá trình sắp xếp, cơ cấu lại doanh nghiệp.

+ Đẩy mạnh công tác quản lý rủi ro, tập trung cho các khu vực, 1/ Quản lý rủi ro cho khu vực chào giá, chào thầu; 2/ Quản lý rủi ro trong thực hiện công việc, dự án; 3/ Quản trị doanh nghiệp, đảm bảo các rủi ro được quản lý và có giải pháp xử lý, công tác điều hành hoạt động sxkd có đầy đủ, kịp thời thông tin.

3.4 Công tác an sinh xã hội, hoạt động của các tổ chức đoàn thể

Song song với việc tập trung cải thiện, duy trì các chế độ chính sách và chăm lo đời sống tinh thần cho CBCNV, Tổng công ty DVKT PTSC cũng đã thực hiện tốt các công tác An sinh Xã hội (ASXH) dành cho cộng đồng, tập trung vào các đối tượng đang gặp khó khăn, các địa phương nghèo trên khắp cả nước. Trong năm 2017, Tổng công ty DVKT PTSC đã triển khai nhiều chương trình ASXH, tập trung hỗ trợ để góp phần cải thiện và nâng cấp cơ sở vật chất cho hệ thống giáo dục phổ thông, cấp học bổng cho sinh viên nghèo vượt khó, với mục tiêu phát triển toàn diện con người. Các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên cũng đã phát động CBCNV của Tổng công ty DVKT PTSC tích cực triển khai thực hiện nhiều hoạt động ASXH cụ thể, với tấm lòng đầy nhiệt huyết, phát huy truyền thống tương thân tương ái của dân tộc. Tổng giá trị ngân sách thực hiện cho công tác ASXH năm 2017 của Tổng công ty DVKT PTSC đạt khoảng 16 tỷ VNĐ.

3.5 Công tác khác

Bên cạnh công tác sxkd, Tổng công ty DVKT PTSC cũng đã quan tâm chú trọng các hoạt động khác và đạt được nhiều kết quả khả quan, cụ thể như sau:

- Đẩy mạnh phát triển năng lực thiết kế chi tiết, kỹ thuật cho khu vực công trình, công nghiệp, nhằm từng bước làm chủ thiết kế, công nghệ, nâng cao giá trị gia tăng, chất xám trong dịch vụ cung cấp cho thị trường; đồng thời chỉ đạo xây dựng, cơ cấu tổ chức, cách thức điều hành cho các Ban dự án khu vực công trình, công nghiệp của Tổng công ty DVKT PTSC theo Đề án Năng lực cạnh tranh.



- Đẩy mạnh hoạt động Khoa học Công nghệ, Sáng kiến, Sáng chế, Cải tiến (“KH-CN-SKSC-CT”), ban hành, áp dụng, triển khai quyết liệt Hệ thống Quy chế KH-CN-SKSC-CT trong toàn Tổng công ty DVKT PTSC nhằm tạo cơ chế, hành lang khuyến khích đẩy mạnh các công tác liên quan, tưởng thưởng xứng đáng cho người lao động, đẩy mạnh ứng dụng KH-CN-SKSC-CT vào hoạt động sxkd.
- Xây dựng và triển khai thực hiện các kế hoạch tuyển dụng, đào tạo phù hợp với thực tế sản xuất kinh doanh. Tổng số lao động của toàn Tổng công ty DVKT PTSC đến 31/12/2017 là 8.058 người. Trong năm 2017 toàn Tổng công ty DVKT PTSC đã tổ chức cho trên 12.000 lượt CBCNV tham dự các khóa đào tạo theo kế hoạch và theo yêu cầu chuyên môn với tổng kinh phí 25 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch năm.
- Tiếp tục triển khai rà soát, hoàn thiện hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật, quản trị chi đạo, triển khai quyết liệt chương trình thực hành tiết kiệm chống lãng phí nhằm nâng cao hiệu quả SXKD, tăng cường tiết kiệm các loại chi phí, nhiên liệu và điện năng trong sản xuất, cắt giảm chi tiêu... nhằm giảm thiểu tối đa tác động của biến động các yếu tố vĩ mô đến hoạt động sxkd.
- Duy trì hoạt động hiệu quả Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008, quản lý an toàn theo ISM Code, OSAH 18001 và ISO 14001 tại Tổng công ty và các đơn vị trực thuộc.
- Công tác an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ được kiểm tra thường xuyên, chặt chẽ, đảm bảo tuyệt đối an toàn trong các hoạt động sản xuất kinh doanh. Các chất thải và rác công nghiệp, rác độc hại được quản lý và xử lý theo đúng Quy định hiện hành...

PHẦN II

KẾ HOẠCH, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN TRONG NĂM 2018

Bước sang năm 2018, dự kiến bối cảnh kinh tế vĩ mô tiếp tục được duy trì ổn định, Tổng công ty tiếp tục nhận được sự ủng hộ, chỉ đạo sâu sát từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trong các hoạt động SXKD. Điều này có tác dụng hỗ trợ rất lớn, giúp Tổng công ty vượt qua giai đoạn khó khăn như hiện nay, khi mà ngành công nghiệp dầu khí đã trải qua giai đoạn khó khăn đủ dài để tái lập ra các chuẩn mực mới, cách vận hành mới... khốc liệt hơn, cạnh tranh hơn.

Trên cơ sở những kết quả đạt được trong năm 2017 và nhận định, đánh giá các cơ hội thị trường, khả năng triển khai các dự án, hợp đồng dịch vụ dầu khí trong năm 2018, Tổng công ty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam đề xuất kế hoạch, nhiệm vụ trọng tâm và các giải pháp thực hiện trong năm 2018 như sau:

I Chỉ tiêu kế hoạch năm 2018

a) Kế hoạch sxkd toàn Tổng công ty (hợp nhất)

Đvt: Tỷ đồng

TT	CÁC CHỈ TIÊU	Kế hoạch năm 2018
1	Doanh thu hợp nhất:	13.000
2	Lợi nhuận trước thuế	700
3	Lợi nhuận sau thuế	560
4	Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	470

b) Kế hoạch sxkd Công ty Mẹ

Đvt: Tỷ đồng

TT	CÁC CHỈ TIÊU	Kế hoạch năm 2018
1	Doanh thu	5.200
2	Lợi nhuận trước thuế	450
3	Lợi nhuận sau thuế	420
4	Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	150
5	Tỷ lệ chia cổ tức (%)	7%
6	Thực hiện đầu tư XD CB & mua sắm PTTB	1.270

II Nhiệm vụ trọng tâm

1. Tập trung các nguồn lực đẩy mạnh và phát triển các hoạt động sxkd, đảm bảo cung cấp dịch vụ kỹ thuật dầu khí chuyên ngành chất lượng cao, uy tín, đáp ứng yêu cầu của các nhà thầu dầu khí; tích cực đẩy mạnh công tác marketing tham gia đấu thầu và tìm kiếm ký kết các hợp đồng nhằm bảo đảm việc làm cho NLĐ; củng cố thị trường trong nước, mở rộng thị trường nước ngoài; xây dựng giải pháp kết nối hệ thống chuyên nghiệp, đẩy mạnh xúc tiến thương mại, thiết lập mối quan hệ hợp tác liên danh liên kết phù hợp với thế mạnh của Tổng công ty DVKT PTSC. Cụ thể các nhiệm vụ cho từng lĩnh vực dịch vụ như sau:

+ Dịch vụ tàu chuyên ngành dầu khí: Quản lý và khai thác an toàn, hiệu quả đội tàu dịch vụ chuyên dụng của Tổng công ty và đội tàu thuê ngoài, cung cấp đáp ứng tối đa nhu cầu tàu dịch vụ, tàu bảo vệ cho thị trường trong nước.

+ Dịch vụ cơ khí dầu khí: Triển khai hiệu quả, an toàn, chất lượng và đúng tiến độ các dự án: Dự án Đại Nguyệt Sao Vàng, Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú 1, Dự án NPK, NH3, Dự án LHD Long Sơn... khẳng định uy tín và năng lực cung cấp dịch vụ cơ khí dầu khí và công trình công nghiệp.

+ Dịch vụ kho nổi chứa, xuất và xử lý dầu thô FSO/FPSO: Tiếp tục quản lý và khai thác an toàn hiệu quả các kho nổi FSO/FPSO, đảm bảo đáp ứng yêu cầu của khách hàng, thực hiện tốt việc cung cấp nhân sự vận hành cho các tàu FSO Orkid, Thái Bình VN, MV12.

+ Dịch vụ căn cứ cảng: Tiếp tục duy trì quản lý và tổ chức khai thác tốt nguồn lực, cơ sở hạ tầng và các phương tiện thiết bị hiện có tại Cảng Hạ lưu Vũng Tàu, đảm bảo đáp ứng tối đa nhu cầu về dịch vụ kho, bãi, văn phòng, nhà xưởng, cầu bến, phương tiện thiết bị,... cho các công ty/nhà thầu dầu khí; đồng thời đẩy mạnh công tác marketing nỗ lực tìm kiếm mọi cơ hội để phát triển và mở rộng thị trường cung cấp các dịch vụ mới như logistics, forwarding,... phục vụ cho các đơn vị cả trong và ngoài ngành nhằm bù đắp cho nhu cầu dịch vụ dầu khí bị sụt giảm; tiếp tục tổ chức khai thác an toàn, hiệu quả các căn cứ cảng dịch vụ tổng hợp: Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ, Bến số 1 - Cảng Dung Quất, Cảng Hòn La (Quảng Bình), Cảng Đình Vũ (Hải Phòng), Cảng Nghi Sơn (Thanh Hóa), Cảng Sơn Trà (Đà Nẵng)...

+ Dịch vụ vận chuyển, lắp đặt, đấu nối, vận hành và bảo dưỡng công trình dầu khí: Tổ chức triển khai an toàn, chất lượng, đúng tiến độ và hiệu quả các dự án vận chuyển, lắp đặt, đấu nối, chạy thử, vận hành và bảo dưỡng các công trình dầu khí biển, đáp ứng yêu cầu các nhà thầu dầu khí; khai thác an toàn và hiệu quả Sà lan nhà ở PTSC Offshore 1 và Sà lan vận chuyển 5000 tấn PTSC-01.

+ Dịch vụ khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng ROV: Tổ chức quản lý, khai thác an toàn các tàu khảo sát địa chấn 2D Bình Minh 02 và tàu khảo sát địa chấn 3D Amadeus, tàu khảo sát địa vật lý PTSC Surveyor, PTSC Researcher; phân đấu giữ vững thị trường dịch vụ ROV trong nước và phát triển đưa dịch vụ ROV ra thị trường nước ngoài.

+ Các dịch vụ khác: Tiếp tục duy trì ổn định các dịch vụ khác như dịch vụ khách sạn, dịch vụ bảo vệ... nhằm đáp ứng đầy đủ nhu cầu của khách hàng và đảm bảo mức tăng trưởng theo chiến lược chung của Tổng công ty, Tập đoàn.

2. Quản lý chặt chẽ công tác đầu tư theo kế hoạch được phê duyệt, đầu tư có trọng điểm, tập trung vào các lĩnh vực chính phù hợp với nhu cầu thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh. Đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng Cảng dịch vụ dầu khí tổng hợp phục vụ Dự án Lô B, bảo đảm kỹ thuật, tiến độ và hiệu quả.

3. Phân bổ nguồn kinh phí phù hợp đào tạo nguồn nhân lực có trình độ quốc tế đáp ứng kịp thời yêu cầu phát triển dịch vụ dầu khí kỹ thuật cao theo mục tiêu định hướng chiến lược phát triển của Tổng công ty DVKT PTSC.

4. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát nâng cao trách nhiệm đối với Người đại diện vốn của Tổng công ty tại các Đơn vị thành viên. Đẩy mạnh công tác kiểm soát nội bộ, triệt để tiết kiệm trong quản lý, giảm chi phí, giảm giá thành, nâng cao sức cạnh tranh. Hỗ trợ kịp thời các đơn vị gặp khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

5. Duy trì và phát triển việc áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng, an toàn sức khỏe và môi trường trong toàn Tổng công ty DVKT PTSC. Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, cải tiến phát huy sáng kiến trong sản xuất và cập nhật, bổ sung phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại vào quản lý điều hành sản xuất kinh doanh.

III Giải pháp thực hiện

Để hoàn thành tốt nhất các nhiệm vụ Kế hoạch năm 2018, Tổng công ty DVKT PTSC đã tích cực triển khai, thực hiện đồng bộ các giải pháp trên tất cả các lĩnh vực nhằm đẩy mạnh các hoạt động sxkd cũng như rà soát, cắt giảm chi phí nhằm thực hiện ở mức cao nhất các kết quả sxkd, trong đó tập trung chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chính như sau:

1) Hoàn thiện hệ thống quản lý, nâng cao công tác quản trị doanh nghiệp

+ Thực hiện quyết liệt công tác tái cấu trúc doanh nghiệp, cải tiến, hoàn thiện hệ thống quản lý theo hướng tinh gọn nhân sự, nâng cao hiệu quả, kỷ luật nghiêm minh, môi trường minh bạch, gắn kết trực tiếp đãi ngộ với đóng góp;

+ Triệt để áp dụng nguyên tắc so sánh giữa doanh nghiệp vốn nhà nước chi phối như Tổng công ty DVKT PTSC và doanh nghiệp tư nhân, tư bản tư nhân. Phân tích, đánh giá các yếu tố đầu vào và đầu ra, những khác biệt về cơ chế, cách thức quản trị doanh nghiệp, có giải pháp nâng cao năng lực và tăng sức cạnh tranh của Tổng công ty bằng hoặc hơn các doanh nghiệp tư bản tư nhân khác;

+ Áp dụng Đề án Năng lực cạnh tranh, Đề án Phát triển sản xuất vào trong quản lý, thực hiện dự án, trong đó mấu chốt là cơ chế giao quyền, trách nhiệm cho Giám đốc dự án song song với tăng cường kiểm soát, nguồn lực phục vụ thực hiện dự án linh hoạt, cơ chế khoán trong lao động, gắn kết trực tiếp thu nhập và đãi ngộ NLD với đóng góp thực tế và hiệu quả lao động. Tập trung nâng cao chất lượng dịch vụ cùng với giá cả cạnh tranh hơn trong bối cảnh quốc tế hội nhập ngày càng sâu rộng, cạnh tranh trong và ngoài nước ngày càng khó khăn.

+ Xem xét đổi mới và ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động sxkd, công tác quản trị doanh nghiệp theo hướng xây dựng các phần mềm như: Thư viện điện tử, Quản lý thông tin công việc, nhân sự, Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP), Quản trị quan hệ khách hàng (CRP), Quản trị dây chuyền cung cấp (SCM)...

2) *Đẩy mạnh công tác phát triển kinh doanh khu vực dầu khí và công trình công nghiệp, giữ vững thị trường trong nước và phát triển ra nước ngoài; đẩy mạnh công tác nghiên cứu, phát triển sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ mới.*

+ Xây dựng và kiện toàn hệ thống nhân sự làm công tác phát triển kinh doanh của Tổng công ty, đảm bảo nhân sự phù hợp, có năng lực, kinh nghiệm; triển khai xây dựng cách thức hoạt động, hệ thống, kết nối chặt chẽ với các nguồn cung cấp thông tin, đảm bảo các thông tin liên quan được thu thập, liên tục được cập nhật, xử lý phù hợp, hiệu quả.

+ Đẩy mạnh công tác nghiên cứu và phát triển (R&D); hoàn thiện và áp dụng hiệu quả Đề án Phát triển sản xuất trong công tác sxkd dịch vụ với mục tiêu tối ưu hóa nguồn lực sản xuất trong Tổng công ty và các Đơn vị; đẩy mạnh tìm kiếm, hợp tác với các đối tác, nhà thầu trong và ngoài nước có năng lực phù hợp để cùng triển khai chế tạo sản xuất các sản phẩm mới, dịch vụ mới bền vững hơn với chi phí cạnh tranh và thị trường rộng lớn trong và ngoài nước, không phụ thuộc vào chính sách bảo hộ sản phẩm, dịch vụ.

+ Tăng cường các giải pháp hợp tác, đa dạng hóa các loại hình sản phẩm, dịch vụ, kể cả các dịch vụ phụ trợ cho các nhà sản xuất lớn, hiện đại, có thương hiệu từ Châu Âu, Mỹ, Nhật bản, Hàn Quốc... (đại lý, bán hàng, chế tạo thử, hoàn thiện, bảo trì, sửa chữa, dịch vụ hậu mãi...)

+ Tập trung phát triển năng lực, tận dụng các thế mạnh của Tổng công ty DVKT PTSC như thương hiệu, nguồn lực, hệ thống quản lý, kinh nghiệm, lợi thế là thành viên trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam... để đảm nhận những công việc phức tạp, tinh, có giá trị chất xám cao, có tính hệ thống mà đối tác chưa đủ khả năng thực hiện. Đẩy mạnh phát triển năng lực thiết kế kỹ thuật để nâng cao giá trị chất xám trong các sản phẩm, dịch vụ của Tổng công ty.

3) *Rà soát, áp dụng quyết liệt tất cả giải pháp khả thi, phù hợp, cắt giảm tối đa giá thành dịch vụ, hàng hóa, sản phẩm cung cấp bởi Tổng công ty, đáp ứng yêu cầu của khách hàng*

+ Rà soát, làm việc với các đối tác, nhà thầu phụ, cắt giảm tối đa tất cả các cấu thành giá chưa cạnh tranh so với thị trường;

+ Rà soát, cơ cấu lại thời gian khấu hao tài sản trong giá dịch vụ, để giảm chi phí khấu hao, tuân thủ Quy định hiện hành, giảm giá thành dịch vụ.

+ Rà soát danh mục tất cả chi phí của Tổng công ty, lập danh mục, kế hoạch cải tiến, mức độ cắt giảm với thời hạn và người phụ trách cụ thể, chi tiết.

+ Rà soát chi phí có tính chất lương, định biên, cơ cấu tổ chức, đánh giá chất lượng nhân sự đảm bảo chi phí tính chất lương cạnh tranh theo mức thị trường, tuân thủ Quy định hiện hành, cơ cấu tổ chức phù hợp, tinh gọn, hiệu quả.

+ Liên tục cập nhật công nghệ, rà soát các hệ thống định mức, điều chỉnh sát thực tế với cơ chế khoán và cách thức thực hiện dự án theo Đề án Năng lực cạnh tranh, theo hướng tăng năng suất cao nhất, tự động hóa.

+ Phối hợp Công đoàn Tổng công ty liên tục tuyên truyền, phổ biến cho toàn thể NLĐ về điều kiện, kết quả sxkd bị ảnh hưởng nghiêm trọng do giá dầu thấp và các yếu tố khác, kêu gọi sự đoàn kết và phối hợp cao của NLĐ đối với các giải pháp của Ban lãnh đạo Tổng công ty, đặc biệt liên quan công tác tiết kiệm, chống lãng phí.

4) *Xây dựng và phát triển nguồn nhân lực có trình độ kỹ thuật cao; đẩy mạnh công tác nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, sáng kiến, sáng chế, cải tiến, công nghệ thông tin vào hoạt động sxkd để nâng cao hiệu quả, năng suất lao động.*

+ Tiêu chuẩn hóa hoạt động quản lý và phát triển nguồn nhân lực theo hướng đạt chuẩn quốc tế, đáp ứng được các tiêu chuẩn khi làm việc với nhà thầu nước ngoài và có thể cạnh tranh với lao động khu vực.

+ Tiếp tục hoàn thiện các cơ chế, chính sách nhằm thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao là người Việt Nam như: quản lý cấp cao, chuyên gia về O&M, chuyên gia về thiết kế, thuyền trưởng, máy trưởng...; tăng mức độ đãi ngộ hợp lý, minh bạch theo hướng chấp nhận sự khác biệt, khuyến khích tăng năng suất, hiệu quả.

+ Tăng cường đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý, NLĐ của Tổng công ty DVKT PTSC, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ theo chuẩn quốc tế và các kỹ năng làm việc quốc tế đáp ứng với yêu cầu phát triển của Tổng công ty. Xây dựng chính sách đào tạo, đào tạo lại và đào tạo nội bộ phù hợp trong suốt quá trình sử dụng lao động, tăng cường các khóa đào tạo chuyên sâu (thiết kế, kỹ thuật...), duy trì chế độ bồi dưỡng cho giảng viên nội bộ để khuyến khích, động viên, tạo môi trường văn hóa học tập trong Tổng công ty.

+ Áp dụng Quy chế Khoa học Công nghệ, sáng kiến, sáng chế, cải tiến trong toàn Tổng công ty DVKT PTSC nhằm tạo cơ chế, hành lang khuyến khích đẩy mạnh các công tác liên quan, tương xứng xứng đáng cho NLĐ. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, sáng kiến, sáng chế, cải tiến, công nghệ thông tin vào hoạt động SXKD để nâng cao năng suất lao động.

5) *Rà soát các dự án đầu tư, ưu tiên tập trung nguồn lực cho thực hiện các dự án đầu tư trọng điểm thuộc lĩnh vực kinh doanh chính; bám sát diễn biến thị trường để kịp thời nắm bắt cơ hội đầu tư, nâng cao hiệu quả kinh doanh dịch vụ.*

+ Tiếp tục rà soát, cập nhật hoàn chỉnh quy định, quy chế quản lý, phân cấp đầu tư trong nội bộ Tổng công ty, đảm bảo sát thực, tạo hành lang pháp lý chặt chẽ, hỗ trợ tối đa cho công tác đầu tư tại Tổng công ty DVKT PTSC.

+ Thực hiện phân loại và sắp xếp trật tự ưu tiên các dự án đầu tư, đảm bảo sử dụng hiệu quả vốn, đầu tư theo trọng điểm, tập trung vào các lĩnh vực chính của Tổng công ty, tuyệt đối không đầu tư các dự án tiềm ẩn rủi ro cao hoặc có hiệu quả kinh tế thấp hoặc chưa có có phương án thu xếp vốn khả thi.

+ Tranh thủ phân loại và sắp xếp trật tự ưu tiên các dự án đầu tư, đảm bảo sử dụng hiệu quả vốn, đầu tư theo trọng điểm, tập trung các hạng mục công việc theo quy định.

+ Tăng cường thực hiện công tác giám sát và đánh giá đầu tư nhằm đảm bảo các dự án đầu tư được kiểm tra chặt chẽ các thủ tục đầu tư theo các quy định hiện hành, đánh giá tính hiệu quả và khả thi trước khi thực hiện.

+ Tổ chức kiểm tra, đánh giá hiệu quả khai thác, sử dụng các tài sản đã được đầu tư để tổng kết, rút kinh nghiệm cho các hoạt động đầu tư mới cũng như kịp thời phát hiện, khắc phục các tồn tại nhằm phát huy tối đa hiệu quả đầu tư.

6) Hoàn thiện cơ chế tài chính, quản lý vốn hiệu quả và linh hoạt

+ Đa dạng hóa công tác huy động vốn, sử dụng các công cụ quản trị rủi ro trong huy động và quản lý nguồn vốn huy động, đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động sxkd.

+ Tổ chức quản lý chặt chẽ vốn góp đầu tư tại các công ty con, Đơn vị và các liên doanh. Tăng cường giám sát đối với người đại diện vốn của Tổng công ty tại các Đơn vị thành viên. Nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ để đảm bảo việc chấp hành các chính sách chế độ tài chính kế toán tại các Đơn vị.

+ Tăng cường công tác quản lý giá thành các sản phẩm dịch vụ, công tác kế toán quản trị nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh dịch vụ. Duy trì hệ số nợ một cách thích hợp để đảm bảo tính tự chủ, an toàn về tài chính.

+ Quản lý sử dụng dòng tiền hiệu quả; rà soát lại các khoản công nợ, đặc biệt là các khoản nợ phải thu lâu ngày đang chờ xử lý, thực hiện các thủ tục để tiến hành đánh giá, trích lập dự phòng phải thu khó đòi nhằm bảo toàn vốn kinh doanh.

Trên đây là báo cáo tóm tắt tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 và phương hướng hoạt động chủ yếu năm 2018 của Tổng công ty DVKT PTSC.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua.

Trân trọng./.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, BKS, Ban TGD;
- Văn phòng, các Ban;
- Lưu: VT, BTK.

Số: /BC-DVKT-BKS

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 5 năm 2018

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2017 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2018
CỦA BAN KIỂM SOÁT TỔNG CÔNG TY

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018

PHẦN I
BÁO CÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA, GIÁM SÁT NĂM 2017

I - HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Cơ cấu tổ chức của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát Tổng công ty gồm 03 thành viên, trong đó:

- Bà Hồ Thị Oanh - Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách
- Bà Bùi Thu Hà - Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách
- Ông Triệu Văn Nghị - Thành viên Ban Kiểm soát kiêm nhiệm (đã có đơn xin từ nhiệm ngày 02/5/2018).

2. Hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2017

Căn cứ quyền hạn và trách nhiệm của Ban Kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam; căn cứ kế hoạch kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 thông qua; Ban Kiểm soát đã triển khai thực hiện các nội dung công việc chủ yếu sau:

- Kiểm tra việc bảo toàn vốn, quản lý dòng tiền, hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp;
- Giám sát tình hình chấp hành Điều lệ, tình hình thực hiện Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị PTSC;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các Quy chế, Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đối với PTSC;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các dự án đầu tư;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện phương án tái cơ cấu Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các biện pháp tiết giảm chi phí;
- Thẩm định Báo cáo tài chính quý, năm;

- Giám sát việc thực hiện các kiến nghị tại Biên bản của các đoàn kiểm tra, kiểm toán đối với doanh nghiệp, các đơn vị thành viên/trực thuộc; xem xét báo cáo kiểm tra, kiểm soát nội bộ của Tổng công ty và ý kiến phản hồi của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty;

- Phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý vốn chủ sở hữu, quản lý phần vốn của Tổng công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác, với mục đích bảo toàn và phát triển vốn;

- Thực hiện các công tác khác của Ban Kiểm soát theo kế hoạch hoạt động năm 2017. Định kỳ hàng quý, tổng kết, lập báo cáo kiểm tra giám sát đánh giá việc tuân thủ Điều lệ Tổng công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; đánh giá việc chấp hành các qui định của Pháp luật Nhà nước, tình hình thực hiện và tuân thủ các Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của chủ sở hữu có liên quan đến hoạt động của PTSC.

Công tác kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát PTSC được thực hiện liên tục, có hệ thống nhằm nắm bắt kịp thời thực trạng, hiệu quả hoạt động của Tổng công ty, các đơn vị thành viên, để giúp Tổng công ty phát hiện và khắc phục những tồn tại trong hệ thống quản lý, điều hành hoạt động và hệ thống kiểm soát nội bộ.

II - KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Ban Kiểm soát đã kiểm tra, giám sát tình hình triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh, đã thẩm định báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 của Tổng công ty và thống nhất đánh giá, kết quả cụ thể như sau:

1.1 Một số chỉ tiêu chính về tình hình thực hiện kế hoạch năm 2017

• Toàn Tổng công ty PTSC

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2016	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	So với	
						Kế hoạch 2017	Thực hiện 2016
1	Doanh thu hợp nhất	Tỷ đồng	19.293	13.000	22.368	172,06%	115,94%
2	Lợi nhuận hợp nhất trước thuế	Tỷ đồng	1.256	700	1.005	143,57%	80,02%
3	Lợi nhuận hợp nhất sau thuế	Tỷ đồng	910	560	782	139,55%	85,88%

- Tổng doanh thu hợp nhất năm 2017 đạt 22.368 tỷ đồng (bao gồm doanh thu từ HĐ SXKD chính: 16.812 tỷ đồng, doanh thu hoạt động tài chính: 295 tỷ, thu nhập khác 5.261 tỷ đồng), đạt 172,06% kế hoạch năm, tăng 15,94%% so với cùng kỳ năm 2016. Thu nhập khác tăng do trong năm 2017 có khoản thu nhập bất thường từ thanh lý hợp đồng cho thuê FPSO Lam Son.

- Tổng lợi nhuận hợp nhất trước thuế đạt 1.005 tỷ đồng, đạt 143,57% kế hoạch năm, giảm 19,98% so cùng kỳ năm 2016.

- Tổng tài sản đến 31/12/2017 là 23.872 tỷ đồng, giảm 1.669 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2016. Giảm chủ yếu ở các khoản phải thu ngắn hạn và hàng tồn kho.
- Hệ số bảo toàn vốn tại thời điểm 31/12/2017 đạt 1,03 lần (Vốn CSH tại thời điểm 31/12/2017 là 12.081 tỷ đồng/Vốn CSH tại thời điểm 31/12/2016 là 11.752 tỷ đồng). PTSC đã bảo toàn và phát triển được vốn.
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE) năm 2017 đạt 6,6%.
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tài sản (ROA) năm 2017 đạt 3,2%
- Hệ số nợ/Tổng tài sản thời điểm 31/12/2017 là 0,50 lần, ở mức an toàn cho sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển, tuy nhiên tương đối khó khăn về dòng tiền.

• Công ty Mẹ PTSC

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2016	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	So với KH 2017	So với TH 2016
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	4.467	5.896	4.467	75,76%	100%
2	Doanh thu	Tỷ đồng	10.942	7.900	14.816	187,54%	135,40%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	621	420	543	129,29%	87,44%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	619	410	542	132,20%	87,56%
5	Tỷ suất lợi nhuận hợp nhất sau thuế/Vốn điều lệ	%	13,85	6,95	12,1	174,61%	87,66%
6	Thực hiện đầu tư	Tỷ đồng	36	1.126	169	15,00%	469,44%

- Tổng doanh thu Công ty Mẹ PTSC năm 2017 đạt 14.816 tỷ đồng, bằng 187,54% kế hoạch năm, tăng 35,40% so với năm 2016. Doanh thu tăng cao so với 2016 do trong năm có khoản thu nhập bất thường từ thanh lý hợp đồng cho thuê FPSO Lam Sơn).
- Tổng lợi nhuận sau thuế năm 2017 đạt 542 tỷ đồng, đạt 132,20% kế hoạch năm, giảm 12,44% so với năm 2016.
- Tổng tài sản đến 31/12/2017 là 13.707 tỷ đồng, giảm 410 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2016. Giảm chủ yếu ở khoản nợ phải thu khách hàng, tài sản ngắn hạn và tài sản dở dang dài hạn.
- Hệ số bảo toàn vốn tại thời điểm 31/12/2017 đạt 1,03 lần (Vốn CSH tại thời điểm 31/12/2017 là 7.760 tỷ đồng/Vốn CSH tại thời điểm 31/12/2016 là 7.515 tỷ đồng). PTSC đã bảo toàn và phát triển được vốn.
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE) năm 2017 đạt 7,11%.
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tài sản (ROA) năm 2017 đạt 3,9%

- Hệ số nợ/Tổng tài sản thời điểm 31/12/2017 là 0,43 lần, đảm bảo mức an toàn cho sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển.

1.2 Kết quả hoạt động SXKD từng lĩnh vực:

Chi tiết kết quả tình hình thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh cả năm 2017 toàn Tổng công ty DVKT như sau:

- *Dịch vụ cung ứng tàu chuyên dụng:* Doanh thu thực hiện 2.404 tỷ đồng, đạt 120% kế hoạch năm..
- *Dịch vụ quản lý, vận hành khai thác tàu chứa dầu FSO/FPSO:* Doanh thu thực hiện 3.304 tỷ đồng, đạt 118% kế hoạch năm, giảm 9% so với cùng kỳ năm trước.
- *Dịch vụ cơ khí dầu khí:* Doanh thu thực hiện 8.824 tỷ đồng, đạt 130% kế hoạch năm, giảm 16% so với cùng kỳ năm trước
- *Dịch vụ căn cứ cảng dầu khí:* Doanh thu thực hiện 1.600 tỷ đồng, đạt 123% kế hoạch năm, giảm 2% so với cùng kỳ năm trước.
- *Dịch vụ vận chuyển, lắp đặt, đấu nối, vận hành sửa chữa và bảo dưỡng các công trình dầu khí:* Doanh thu thực hiện 1.032 tỷ đồng, đạt 129% kế hoạch năm, giảm 43% so với cùng kỳ năm trước.
- *Dịch vụ khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng ROV:* Doanh thu thực hiện 1.500 tỷ đồng, đạt 107% kế hoạch năm, giảm 9% so với cùng kỳ năm trước.
- *Dịch vụ khác:* Bao gồm dịch vụ kinh doanh khách sạn, dịch vụ công nghệ viễn thông, tự động hóa, dịch vụ bảo vệ... Doanh thu thực hiện 551 tỷ đồng, đạt 138% kế hoạch năm, giảm 10% so với cùng kỳ năm trước.

2. Công tác quản lý, đầu tư tài sản cố định và xây dựng cơ bản; tái cấu trúc; quản lý và đầu tư tài chính

2.1 Công tác quản lý, đầu tư tài sản cố định và xây dựng cơ bản

Trong năm 2017, công tác đầu tư của PTSC chủ yếu là thực hiện các dự án chuyển tiếp từ năm 2016 và triển khai nghiên cứu, chuẩn bị các thủ tục đầu tư các dự án đầu tư trong kế hoạch năm đã được phê duyệt và mua sắm một số trang thiết bị nhỏ lẻ phục vụ các hoạt động sản xuất kinh doanh.

Các dự án đầu tư hình thành TSCĐ và XD CB khác của Tổng công ty đã được triển khai đúng các Quy định hiện hành của Nhà nước, của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Tổng công ty. Các dự án đang được thực hiện đúng tiến độ, kế hoạch đã xây dựng.

Hiệu quả mang lại: Các dự án đầu tư XD CB, mua sắm TSCĐ sau khi hoàn thành bàn giao đã được đưa vào sử dụng, quản lý, phân loại, trích khấu hao TSCĐ theo quy định của Bộ Tài chính, việc sử dụng khai thác đã mang lại hiệu quả kinh tế thiết thực thông qua kết quả kinh doanh hàng năm của Tổng công ty.

Kết quả thực hiện năm 2017 đạt 169 tỷ đồng, đạt 15% kế hoạch năm.

2.2 Công tác tái cấu trúc, quản lý tài chính và đầu tư vốn vào doanh nghiệp khác

Tính đến 31/12/2017, tổng giá trị các khoản đầu tư tài chính của PTSC là 5.648 tỷ đồng. Trong đó, đầu tư vào 13 công ty con là 3.187 tỷ đồng, 06 công ty liên doanh liên kết là 2.458 tỷ đồng và 01 đơn vị khác là 3 tỷ đồng. Trong năm 2017, Công ty mẹ đã nhận được tiền cổ tức, lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính là 771 tỷ đồng, bằng 14% tổng giá trị các khoản đầu tư.

Công tác tái cấu trúc, quản lý tài chính và đầu tư vốn vào doanh nghiệp khác của PTSC được thực hiện nghiêm túc theo chủ trương, chỉ đạo của Tập đoàn, tập trung vào những ngành nghề kinh doanh chính, không đầu tư dàn trải.

3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017

a) Kế hoạch SXKD toàn Tổng công ty (hợp nhất)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2018
1	Doanh thu hợp nhất	Tỷ đồng	13.000
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	700
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	560
4	Nộp ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	470

b) Kế hoạch SXKD Công ty Mẹ

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2018
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	5.896
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	5.200
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	450
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	420
5	Nộp ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	150
6	Tỷ lệ chia cổ tức/VĐL	%	7%
7	Thực hiện đầu tư	Tỷ đồng	1.270

Phương án Kế hoạch được xây dựng trên cơ sở dự báo giá dầu bình quân năm 2018 là 50-60USD/thùng.

4. Thực hiện kế hoạch chi trả cổ tức năm 2016 và 2017

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng thường niên số 280/NQ-DVKT-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2017 về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận 2016 và kế hoạch phân phối lợi nhuận 2017, Hội đồng quản trị PTSC đã ban hành Nghị quyết 568/NQ-DVKT-HĐQT ngày 14/09/2017 về việc chi trả cổ tức còn lại 2016 với tỷ lệ chi trả 5% và Nghị quyết 53/NQ-DVKT-HĐQT ngày 25/01/2018 về việc tạm ứng cổ tức năm 2017 với tỷ lệ 5% bằng tiền mặt. Công tác chi trả cổ tức năm 2016 và tạm ứng cổ tức 2017 được thực hiện theo đúng tinh thần Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

III - KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2017

Ban Kiểm soát đã thực hiện việc thẩm định Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 và thống nhất xác nhận kết quả cụ thể như sau:

- Báo cáo tài chính năm 2017 đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng công ty tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

- Việc ghi chép, mở sổ kế toán, phân loại các nội dung kinh tế, theo các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành; thực hiện báo cáo và công bố thông tin định kỳ hoặc bất thường theo đúng các quy định hiện hành.

- Báo cáo tài chính năm 2017 đã được thực hiện kiểm toán theo qui định tại Điều lệ Tổng công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam đã được lựa chọn thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 của Tổng công ty.

- Ban kiểm soát nhất trí với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 và Thư quản lý của Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

- Trong năm 2017, PTSC đã bảo toàn và phát triển được vốn chủ sở hữu, thực hiện đầy đủ các biện pháp nhằm bảo toàn vốn gắn liền với hoạt động sản xuất kinh doanh: Thực hiện đúng chế độ quản lý vốn, tài sản, phân phối lợi nhuận, chế độ quản lý tài chính và chế độ kế toán theo quy định; Mua đầy đủ bảo hiểm tài sản theo đúng quy định; Trích lập đầy đủ các khoản dự phòng theo quy định: giảm giá hàng tồn kho, dự phòng nợ phải thu khó đòi; dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính; dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hoá công trình xây lắp.

- Tình hình quản lý tài sản: Toàn bộ các tài sản của Công ty mẹ đều được quản lý theo đúng quy định của Nhà nước và quy định nội bộ của Tổng công ty, công tác kiểm kê tài sản được thực hiện đầy đủ, trích khấu hao theo đúng quy định. Máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, thiết bị quản lý khấu hao với mức nhanh nhất; các tài sản có giá trị lớn được khấu hao với thời gian tương đối dài để phù hợp với thời gian khai thác thực tế của tài sản phục vụ cho quá trình hoạt động SXKD, không có tài sản hư hỏng hoặc tài sản không sử dụng.

- Các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận hợp nhất sau thuế, tỷ suất lợi nhuận hợp nhất sau thuế trên vốn điều lệ tuy có giảm so với 2016 nhưng đều hoàn thành vượt mức kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 thông qua.

- Một số chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động của Công ty Mẹ: Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE): 7,11%; tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA): 3,96%. Các chỉ số này tuy có giảm so với 2016 nhưng vẫn cho thấy Tổng công ty hoạt động hiệu quả.

- Công tác quản lý, kiểm soát và thu hồi công nợ phải thu luôn được duy trì, kiểm soát chặt chẽ. Tổng công ty đã thực hiện trích lập dự phòng đầy đủ các khoản phải thu quá hạn, phải thu khó đòi theo quy định. Nợ phải thu tại 31/12/2017 là 4.475 tỷ đồng (BCTC Công ty mẹ), giảm 149 tỷ đồng, tương đương giảm 3% so với thời điểm 31/12/2017. Nợ phải thu ngắn hạn tại ngày 31/12/2017 là 4.096 tỷ đồng, giảm 117 tỷ

đồng, tương đương giảm 3% so với tại ngày 31/12/2016. Nợ phải thu dài hạn tại ngày 31/12/2017 là 379 tỷ đồng, giảm 33 tỷ đồng, tương đương giảm 8% so với tại thời điểm 31/12/2016. Nợ phải thu quá hạn là 545 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 12% trong tổng số công nợ phải thu; chủ yếu là khoản phải thu từ Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP) và các Đơn vị thành viên của Công ty PVEP.

- Nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2017 (BCTC Công ty mẹ) là 5.947 tỷ đồng, giảm 655 tỷ đồng so với tại thời điểm 31/12/2016. Nợ phải trả ngắn hạn tại ngày 31/12/2017 là 4.520 tỷ đồng, giảm 851 tỷ đồng, tương đương giảm 16% so với tại ngày 31/12/2016. Nợ dài hạn tại ngày 31/12/2017 là 1.427 tỷ đồng, tăng 196 tỷ đồng, tương đương tăng 16% so với tại thời điểm 31/12/2016. Nợ phải trả quá hạn tại thời điểm 31/12/2017 là 240 tỷ đồng. Đây chủ yếu là các khoản phải trả cho nhà cung cấp cung cấp tàu dịch vụ cho Tổng công ty mà Tổng công ty cung cấp lại cho Công ty PVEP. Do việc chưa thu hồi được công nợ từ Công ty PVEP nên Tổng công ty chưa có nguồn để thanh toán đối ứng lại cho nhà cung cấp. Tổng công ty đang tích cực thực hiện các biện pháp thu hồi công nợ từ Công ty PVEP để thanh toán cho nhà cung cấp. Tại thời điểm 31/12/2017, Nợ phải trả trên VCSH là 0,77 lần, khả năng thanh toán nợ đến hạn là 1,56 lần, hệ số khả năng thanh toán tổng quát là 2,30 lần. Các hệ số này thể hiện tình hình tài chính của PTSC lành mạnh, an toàn, có sự ổn định.

Tại thời điểm 31/12/2017, số dư tiền và các khoản tương đương tiền của Tổng công ty đạt 2.718 tỷ đồng, tăng 332 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2016. Trong đó, lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh là 327 tỷ đồng chủ yếu là do các khoản phải thu giảm; Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư là 549 tỷ đồng chủ yếu là do tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia lớn hơn việc đầu tư, mua sắm tài sản, thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính âm 597 tỷ đồng chủ yếu là do đơn vị thực hiện trả nợ gốc các khoản vay đến hạn trả đã cam kết với số tiền là 374 tỷ đồng, và trả cổ tức cho cổ đông với số tiền là 223 tỷ đồng.

IV - KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY

Ban kiểm soát nhất trí với Báo cáo tình hình hoạt động năm 2017 và kế hoạch năm 2018 của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Tổng công ty.

Công tác điều hành sản xuất kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty trong năm 2017 nhìn chung đã tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ hoạt động, Nghị quyết của ĐHĐCĐ/HĐQT PTSC, các quy định pháp luật có liên quan và các Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Trong năm 2017, HĐQT đã tổ chức 4 cuộc họp trực tiếp và 69 đợt lấy ý kiến, ban hành tổng cộng 269 văn bản trong đó có 131 nghị quyết/quyết định và 138 văn bản khác để quản lý các hoạt động của Tổng công ty. HĐQT thường xuyên theo dõi hoạt động và tình hình thực hiện các quyết định đã ban hành, giám sát tình hình hoạt động của các Đơn vị thông qua các báo cáo định kỳ của Người đại diện và các buổi làm việc trực tiếp của HĐQT với Đơn vị. HĐQT đã thực hiện đầy đủ quyền và trách nhiệm trong quản lý Tổng công ty, tích cực chỉ đạo, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, các Tổ chức Chính trị-Xã hội của Tổng công ty thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo quy định.

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty luôn làm việc tích cực với tinh thần trách nhiệm cao. Tiếp tục đổi mới và ứng phó tốt với khó khăn, biến động của ngành Dầu khí. Không ngừng phân tích, đánh giá đầy đủ các thuận lợi, khó khăn; thường xuyên thực hiện công tác quản trị rủi ro để phòng ngừa thiệt hại và dự báo để đón đầu cơ hội. Đồng thời tập trung điều hành quyết liệt, linh hoạt, sâu sát mọi hoạt động của Tổng công ty; chủ động nghiên cứu, thực hiện các giải pháp và triển khai kịp thời các quyết sách để tháo gỡ khó khăn; tích cực mở rộng và gìn giữ thị trường, đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ, giảm giá thành và đẩy mạnh công tác phát triển dịch vụ ra nước ngoài; tổ chức triển khai nhiều chương trình hành động, phát động nhiều phong trào thi đua, huy động và nâng cao hiệu quả sử dụng mọi nguồn lực, tối ưu hóa quy trình hoạt động sản xuất kinh doanh; đẩy mạnh áp dụng công nghệ hiện đại vào quản lý, điều hành; nâng cao hiệu lực, hiệu quả của bộ máy quản lý giúp tiết giảm chi phí, tiết kiệm chi phí; lãnh đạo Tổng công ty đạt kết quả hoạt động SXKD hiệu quả.

V - BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ. Cung cấp đầy đủ các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Tổng công ty; Ban Kiểm soát được mời tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, họp giao ban của Tổng công ty và các cuộc họp khác.

Ban Kiểm soát đã thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc việc phân công nhiệm vụ các thành viên Ban Kiểm soát, kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2017 để phối hợp. Ban Kiểm soát xem xét kết quả kiểm tra, kiểm soát nội bộ, Báo cáo kiểm toán của Công ty kiểm toán Deloitte Việt Nam, xem xét ý kiến phản hồi của Ban lãnh đạo Tổng công ty. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát đã được tham khảo ý kiến Hội đồng quản trị trước khi trình Đại hội đồng cổ đông.

Ban Kiểm soát thẩm định báo cáo Tài chính, Báo cáo kết quả Hoạt động sản xuất kinh doanh trước khi trình Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông. Báo cáo tổng kết công tác kiểm tra, giám sát đối với hoạt động quản lý, điều hành, tình hình quản lý và sử dụng vốn, khả năng thanh toán, công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ, tình hình ghi chép sổ sách kế toán và lập báo cáo Tài chính hàng quý của Ban kiểm soát đều được gửi tới Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

Trong năm 2017, Ban Kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong công tác kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh tại Công ty Mẹ và các đơn vị thành viên. Ban Kiểm soát cũng thực hiện soát xét và cho ý kiến về công tác lập và trình bày Báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên, đảm bảo tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định hiện hành của cơ quan quản lý Nhà nước cũng như các quy định của PTSC.

VI – ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT VÀ CỦA TỪNG KIỂM SOÁT VIÊN

Ban Kiểm soát đã nghiêm túc thực hiện theo các nội dung trong Kế hoạch hoạt động năm 2017 của Ban Kiểm soát đã được ĐHĐCĐ và Tập đoàn thông qua; bám sát Nghị quyết ĐHĐCĐ, kế hoạch hoạt động và tình hình thực tế, thực hiện đúng các quyền hạn và trách nhiệm theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty.



Trong năm 2017, Ban Kiểm soát đã tổ chức 04 cuộc họp trong 4 quý. Phối hợp cùng Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam và Ban Tài chính Kế toán làm việc tại một số đơn vị thành viên/trực thuộc giám sát các nội dung sau: Công tác kiểm kê 2017, công tác rà soát, kiểm tra hạch toán kế toán, công tác lập BCTC, công tác quản lý công nợ, công tác thực hiện chương trình hành động tiết kiệm chống lãng phí.

Các Thành viên làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, theo nguyên tắc độc lập và cân trọng, luôn vì lợi ích của cổ đông và sự phát triển của Tổng công ty PTSC.

Duy trì mối quan hệ công tác và hợp tác/phối hợp tốt với các Thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, tập thể Người đại diện tại PTSC, các cổ đông khác và Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam.

Thực hiện gửi đầy đủ, trung thực các báo cáo giám sát và báo cáo khác khi được Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam yêu cầu.

Chấp hành thường xuyên, đầy đủ Nghị quyết ĐHĐCĐ và các Quyết định/Chi thị của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ trong Kế hoạch công việc cá nhân đã được Ban Kiểm soát PTSC thông qua.

Kết quả hoạt động của từng thành viên Ban kiểm soát: Theo phụ lục đính kèm.

VII – KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Ban Kiểm soát nhất trí với Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị, Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, Báo cáo Tài chính và Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 của Tổng công ty trình Đại hội; Kính đề nghị Đại hội phê chuẩn Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo Tài chính, phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 của Tổng công ty.

Năm 2018, dự báo các thách thức và khó khăn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh còn lớn hơn năm 2017. Để hoàn thành tốt các nhiệm vụ kế hoạch năm 2018, Ban Kiểm soát kính đề nghị Lãnh đạo Tổng công ty:

- Tiếp tục tăng cường công tác tái cấu trúc theo hướng hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế, bám sát chiến lược phát triển Tổng công ty đến năm 2025, định hướng đến năm 2035.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát nâng cao trách nhiệm đối với Người đại diện vốn của Tổng công ty tại các Đơn vị thành viên. Đẩy mạnh công tác kiểm soát nội bộ. Duy trì việc thường xuyên thực hiện công tác kiểm tra giám sát các mặt hoạt động của toàn Tổng công ty nhằm có giải pháp hỗ trợ kịp thời, tháo gỡ khó khăn để thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh 2018.

- Tăng cường giám sát hiệu quả vốn đầu tư của PTSC tại các công ty liên doanh, liên kết và đầu tư tài chính.

PHẦN II KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2018

Thực hiện đúng quyền hạn và trách nhiệm của Ban Kiểm soát theo qui định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và nhiệm vụ ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 trong đó tập trung kiểm tra, giám sát các công việc chủ yếu sau:

- Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ kiểm tra giám sát các hoạt động điều hành, quản lý kinh doanh theo chức năng, nhiệm vụ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Tổng công ty;
- Giám sát việc chấp hành các quy định của Pháp luật, Điều lệ tổ chức hoạt động, tình hình thực hiện các Quy chế, Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị Tổng công ty, tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
- Kiểm tra giám sát tình hình triển khai công tác sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư của Tổng công ty;
- Thẩm định báo cáo tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ, tình hình quản lý, bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu; phối hợp với Người đại diện phần vốn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trong việc quản lý phần vốn của Tập đoàn tại PTSC và phần vốn của PTSC đầu tư vào doanh nghiệp khác;
- Thẩm định quyết toán Quỹ tiền lương năm 2017 và kế hoạch tiền lương năm 2018 của Người lao động và Quỹ tiền lương viên chức quản lý năm 2017 theo các quy định hiện hành;
- Giám sát việc cân đối vốn và quản lý dòng tiền;
- Giám sát việc thực hiện Phương án tái cơ cấu Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2016-2020;
- Giám sát việc xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật và các biện pháp tiết giảm chi phí quản lý, giảm giá thành sản phẩm theo chỉ thị của Chính phủ và của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
- Phối hợp với các cơ quan chức năng của Nhà nước, các đoàn kiểm tra, kiểm toán nội bộ của Tập đoàn, của Tổng công ty trong việc kiểm tra, giám sát công tác quản lý, hoạt động sản xuất kinh doanh tại đơn vị, giám sát việc thực hiện các kiến nghị tại Biên bản các đoàn kiểm tra, kiểm toán.
- Thực hiện các công việc khác của Ban Kiểm soát theo yêu cầu của ĐHĐCĐ, của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các quy định hiện hành.

Trên đây là báo cáo tóm tắt tình hình hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2017 và phương hướng hoạt động chủ yếu của Ban Kiểm soát năm 2018.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua.

Trân trọng kính chào!

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, BKS, Ban TGD;
- Website Tổng công ty;
- Văn phòng, các Ban;
- Lưu: VT, BTK.

PHỤ LỤC 1: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

I. Các hoạt động theo quy định của Luật doanh nghiệp, Nghị quyết của ĐHĐCĐ

Trong năm 2017, các thành viên Ban Kiểm soát đã thực hiện đúng các quyền hạn và nghĩa vụ của mình theo quy định của Luật doanh nghiệp.

Trên cơ sở kế hoạch hoạt động đã được ĐHĐCĐ thông qua tại Nghị quyết 280/NQ-DVKT-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2017, các thành viên Ban Kiểm soát đã tiến hành thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của Tổng công ty PTSC.

Trong năm 2017, Ban Kiểm soát đã tổ chức 04 cuộc họp trực tiếp và ban hành 01 Nghị quyết liên quan đến hoạt động của Ban Kiểm soát: Nghị quyết 339/NQ-DVKT-BKS ngày 12/06/2017 về việc bổ nhiệm lại bà Hồ Thị Oanh giữ chức Trưởng Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2017-2022.

II. Các hoạt động theo lĩnh vực được phân công

Trong năm 2017, các thành viên Ban Kiểm soát đã thực hiện đúng chức trách nhiệm vụ theo từng lĩnh vực đã được phân công, cụ thể như sau:

1. Bà Hồ Thị Oanh – Trưởng Ban Kiểm soát

- Đã tham gia 4 cuộc họp Ban Kiểm soát và cho ý kiến đầy đủ về công tác kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động, lĩnh vực của Ban Kiểm soát được phân công.
- Đã thực hiện tốt các trách nhiệm liên quan đến các công việc, lĩnh vực: Công tác tổ chức hoạt động chung của Ban Kiểm soát; Theo dõi, đôn đốc triển khai thực hiện các hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát; Chỉ đạo, hỗ trợ, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ được phân công của các thành viên Ban Kiểm soát; Phê duyệt các báo cáo theo yêu cầu của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; Phụ trách các công việc chưa phân công cho các thành viên Ban Kiểm soát khác thuộc chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền của Ban Kiểm soát.
- Đã triển khai công tác kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động: Công tác bảo toàn vốn, quản lý dòng tiền, hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp; Tình hình chấp hành Điều lệ, thực hiện Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị PTSC; Việc thực hiện các Quy chế, Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đối với PTSC; Tình hình thực hiện các dự án đầu tư; Công tác tái cơ cấu; Tình hình thực hiện các biện pháp tiết giảm chi phí; Thẩm định Báo cáo tài chính quý, năm; Tình hình thực hiện các kiến nghị tại Biên bản của các đoàn kiểm tra, kiểm toán đối với doanh nghiệp, các đơn vị thành viên/trực thuộc; xem xét báo cáo kiểm tra, kiểm soát nội bộ của Tổng công ty và ý kiến phản hồi của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty.

2. Bà Bùi Thu Hà – Thành viên Ban Kiểm soát

- Đã tham gia 4 cuộc họp Ban Kiểm soát và cho ý kiến đầy đủ về công tác kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động, lĩnh vực của Ban Kiểm soát được phân công
- Đã triển khai và thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động: Công tác bảo toàn vốn, quản lý dòng tiền, hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp; Tình hình chấp hành Điều lệ, thực hiện Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị PTSC; Việc thực hiện các Quy chế, Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đối với PTSC; Tình hình thực hiện các dự án đầu tư; Công tác tái cơ cấu; Tình hình thực hiện các biện pháp tiết giảm chi phí; Thẩm định Báo cáo tài chính quý, năm; Tình hình thực hiện các kiến nghị tại Biên bản của các đoàn kiểm tra, kiểm toán đối với doanh nghiệp, các đơn vị thành viên/trực thuộc; xem xét báo cáo kiểm tra, kiểm soát nội bộ của Tổng công ty và ý kiến phản hồi của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty

3. Ông Triệu Văn Nghị - Thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách

- Đã tham gia 4 cuộc họp Ban Kiểm soát.
- Triển khai thực hiện tốt và cho ý kiến đầy đủ về công tác kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động, lĩnh vực của Ban Kiểm soát được phân công.

TY
TU
CHI

Số: /TTr-DVKT-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 5 năm 2018

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2017 đã kiểm toán và lựa chọn Đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam, Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội xem xét và quyết định các nội dung sau:

1. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2017 của Tổng công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam (Báo cáo tài chính kiểm toán chi tiết đã được in trong Báo cáo thường niên năm 2017).

2. Lựa chọn Công ty TNHH Deloitte Việt Nam là Đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 của Tổng công ty. Hội đồng quản trị đề xuất Đại hội đồng cổ đông lựa chọn Công ty TNHH Deloitte Việt Nam vì các lý do sau đây:

a. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam là một trong những Công ty kiểm toán lớn hàng đầu tại Việt Nam, là một trong những Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho Đơn vị có lợi ích công chúng năm 2018 theo Quyết định số 2361/QĐ-BTC ngày 14/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Quyết định số 1092/QĐ-UBCK ngày 20/11/2017 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

b. Công tác kiểm toán Báo cáo tài chính hàng năm của Tổng công ty được Công ty TNHH Deloitte Việt Nam thực hiện trong những năm qua và đạt kết quả tốt, đảm bảo về chất lượng, thời gian, đáp ứng các quy định của pháp luật hiện hành.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội xem xét, chấp thuận.

Trân trọng./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, BKS, Ban TGD;
- Website Tổng công ty;
- Văn phòng, các Ban;
- Lưu: VT, BTK.

Thái Quốc Hiệp

Số: /TTr-DVKT-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 5 năm 2018

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 và
Kế hoạch tài chính 2018

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018

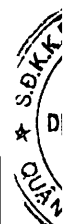
Kính thưa Đại hội,

Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 và Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018; Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 và Kế hoạch tài chính năm 2018 như sau:

1. Số liệu tài chính tổng hợp năm 2017:

Theo Báo cáo tài chính hợp nhất, Báo cáo tài chính Công ty mẹ năm 2017 của Tổng công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam, một số chỉ tiêu tài chính của năm 2017 như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	So sánh	
					Kế hoạch 2017	Thực hiện 2016
I	Vốn điều lệ	Tr.VNĐ				
+	Vốn điều lệ đầu năm	Tr.VNĐ	4.467.004	4.467.004	100,00%	100,00%
+	Vốn điều lệ cuối năm	Tr.VNĐ	4.467.004	4.467.004	100,00%	100,00%
+	Vốn điều lệ bình quân năm	Tr.VNĐ	4.467.004	4.467.004	100,00%	100,00%
II	Các chỉ tiêu hợp nhất					
1	Doanh thu hợp nhất	Tr.VNĐ	13.000.000	22.367.937	172,06%	115,94%
2	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tr.VNĐ	700.000	1.005.033	143,58%	80,01%
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tr.VNĐ	560.000	781.541	139,56%	85,91%
4	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	Tr.VNĐ		1.610		75,87%
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ bình quân	%	12,54%	17,50%	139,56%	85,91%
III	Các chỉ tiêu Công ty mẹ					
1	Doanh thu	Tr.VNĐ	7.900.000	14.816.263	187,55%	135,41%



Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	So sánh	
					Kế hoạch 2017	Thực hiện 2016
2	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tr.VNĐ	420.000	543.246	129,34%	87,46%
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tr.VNĐ	410.000	542.347	132,28%	87,66%
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /Vốn điều lệ bình quân	%	9,18%	12,14%	132,28%	87,66%
5	Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế	Tr.VNĐ	410.000	855.037	208,55%	119,99%
	<i>Trong đó: Lợi nhuận chưa phân phối của năm 2015</i>	<i>Tr.VNĐ</i>	-	312.690	-	-

Ghi chú :

- **Chỉ tiêu II.1:** Doanh thu hợp nhất: 22.368 tỷ VNĐ bao gồm doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác được xác định trong Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 đã được kiểm toán; Doanh thu này chưa bao gồm doanh thu nội bộ là 2.403 tỷ VNĐ, nếu tính cả doanh thu nội bộ thì tổng doanh thu hợp nhất của Tổng công ty là 24.771 tỷ VNĐ;

- **Chỉ tiêu II.4:** Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) được tính bằng cách lấy tổng số lợi nhuận hợp nhất sau thuế phân phối cho cổ đông Tổng công ty chia cho số cổ phiếu lưu hành bình quân trên thị trường năm 2017;

- **Chỉ tiêu III.5:** Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế: 855 tỷ VNĐ là lợi nhuận năm 2017 của Công ty mẹ được xác định trong Báo cáo tài chính Công ty mẹ năm 2017 đã được kiểm toán và lợi nhuận còn lại của năm 2015 dùng để chia cổ tức bằng cổ phiếu tương ứng với tỷ lệ 7% đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 thông qua.

2. Phương án phân phối lợi nhuận:

HĐQT báo cáo và trình Đại hội cổ đông phương án phân phối lợi nhuận trên cơ sở Lợi nhuận được phân phối và Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2017 đã được Đại hội cổ đông thường niên Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam phê duyệt tại Nghị quyết số 280/NQ-DVKT-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 04 năm 2017, cụ thể như sau:

2.1 Phân phối lợi nhuận năm 2017:

- Chia cổ tức bằng tiền: 10% vốn điều lệ;
- Quỹ khen thưởng - phúc lợi, Quỹ thưởng Ban điều hành: 12% lợi nhuận được phân phối năm 2017;
- Quỹ đầu tư phát triển: Trích bổ sung toàn bộ lợi nhuận được phân phối năm 2017 còn lại.

➤ Chi tiết phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 như sau:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2017		Thực hiện 2017	
			Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền
1	Lợi nhuận sau thuế năm 2017	Tr.VNĐ		410.000		542.347
2	Lợi nhuận được phân phối năm 2017	Tr.VNĐ		410.000		855.037
3	Chia cổ tức bằng tiền	Tr.VNĐ	7,00%	355.574	10,00%	446.700
	Trong đó:					
	- Cổ tức đã tạm ứng (đã tạm ứng vào ngày 28/03/2018)				5,00%	223.350
	- Chia cổ tức còn lại				5,00%	223.350
4	Quỹ khen thưởng - phúc lợi, Quỹ thưởng Ban điều hành bằng 12% lợi nhuận sau thuế năm 2017)	Tr.VNĐ	12,00%	49.200	12,00%	65.082
	Trong đó:	Tr.VNĐ				
	- Quỹ khen thưởng - phúc lợi	Tr.VNĐ	11,00%	45.100	11,74%	63.646
	- Quỹ thưởng Ban điều hành	Tr.VNĐ	1,00%	4.100	0,26%	1.436
5	Quỹ đầu tư phát triển - Trích bổ sung toàn bộ lợi nhuận được phân phối năm 2017 còn lại.	Tr.VNĐ	1,27%	5.226	5,64%	30.565

Quỹ khen thưởng - phúc lợi, Quỹ thưởng Ban điều hành được trích lập theo quy định của Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 10/09/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc Hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước. Cụ thể như sau:

+ *Quỹ khen thưởng - phúc lợi:*

o *Mức trích theo quy định:* Lợi nhuận thực hiện bằng kế hoạch thì quỹ khen thưởng - phúc lợi tối đa không quá 3 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người lao động. Trường hợp, lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch thì ngoài trích quỹ khen thưởng - phúc lợi theo quy định, công ty được trích thêm bằng 20% phần lợi nhuận thực hiện vượt lợi nhuận kế hoạch, nhưng tối đa không quá 3 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người lao động.

o *Mức trích đề xuất:* 63.646 triệu VNĐ, tương đương 1,7 tháng lương bình quân thực hiện của Người lao động trong năm 2017.

+ *Quỹ thưởng Ban điều hành:*

o *Mức trích theo quy định:* Lợi nhuận thực hiện bằng hoặc cao hơn kế hoạch thì quỹ thưởng của người quản lý công ty tối đa không quá 1,5 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người quản lý công ty chuyên trách.

o *Mức trích đề xuất:* 1.436 triệu VNĐ, bằng 1,5 tháng lương bình quân thực hiện của Người quản lý chuyên trách trong năm 2017.

2.2 Phương án tăng vốn điều lệ được phê duyệt năm 2017 chuyển tiếp sang năm 2018:

2.2.1 Nội dung phương án:

Phương án tăng vốn điều lệ của Tổng công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên Tổng công ty năm 2017 phê duyệt tại Nghị quyết số 280/NQ-DVKT-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 04 năm 2017 với các nội dung chính như sau:

- Phê duyệt phương án tăng vốn điều lệ của Tổng công ty từ 4.467 tỷ đồng lên 5.896 tỷ đồng, tương đương tăng 32% vốn điều lệ;
- Phê duyệt phương án phát hành:
 - + Phát hành cổ phiếu bán cho các cổ đông hiện hữu với số lượng là 111.675.105 cổ phiếu, tương ứng 25% vốn điều lệ, với tổng giá trị phát hành theo mệnh giá là 1.116.751.050.000 đồng;
 - + Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho các cổ đông với số lượng là 31.269.029 cổ phiếu, tương ứng 7% vốn điều lệ, với tổng giá trị phát hành theo mệnh giá là 312.690.290.000 đồng từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2015.
- Mục đích sử dụng: sử dụng để đầu tư Dự án FPSO Cá Rồng Đò dưới hình thức đầu tư góp vốn vào liên doanh để thực hiện Dự án và bổ sung nguồn vốn phục vụ cho đầu tư, sản xuất kinh doanh khác theo kế hoạch.

2.2.2 Đề xuất triển khai:

a. Đối với nội dung tăng vốn theo hình thức phát hành cổ phiếu bán cho các cổ đông hiện hữu:

- Giá trị: 1.116,75 tỷ đồng, tương đương 25% vốn điều lệ;
- Thời gian thực hiện: Căn cứ thực tế tình hình triển khai thực hiện Dự án Cá Rồng Đò;
- Tiếp tục ủy quyền cho Hội đồng Quản trị thực hiện khi có đủ điều kiện. Nội dung ủy quyền thực hiện như Nghị quyết số 280/NQ-DVKT-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 04 năm 2017 của Tổng công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên Tổng công ty năm 2017 thông qua.

b. Đối với phương án tăng vốn theo hình thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2015

Tổng công ty đề xuất thực hiện phương án tăng vốn theo hình thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức đối với lợi nhuận chưa phân phối của năm 2015 như sau:

- Giá trị lợi nhuận phân phối: 312,69 tỷ đồng, tương đương 7% vốn điều lệ;
- Tỷ lệ cổ tức: 7% (tỷ lệ 100:7). Tại ngày chốt quyền, cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ nhận được 07 cổ phiếu mới của đợt phát hành này;
- Thời gian thực hiện: trong năm 2018;
- Mục tiêu phương án: đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông được thực hiện, và bổ sung nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty;

- Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị thực hiện với nội dung ủy quyền thực hiện như Nghị quyết số 280/NQ-DVKT-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 04 năm 2017 của Tổng công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên Tổng công ty năm 2017 thông qua.

3. Kế hoạch tài chính năm 2018

Căn cứ thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của năm 2017 và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018, Tổng công ty trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt Kế hoạch tài chính năm 2018 như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2018		So sánh với TH năm 2017
		Tỷ lệ	Giá trị (Tr.VNĐ)	
1	Vốn điều lệ			
+	Vốn điều lệ đầu năm		4.467.004	100,00%
+	Vốn điều lệ cuối năm		5.896.446	132,00%
+	Vốn điều lệ bình quân năm		5.181.725	116,00%
2	Doanh thu:			
	+ Doanh thu hợp nhất		13.000.000	58,12%
	+ Doanh thu Công ty mẹ		5.200.000	35,10%
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN:			
	+ Lợi nhuận trước thuế hợp nhất		700.000	69,65%
	+ Lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ		450.000	82,84%
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN:			
	+ Lợi nhuận sau thuế hợp nhất		560.000	71,65%
	+ Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ		420.000	77,44%
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /Vốn điều lệ			
	+ Tỷ suất lợi nhuận hợp nhất sau thuế /Vốn điều lệ bình quân	10,81%		61,77%
	+ Tỷ suất lợi nhuận Công ty mẹ sau thuế /Vốn điều lệ bình quân	8,11%		66,76%
6	Lợi nhuận Công ty mẹ được phân phối:		420.000	77,44%
	+ Cổ tức bằng tiền	7,00%	355.574	79,60%
	+ Quỹ khen thưởng - phúc lợi, Quỹ thưởng Ban điều hành bằng 12% lợi nhuận được phân phối	12,00%	50.400	77,44%
	+ Quỹ đầu tư phát triển - Trích bổ sung toàn bộ phần Lợi nhuận được phân phối còn lại	3,34%	14.026	45,89%

- Vốn điều lệ cuối năm 2018 được tính trên cơ sở là hoàn thành việc tăng vốn điều lệ phục vụ cho Dự án FPSO Cá Rồng Đỏ;

- Quỹ khen thưởng - phúc lợi, Quỹ thưởng Ban điều hành sẽ được trích lập theo quy định của Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 10/09/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc Hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội xem xét thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, BKS, Ban TGD;
- Website Tổng công ty;
- Văn phòng, các Ban;
- Lưu: VT, BTK.

Thái Quốc Hiệp



Số: /TTr-DVKT-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng 5 năm 2018

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Dự thảo Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ của Tổng công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018

Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (Tổng công ty) là Công ty đại chúng có mã Chứng khoán PVS đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX). Điều lệ hiện hành của Tổng công ty được ban hành vào ngày 25/5/2016, trên cơ sở mẫu Điều lệ kèm theo Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26/7/2012 quy định về quản trị áp dụng cho các công ty đại chúng.

Theo yêu cầu Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng có hiệu lực từ 01/08/2017 và Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP có hiệu lực từ 06/11/2017 (“Thông tư 95”) thì Tổng công ty phải ban hành Điều lệ sửa đổi, bổ sung và xây dựng Quy chế quản trị nội bộ.

Để đảm bảo việc tổ chức và hoạt động của Tổng công ty tuân thủ đúng quy định hiện hành, tăng cường tính minh bạch, hiệu quả và chuyên nghiệp trong hoạt động quản trị Tổng công ty và phù hợp với các quy chế của các cơ quan quản lý, tổ chức hoạt động chứng khoán, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo xây dựng Dự thảo Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ như tài liệu đính kèm.

Dự thảo đã được Hội đồng quản trị chỉ đạo xây dựng trên cơ sở Điều lệ và Quy chế quản trị mẫu quy định tại Thông tư 95, phù hợp với các quy định pháp luật và hoạt động của Tổng công ty.

Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua Dự thảo Điều lệ và Quy chế quản trị Tổng công ty như kèm theo và giao Hội đồng quản trị hoàn thiện để ban hành theo Quy định hiện hành.

Trân trọng kính trình.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, BKS, Ban TGD;
- Website Tổng công ty;
- Văn phòng, các Ban;
- Lưu: VT, BTK.

Tài liệu kèm theo:

- Dự thảo Điều lệ;
- So sánh thông tin Điều lệ;
- Dự thảo Quy chế quản trị.

Thái Quốc Hiệp

1991
ING CÓN
CỔ PH
H VỤ KỸ
DẦU K
VIỆT N
7 TP. H

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	3
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	3
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	3
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY	3
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Tổng công ty.....	3
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.....	4
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY	4
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty	4
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động.....	6
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	7
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	7
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	7
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	8
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	8
Điều 10. Thu hồi cổ phần	8
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	8
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	8
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	9
Điều 12. Quyền của cổ đông	9
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	10
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông.....	10
Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	12
Điều 16. Các đại diện được ủy quyền.....	13
Điều 17. Thay đổi các quyền.....	14
Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	21
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	21
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	21
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	22
Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	22
Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	24
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	25
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	25
Điều 31. Các Tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	28
Điều 32. Người phụ trách quản trị Tổng công ty và Thư ký Tổng công ty.....	28
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ TỔNG CÔNG TY KHÁC	29
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý	29
Điều 34. Người quản lý Tổng công ty.....	30
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc.....	30
IX. BAN KIỂM SOÁT	31



Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên	31
Điều 37. Kiểm soát viên	32
Điều 38. Quyền và Nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	33
X. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC.....	33
Điều 39. Trách nhiệm cần trọng	33
Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	34
Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	35
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY	35
Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	35
XII. CÁC TỔ CHỨC, CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	36
Điều 43. Các tổ chức, Công nhân viên và công đoàn.....	36
Điều 44. Phân phối lợi nhuận	36
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN	37
Điều 45. Tài khoản ngân hàng.....	37
Điều 46. Năm tài chính.....	37
Điều 47. Chế độ kế toán	37
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG	38
Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý.....	38
Điều 49. Báo cáo thường niên	38
XVI. KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY	38
Điều 50. Kiểm toán.....	38
Điều 51. Con dấu.....	39
XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ.....	39
Điều 52. Chấm dứt hoạt động.....	39
Điều 53. Gia hạn hoạt động.....	39
Điều 54. Thanh lý	39
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	40
Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	40
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	40
Điều 56. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	40
XXI. NGÀY HIỆU LỰC	41
Điều 57. Ngày hiệu lực.....	41

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (dưới đây gọi là “Tổng công ty”) là cơ sở pháp lý cho toàn bộ hoạt động của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam.

Điều lệ này được thông qua theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông tổ chức chính thức vào ngày ... tháng ... năm ...

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong điều lệ này những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

a) “Vốn điều lệ” là tổng giá trị mệnh giá cổ phần do các cổ đông đã mua các loại và được quy định tại Điều 6 của Điều lệ này.

b) “Luật doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có).

c) “Luật chứng khoán” là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010 và các văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có);

d) “Ngày thành lập” là ngày mà Tổng công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

e) “Người quản lý Tổng công ty” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác được Hội đồng quản trị phê chuẩn.

f) “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán.

g) “Cổ đông lớn” là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán.

h) “Thời hạn hoạt động” là thời hạn hoạt động của Tổng công ty được quy định tại Khoản 6 Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty thông qua bằng nghị quyết.

i) “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Tổng công ty.

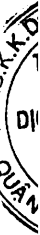
j) “Việt Nam” là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.

3. Các tiêu đề “chương, điều của Điều lệ này” được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Tổng công ty



1. Tên công ty:

- Tên tiếng Việt: TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
- Tên tiếng Anh: PETROVIETNAM TECHNICAL SERVICES CORPORATION
- Tên giao dịch: PTSC
- Logo của Tổng công ty:



2. Tổng công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Tổng công ty là:

- Địa chỉ: Tầng 5, Toà nhà Petrovietnam Tower, Số 01-05, đường Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 028.39102828
- Fax : 028.39102929
- Email : ptsc@ptsc.com.vn
- Website : www.ptsc.com.vn

4. Tổng công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Tổng công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2 Điều 53 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 54 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Tổng công ty sẽ bắt đầu từ ngày được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và là vô thời hạn.

6. Tổng công ty là thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (“Tập đoàn”), có các quyền và nghĩa vụ của một doanh nghiệp thành viên Tập đoàn theo quy định của Điều lệ Tập đoàn và các quy định của pháp luật.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty

Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.

Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo quy định pháp luật.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty là:

- a. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên:

- Dịch vụ phục vụ hoạt động khảo sát địa vật lý - địa chất công trình, dịch vụ lặn, dịch vụ cung cấp ROV phục vụ công tác tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí và công trình công nghiệp, dân dụng;
 - Dịch vụ vận hành và bảo dưỡng các công trình khai thác dầu khí;
 - Sửa chữa các công trình dầu khí biển;
 - Các dịch vụ sinh hoạt dầu khí (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar);
 - Dịch vụ quản lý, khai thác các tàu chứa dầu (FSO), tàu chứa và xử lý dầu thô (FPSO), các tàu dịch vụ, tàu vận chuyển các sản phẩm dầu và khí;
 - Dịch vụ quản lý điều hành kinh doanh, khai thác cảng, căn cứ dịch vụ kỹ thuật dầu khí;
 - Dịch vụ quản lý tổ chức thực hiện các hoạt động trong lĩnh vực cơ khí hàng hải;
 - Dịch vụ chế tạo, sửa chữa, bảo dưỡng cơ khí, vật tư, thiết bị, thực phẩm phục vụ ngành dầu khí, dịch vụ thử tải, kiểm tra không phá hủy, xử lý nhiệt trước và sau hàn, dịch vụ hạ thủy, nâng hạ nặng, cân (không hoạt động tại trụ sở).
- b. Sản xuất máy chuyên dụng khác: Sản xuất thiết bị vật tư, thiết bị dầu khí phục vụ cho công nghiệp dầu khí, các ngành công nghiệp khác và dân dụng.
- c. Đóng tàu và cấu kiện nổi: Đóng mới, hoán cải các phương tiện nổi (không hoạt động tại trụ sở).
- d. Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác):
- Sửa chữa tàu biển (không hoạt động tại trụ sở);
 - Sửa chữa, bảo dưỡng các phương tiện nổi (không hoạt động tại trụ sở).
- e. Khai thác, xử lý và cung cấp nước: Mua bán nước khoáng.
- f. Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại: Chế tạo và lắp đặt các bể chứa xăng dầu, khí hóa lỏng và các đường ống dẫn dầu, dẫn khí (không hoạt động tại trụ sở).
- g. Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông: Mua bán sản phẩm thiết bị đầu cuối viễn thông.
- h. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác:
- Mua bán thiết bị vật tư, thiết bị dầu khí phục vụ cho công nghiệp dầu khí, các ngành công nghiệp khác và dân dụng;
 - Mua bán kim khí điện máy, vật tư thiết bị phục vụ dân dụng và các ngành công nghiệp, vật tư, trang thiết bị an toàn phòng cháy chữa cháy phục vụ cho công nghiệp dầu khí, các ngành công nghiệp khác và dân dụng.
- i. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy: Lai dắt tàu biển và cứu hộ.
- j. Bốc xếp hàng hoá.
- k. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải:
- Kinh doanh vận tải đa phương thức trong nước và quốc tế;
 - Vận chuyển, bảo quản và giao nhận hàng hóa;
 - Dịch vụ đại lý tàu biển và môi giới hàng hải; dịch vụ cung ứng tàu biển; dịch vụ kiểm đếm và giao nhận vận chuyển hàng hóa;
 - Dịch vụ thuê tàu, môi giới tàu biển;
 - Dịch vụ khách sạn, hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan;

- Dịch vụ cân, hậu cần logistic.
 - l. Dịch vụ lưu trú ngắn ngày:
 - Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: Khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở);
 - Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không hoạt động tại trụ sở).
 - m. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Kinh doanh nhà ở, văn phòng làm việc. Kinh doanh bất động sản.
 - n. Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Quản lý tổ chức các hoạt động xây lắp, chế tạo, chạy thử và hoàn thiện các dự án, các công trình công nghiệp ngoài ngành dầu khí.
 - o. Cung ứng và quản lý nguồn lao động: Cung cấp lao động chuyên ngành dầu khí.
 - p. Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan:
 - Mua bán các sản phẩm dầu khí;
 - Bán buôn khí công nghiệp, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG (không hoạt động tại TP HCM).
 - q. Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: Mua bán phân đạm và hóa chất phục vụ nông nghiệp (trừ hóa chất nhà nước cấm).
 - r. Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương:
 - Vận chuyển các sản phẩm dầu khí;
 - Vận chuyển chất thải không nguy hại và chất thải nguy hại (không hoạt động tại trụ sở).
 - s. Thu gom rác thải không độc hại (không hoạt động tại trụ sở).
 - t. Thu gom rác thải độc hại (không hoạt động tại trụ sở).
 - u. Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại (không hoạt động tại trụ sở).
 - v. Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại (không hoạt động tại trụ sở).
 - w. Sản xuất các cấu kiện kim loại: Dịch vụ chế tạo các cấu kiện kim loại (không hoạt động tại trụ sở).
 - x. Vận tải hàng hoá bằng đường bộ:
 - Vận tải công ten nơ;
 - Vận chuyển chất thải không nguy hại và chất thải nguy hại (không hoạt động tại trụ sở).
2. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty là:
- Thu lợi nhuận, vì lợi ích của các cổ đông;
 - Phát triển Tổng công ty lớn mạnh, bền vững;
 - Đóng góp cho Ngân sách Nhà nước;
 - Tham gia đóng góp xây dựng và phát triển cộng đồng, xã hội, bảo vệ môi trường.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Tổng công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Tổng công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Tổng công ty.

2. Tổng công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Tổng công ty là 4.467.004.210.000 (Bằng chữ: Bốn nghìn, bốn trăm sáu mươi bảy tỷ, không trăm linh bốn triệu, hai trăm mười nghìn) đồng.

Tổng số vốn điều lệ của Tổng công ty được chia thành 446.700.421 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phần.

2. Tổng công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Tổng công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Tổng công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Tổng công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Tổng công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

6. Tổng công ty có thể mua cổ phần do chính Tổng công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Tổng công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

7. Tổng công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Tổng công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Tổng công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Tổng công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Tổng công ty hoặc trong thời hạn 30 ngày (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Tổng công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Tổng công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện

phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Tổng công ty.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Tổng công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Tổng công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Tổng công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ không quá 1,5 lần lãi suất cho vay kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Tổng công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng Giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Tổng công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Tổng công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;

g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

h. Trường hợp Tổng công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Tổng công ty sau khi Tổng công ty đã thanh toán cho chủ nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Tổng công ty theo quy định của pháp luật;

i. Yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 của Luật doanh nghiệp;

j. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:

a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Điều 25 và Điều 37 Điều lệ này;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp;

c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông;

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, số Thẻ căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Tổng công ty và các quy chế nội bộ của Tổng công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.

4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Tổng công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Tổng công ty.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Tổng công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và có thể gia hạn, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm

khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.

Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Tổng công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Tổng công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty;

b. Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

c. Số thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ liên quan đến yêu cầu triệu tập họp;

e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người quản lý khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có

quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Tổng công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng công ty. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Thông qua định hướng phát triển của Tổng công ty;
- b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
- d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- đ. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;
- e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty;
- g. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- h. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- i. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Tổng công ty và cổ đông Tổng công ty;
- k. Quyết định tổ chức lại, giải thể Tổng công ty;
- l. Thông qua quyết định việc Tổng công ty hoặc các chi nhánh của Tổng công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại khoản 1 và 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty và các chi nhánh của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán.
- m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông phiên họp thường niên có quyền thảo luận và thông qua:

- a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty;
- b. Báo cáo tài chính hằng năm;
- c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;



d. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;

e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Các đại diện được ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông Tổng công ty không xác định số cổ phần tương ứng giao cho mỗi người đại diện theo ủy quyền, số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Tổng công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

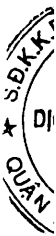
c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;



- b. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;
- c. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Tổng công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được uỷ quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) dự họp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó dự họp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Tổng công ty không bị thay đổi khi Tổng công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
- c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
- d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
- e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

3300
ÔNG C
CỔ PH
H VỤ K
DẤU
VIỆT N
TP. HỒ

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

c. Phiếu biểu quyết;

d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Tổng công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;

c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.



Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Tổng công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, các cổ đông thực hiện theo trình tự được điều hành bởi Chủ tọa. Việc thu và kiểm phiếu được thực hiện sau khi đã hoàn thành phần biểu quyết vấn đề cuối cùng trong chương trình cuộc họp theo quy định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.



5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (Địa điểm chính của đại hội);

b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

12. Hàng năm, Tổng công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông

14/11/2024
G CỘNG
Ổ PHÁP
Ự KỸ T
ẬU KHI
T NAR
HỒ C

qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

- a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Tổng công ty;
- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d. Dự án đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;
- đ. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty;
- e. Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty. Các vấn đề khác do Điều lệ Tổng công ty quy định.
- g. Các vấn đề khác do Điều lệ Tổng công ty quy định.

2. Các quyết định khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.

3. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp và các quy định tại Quy chế quản trị nội bộ của Tổng công ty.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua tất cả các quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích lấy ý kiến;
- c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác



của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- f. Thời hạn phải gửi về Tổng công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Tổng công ty theo các hình thức sau:

- a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Tổng công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là Người quản lý Tổng công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Các vấn đề đã được thông qua;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.



8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;

e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

100
G CỎ
PH
KỶ
U KH
NA
HỒ

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

2. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;

f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Tổng công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Tổng công ty;

g. Các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty;

h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó;

i. Các thông tin khác.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Tổng công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là bảy (07) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị phải đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính, lĩnh vực kinh doanh của Tổng công ty và các yêu cầu khác của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Có đơn từ chức;

c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Tổng công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;

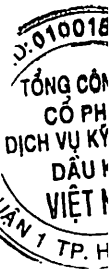
g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Tổng công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Tổng công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Tổng công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.



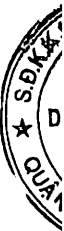
2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác.
3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tổng công ty;
 - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - c. Bổ nhiệm và bãi nhiệm khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức lương và các chế độ khác đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng Ban chức năng/ Chánh Văn phòng Tổng công ty, Giám đốc Chi nhánh, Trưởng văn phòng đại diện và các cán bộ quản lý khác của Tổng công ty theo đề nghị của Tổng Giám đốc;
 - d. Giải quyết các khiếu nại của Tổng công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Tổng công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó;
 - e. Quyết định cơ cấu tổ chức của Tổng công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - f. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Tổng công ty;
 - g. Quyết định các quy chế nội bộ của Tổng công ty;
 - h. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
 - i. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;
 - j. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
 - k. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyên đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
 - l. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty, trừ hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ này;
 - m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
 - n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị Tổng công ty lên Đại hội đồng cổ đông;
 - o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc;
 - p. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.
4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:



- a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Tổng công ty;
 - b. Thành lập các công ty con của Tổng công ty;
 - c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Tổng công ty;
 - d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Tổng công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Tổng công ty;
 - e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Tổng công ty;
 - f. Các khoản đầu tư không thuộc hoặc vượt kế hoạch kinh doanh và ngân sách hàng năm;
 - g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - h. Việc định giá tài sản góp vào Tổng công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Tổng công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;
 - j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Tổng công ty;
 - k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.
5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Tổng công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.
6. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người quản lý khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Tổng công ty.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.
2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Tổng công ty, công ty con, công ty liên kết của Tổng công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Tổng công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Tổng công ty.



3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị .

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc của Tổng công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm:

- a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- đ. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;
- e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ Tổng công ty.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ

phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

a. Ban kiểm soát;

b. Tổng Giám đốc;

c. Ít nhất hai phần ba (2/3) cán bộ quản lý là các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng;

d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 30 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Tổng công ty.

6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Tổng công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Tổng công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị dự họp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất.

1506
ĐNG T
HÀN
Y THU
KHÍ
JAM
Ồ CH

Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là dự họp tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết

a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này dự họp với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu dự họp để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Tổng công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Tổng công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 31. Các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập Tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ và các tiểu ban khác theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Số lượng thành viên của Tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong Tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng Tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của Tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của Tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của Tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên Tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị Tổng công ty và Thư ký Tổng công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Tổng công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Tổng công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Tổng công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị Tổng công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Có hiểu biết về pháp luật;

b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty;

c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Tổng công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Tổng công ty.

h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;

i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

5. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng Thư ký Tổng công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty. Quyền và nghĩa vụ của Thư ký Tổng công ty được quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật doanh nghiệp.

6. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Tổng công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Tổng công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty. Tổng công ty có một (01) Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và một (01) Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người quản lý Tổng công ty

1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Tổng công ty được tuyển dụng người quản lý khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Tổng công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người quản lý Tổng công ty phải có trách nhiệm miễn cán để hỗ trợ Tổng công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người quản lý khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Tổng công ty.

2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

3. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Tổng công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Tổng công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty;

d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Tổng công ty;

đ. Tuyển dụng lao động; quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với các lao động trong Tổng công ty, kể cả nhân sự cấp quản lý thuộc quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;

e. Kiến nghị số lượng và Người quản lý Tổng công ty mà Tổng công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người quản lý doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;

f. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

987
CÔ
PH
KỶ
U KH
NA
HỒ

g. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình đề Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Tổng công ty;

i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Tổng công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Tổng công ty.

4. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

2. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Ban Kiểm soát được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Ban Kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm Kiểm soát viên. Thông tin liên quan đến ứng viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Ban Kiểm soát và

các chức danh quản lý khác;

f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Tổng công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Tổng công ty;

g. Các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty;

h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó;

i. Các thông tin khác.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Tổng công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 37. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Tổng công ty là ba (03) người. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu theo phương thức bầu dồn phiếu. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Kiểm soát viên phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Tổng công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;
- c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 38. Quyền và Nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

- a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty;
- b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
- c. Giám sát tình hình tài chính Tổng công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc), người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và cổ đông;
- d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý doanh khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
- e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.
- f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý doanh khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Tổng công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị Tổng công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

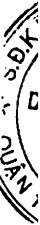
3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.

4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

X. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC

Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người quản lý



khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các Tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty và với mức độ cần trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Tổng công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Tổng công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Tổng công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp Tổng công ty và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Tổng công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người quản lý khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người quản lý khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công

Đ. B
TỔN
C
H V
D
VIỆ
TP. F

bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Tổng công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Người quản lý khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Tổng công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Tổng công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Tổng công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người quản lý khác, nhân viên hoặc là đại diện được Tổng công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Tổng công ty với tư cách Người quản lý Tổng công ty, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Tổng công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Tổng công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người quản lý khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Tổng công ty được Tổng công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Tổng công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Tổng công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY

Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Tổng công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Tổng công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Tổng công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

4. Điều lệ Tổng công ty phải được công bố trên Website của Tổng công ty.

XII. CÁC TỔ CHỨC, CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 43. Các tổ chức, Công nhân viên và công đoàn

1. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội của Tổng công ty hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và theo Điều lệ của tổ chức mình phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Tổng công ty tôn trọng, tạo điều kiện thuận lợi để người lao động thành lập và tham gia hoạt động trong các tổ chức quy định tại khoản 1 của Điều này.

3. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và Người quản lý Tổng công ty.

4. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Tổng công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Tổng công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 44. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Tổng công ty.

2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Tổng công ty.

3. Tổng công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Tổng công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc

chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Tổng công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Tổng công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Tổng công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 45. Tài khoản ngân hàng

1. Tổng công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Tổng công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Tổng công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Tổng công ty mở tài khoản.

Điều 46. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày Tổng công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

Điều 47. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Tổng công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Tổng công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Tổng công ty.

3. Tổng công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán. Trường hợp Tổng công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Tổng công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 51 Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và Cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Tổng công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Tổng công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Tổng công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.

4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý của Tổng công ty phải được công bố trên Website của Tổng công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc của Tổng công ty, tại trụ sở chính của Tổng công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 49. Báo cáo thường niên

Tổng công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY

Điều 50. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Tổng công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Tổng công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Tổng công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Tổng công ty.

4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Tổng công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty.

XVII. CON DẤU

Điều 51. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Tổng công ty và con dấu được khắc theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

2. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 52. Chấm dứt hoạt động

1. Tổng công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

- a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Tổng công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
- b. Toà án tuyên bố Tổng công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
- c. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Tổng công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 53. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Tổng công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết dự họp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 54. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Tổng công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Tổng công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Tổng công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Tổng công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Tổng công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Tổng công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Tổng công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c. Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;
- d. Các khoản nợ khác của Tổng công ty;
- e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Tổng công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ Tổng công ty, các quy định giữa:

- a. Cổ đông với Tổng công ty;
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người quản lý khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 56. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tổng công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có

những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Tổng công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 57. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 57 điều được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm 2018 tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương.

b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố.

c. Bốn (04) bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Tổng công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Tổng công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Tổng công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Chữ ký của Người đại diện theo pháp luật Tổng công ty



STT	Chữ Ký	Họ và tên	Chức vụ
1			Tổng Giám đốc

**BẢNG TỔNG HỢP CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI BỔ SUNG CỦA DỰ THẢO ĐIỀU LỆ MỚI
SO VỚI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH**

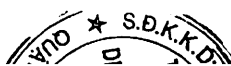
*Lưu ý: * Chữ in đậm: Điểm khác biệt giữa Dự thảo Điều lệ và Điều lệ hiện hành*

STT	Điều lệ hiện tại	Dự thảo Điều lệ mới	Lưu ý/Giải trình
1.	<p style="text-align: center;">PHẦN MỞ ĐẦU</p> <p>Điều lệ này của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (dưới đây gọi là “Tổng công ty”) là cơ sở pháp lý cho toàn bộ hoạt động của Tổng công ty, được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ, các quy định của Tổng công ty, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với các quy định của luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định để tiến hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.</p> <p>Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp Đại hội cổ đông thường niên 2016 được tổ chức vào ngày tháng năm 2016.</p>	<p style="text-align: center;">PHẦN MỞ ĐẦU</p> <p>Điều lệ này của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (dưới đây gọi là “Tổng công ty”) là cơ sở pháp lý cho toàn bộ hoạt động của Tổng công ty.</p> <p>Điều lệ này được thông qua theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 được tổ chức vào ngày tháng năm 2018.</p>	Viết lại cho ngắn gọn, theo Điều lệ mẫu
2.	<p style="text-align: center;">I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ</p> <p style="text-align: center;">Điều 1. Giải thích thuật ngữ</p> <p>1. Trong điều lệ này những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:</p> <p>a) “Vốn điều lệ” là tổng giá trị mệnh giá cổ phần do các cổ đông đã mua các loại và được quy định tại Điều 5 của Điều lệ này.</p> <p>b) “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh</p>	<p style="text-align: center;">I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ</p> <p style="text-align: center;">Điều 1. Giải thích thuật ngữ</p> <p>1. Trong điều lệ này những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:</p> <p>a) “Vốn điều lệ” là tổng giá trị mệnh giá cổ phần do các cổ đông đã mua các loại và được quy định tại Điều 6 của Điều lệ này.</p> <p>b) “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh</p>	Sửa đổi bổ sung phù hợp với Luật doanh nghiệp, theo Điều lệ mẫu TT95. Thay khái niệm Cán bộ quản lý thánh Người quản

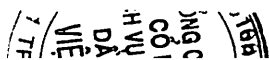
<p>nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.</p> <p>c) “Ngày thành lập” là ngày mà Tổng công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.</p> <p>d) “Cán bộ quản lý” là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác trong Tổng công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn.</p> <p>e) “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>f) “Thời hạn hoạt động” là thời hạn hoạt động của Tổng công ty được quy định tại Khoản 6 Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty thông qua bằng nghị quyết.</p> <p>g) “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Tổng công ty. Cổ đông được công nhận chính thức sở hữu hợp pháp cổ phần của Tổng công ty sau khi đã trả đủ tiền mua cổ phần và được ghi đầy đủ các thông tin liên quan theo quy định của pháp luật vào Sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty.</p> <p>h) “Việt Nam” là nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.</p> <p>2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.</p> <p>3. Các tiêu đề “chương, điều của Điều lệ này” được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không</p>	<p>nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có).</p> <p>c) “Luật chứng khoán” là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010 và các văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có);</p> <p>d) “Ngày thành lập” là ngày mà Tổng công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.</p> <p>e) “Người quản lý Tổng công ty” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác được Hội đồng quản trị phê chuẩn.</p> <p>f) “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán.</p> <p>g) “Cổ đông lớn” là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán.</p> <p>h) “Thời hạn hoạt động” là thời hạn hoạt động của Tổng công ty được quy định tại Khoản 6 Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty thông qua bằng nghị quyết.</p> <p>i) “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Tổng công ty. j) “Việt Nam” là nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt</p>	<p>ly Tổng công ty.</p> <p>Bổ sung định nghĩa cổ đông lớn</p>
---	---	---

	<p>ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.</p>	<p>Nam.</p> <p>2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.</p> <p>3. Các tiêu đề “chương, điều của Điều lệ này” được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.</p>	
<p>3.</p>	<p>II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY</p> <p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Tổng công ty</p> <p>1. Tên công ty:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Tên tiếng Việt: TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM • Tên tiếng Anh: PETROVIETNAM TECHNICAL SERVICES CORPORATION • Tên giao dịch: PTSC • Logo của Tổng công ty:  <p>2. Tổng công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật Việt Nam.</p> <p>3. Trụ sở đăng ký của Tổng công ty là:</p>	<p>II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY</p> <p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Tổng công ty</p> <p>1. Tên công ty:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Tên tiếng Việt: TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM • Tên tiếng Anh: PETROVIETNAM TECHNICAL SERVICES CORPORATION • Tên giao dịch: PTSC • Logo của Tổng công ty:  <p>2. Tổng công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật Việt Nam.</p>	<p>Phù hợp quy định pháp luật và thực tiễn.</p> <p>Chuyển định nghĩa “Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty” sang Điều 3 Điều lệ mới.</p>

	<ul style="list-style-type: none"> • Địa chỉ: Tầng 5, Toà nhà PetroVietnam Tower, Số 1-5, đường Lê Duẩn, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh • Điện thoại : 08.39102828 • Fax : 08.39102929 • E.mail : ptsc@ptsc.com.vn • Website : www.ptsc.com.vn <p>4. Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.</p> <p>5. Tổng công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Tổng công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.</p> <p>6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2 Điều 47 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 48 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Tổng công ty sẽ bắt đầu từ ngày được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và là vô thời hạn.</p> <p>Tổng công ty là thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc Gia Việt Nam, có các quyền và nghĩa vụ của một doanh nghiệp thành viên Tập đoàn theo quy định của Điều lệ Tập đoàn và các quy định của pháp luật.</p>	<p>3. Trụ sở đăng ký của Tổng công ty là:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Địa chỉ: Tầng 5, Toà nhà Petrovietnam Tower, Số 01-05, đường Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh • Điện thoại : 028.39102828 • Fax : 028.39102929 • E.mail : ptsc@ptsc.com.vn • Website : www.ptsc.com.vn <p>4. Tổng công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Tổng công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.</p> <p>5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2 Điều 53 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 54 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Tổng công ty sẽ bắt đầu từ ngày được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và là vô thời hạn.</p> <p>Tổng công ty là thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc Gia Việt Nam (“Tập đoàn”), có các quyền và nghĩa vụ của một doanh nghiệp thành viên Tập đoàn theo quy định của Điều lệ Tập đoàn và các quy định của pháp luật.</p>	
4.	N/A	<p>Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty</p> <p>Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp</p>	Tách ra từ Điều 2 của Điều lệ cũ



		<p>luật của Tổng công ty.</p> <p>Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo quy định pháp luật.</p>	
5.	<p>III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY</p> <p>Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty</p> <p>1. Lĩnh vực kinh doanh của Tổng công ty là:</p> <p>a. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ phục vụ hoạt động khảo sát địa vật lý - địa chất công trình, dịch vụ lặn, dịch vụ cung cấp ROV phục vụ công tác tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí và công trình công nghiệp, dân dụng; - Dịch vụ vận hành và bảo dưỡng các công trình khai thác dầu khí; - Sửa chữa các công trình dầu khí biển; - Các dịch vụ sinh hoạt dầu khí (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar); - Dịch vụ quản lý, khai thác các tàu chứa dầu (FSO), tàu chứa và xử lý dầu thô (FPSO), các tàu dịch vụ, tàu vận chuyển các sản phẩm dầu và khí; - Dịch vụ quản lý điều hành kinh doanh, khai thác cảng, căn cứ dịch vụ kỹ thuật dầu khí; - Dịch vụ quản lý tổ chức thực hiện các hoạt động trong lĩnh vực cơ khí hàng hải; - Dịch vụ chế tạo, sửa chữa, bảo dưỡng cơ khí, vật tư, thiết bị, thực phẩm phục vụ ngành dầu khí, dịch vụ thủ tải, kiểm tra không phá hủy, xử 	<p>III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY</p> <p>Điều 4. Lĩnh vực kinh Doanh và Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty</p> <p>1. Ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty là:</p> <p>a. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ phục vụ hoạt động khảo sát địa vật lý - địa chất công trình, dịch vụ lặn, dịch vụ cung cấp ROV phục vụ công tác tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí và công trình công nghiệp, dân dụng; - Dịch vụ vận hành và bảo dưỡng các công trình khai thác dầu khí; - Sửa chữa các công trình dầu khí biển; - Các dịch vụ sinh hoạt dầu khí (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar); - Dịch vụ quản lý, khai thác các tàu chứa dầu (FSO), tàu chứa và xử lý dầu thô (FPSO), các tàu dịch vụ, tàu vận chuyển các sản phẩm dầu và khí; - Dịch vụ quản lý điều hành kinh doanh, khai thác cảng, căn cứ dịch vụ kỹ thuật dầu khí; - Dịch vụ quản lý tổ chức thực hiện các hoạt động trong lĩnh vực cơ khí hàng hải; - Dịch vụ chế tạo, sửa chữa, bảo dưỡng cơ khí, vật tư, thiết bị, thực phẩm phục vụ ngành dầu 	<p>Sửa đổi phù hợp với pháp luật và thực tiễn</p>



<p>lý nhiệt trước và sau hàn, dịch vụ hạ thủy, nâng hạ nặng, cân (không hoạt động tại trụ sở).</p> <p>b. Sản xuất máy chuyên dụng khác: Sản xuất thiết bị vật tư, thiết bị dầu khí phục vụ cho công nghiệp dầu khí, các ngành công nghiệp khác và dân dụng.</p> <p>c. Đóng tàu và cấu kiện nổi: Đóng mới, hoán cải các phương tiện nổi (không hoạt động tại trụ sở).</p> <p>d. Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác):</p> <ul style="list-style-type: none"> – Sửa chữa tàu biển (không hoạt động tại trụ sở); – Sửa chữa, bảo dưỡng các phương tiện nổi (không hoạt động tại trụ sở). <p>e. Khai thác, xử lý và cung cấp nước: Mua bán nước khoáng.</p> <p>f. Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại: Chế tạo và lắp đặt các bể chứa xăng dầu, khí hóa lỏng và các đường ống dẫn dầu, dẫn khí (không hoạt động tại trụ sở).</p> <p>g. Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông: Mua bán sản phẩm thiết bị đầu cuối viễn thông.</p> <p>h. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Mua bán thiết bị vật tư, thiết bị dầu khí phục vụ cho công nghiệp dầu khí, các ngành công nghiệp khác và dân dụng; – Mua bán kim khí điện máy, vật tư thiết bị phục vụ dân dụng và các ngành công nghiệp, vật tư, trang thiết bị an toàn phòng cháy chữa cháy 	<p>khí, dịch vụ thử tải, kiểm tra không phá hủy, xử lý nhiệt trước và sau hàn, dịch vụ hạ thủy, nâng hạ nặng, cân (không hoạt động tại trụ sở).</p> <p>b. Sản xuất máy chuyên dụng khác: Sản xuất thiết bị vật tư, thiết bị dầu khí phục vụ cho công nghiệp dầu khí, các ngành công nghiệp khác và dân dụng.</p> <p>c. Đóng tàu và cấu kiện nổi: Đóng mới, hoán cải các phương tiện nổi (không hoạt động tại trụ sở).</p> <p>d. Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác):</p> <ul style="list-style-type: none"> – Sửa chữa tàu biển (không hoạt động tại trụ sở); – Sửa chữa, bảo dưỡng các phương tiện nổi (không hoạt động tại trụ sở). <p>e. Khai thác, xử lý và cung cấp nước: Mua bán nước khoáng.</p> <p>f. Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại: Chế tạo và lắp đặt các bể chứa xăng dầu, khí hóa lỏng và các đường ống dẫn dầu, dẫn khí (không hoạt động tại trụ sở).</p> <p>g. Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông: Mua bán sản phẩm thiết bị đầu cuối viễn thông.</p> <p>h. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Mua bán thiết bị vật tư, thiết bị dầu khí phục 	
---	--	--

<p>phục vụ cho công nghiệp dầu khí, các ngành công nghiệp khác và dân dụng.</p> <p>i. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy: Lai dắt tàu biển và cứu hộ.</p> <p>j. Bốc xếp hàng hoá.</p> <p>k. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kinh doanh vận tải đa phương thức trong nước và quốc tế; - Vận chuyển, bảo quản và giao nhận hàng hóa; - Dịch vụ đại lý tàu biển và môi giới hàng hải; dịch vụ cung ứng tàu biển; dịch vụ kiểm đếm và giao nhận vận chuyển hàng hóa; - Dịch vụ thuê tàu, môi giới tàu biển; - Dịch vụ khách sạn, hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan; - Dịch vụ cân, hậu cần logistic. <p>l. Dịch vụ lưu trú ngắn ngày:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: Khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở); - Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không hoạt động tại trụ sở). <p>m. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Kinh doanh nhà ở, văn phòng làm việc. Kinh doanh bất động sản</p> <p>n. Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Quản lý tổ chức các hoạt động xây lắp, chế tạo, chạy thử và hoàn thiện các dự án, các công trình công nghiệp ngoài ngành dầu khí.</p> <p>o. Cung ứng và quản lý nguồn lao động: Cung cấp</p>	<p>vụ cho công nghiệp dầu khí, các ngành công nghiệp khác và dân dụng;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mua bán kim khí điện máy, vật tư thiết bị phục vụ dân dụng và các ngành công nghiệp, vật tư, trang thiết bị an toàn phòng cháy chữa cháy phục vụ cho công nghiệp dầu khí, các ngành công nghiệp khác và dân dụng. <p>i. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy: Lai dắt tàu biển và cứu hộ.</p> <p>j. Bốc xếp hàng hoá.</p> <p>k. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kinh doanh vận tải đa phương thức trong nước và quốc tế; - Vận chuyển, bảo quản và giao nhận hàng hóa; - Dịch vụ đại lý tàu biển và môi giới hàng hải; dịch vụ cung ứng tàu biển; dịch vụ kiểm đếm và giao nhận vận chuyển hàng hóa; - Dịch vụ thuê tàu, môi giới tàu biển; - Dịch vụ khách sạn, hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan; - Dịch vụ cân, hậu cần logistic. <p>l. Dịch vụ lưu trú ngắn ngày:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: Khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở); - Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không hoạt động tại trụ sở). <p>m. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Kinh doanh nhà ở, văn phòng làm việc. Kinh</p>	
---	---	--

<p>lao động chuyên ngành dầu khí.</p> <p>p. Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mua bán các sản phẩm dầu khí; - Bán buôn khí công nghiệp, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG (không hoạt động tại TPHCM). <p>q. Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: Mua bán phân đạm và hóa chất phục vụ nông nghiệp (trừ hóa chất nhà nước cấm).</p> <p>r. Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận chuyển các sản phẩm dầu khí; - Vận chuyển chất thải không nguy hại và chất thải nguy hại (không hoạt động tại trụ sở). <p>s. Thu gom rác thải không độc hại (không hoạt động tại trụ sở).</p> <p>t. Thu gom rác thải độc hại (không hoạt động tại trụ sở).</p> <p>u. Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại (không hoạt động tại trụ sở).</p> <p>v. Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại (không hoạt động tại trụ sở).</p> <p>w. Sản xuất các cấu kiện kim loại: Dịch vụ chế tạo các cấu kiện kim loại (không hoạt động tại trụ sở).</p> <p>x. Vận tải hàng hoá bằng đường bộ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận tải công ten nơ; - Vận chuyển chất thải không nguy hại và chất thải nguy hại (không hoạt động tại trụ sở). <p>2. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thu lợi nhuận tối đa; - Không ngừng nâng cao lợi ích của các cổ đông; 	<p>doanh bất động sản.</p> <p>n. Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Quản lý tổ chức các hoạt động xây lắp, chế tạo, chạy thử và hoàn thiện các dự án, các công trình công nghiệp ngoài ngành dầu khí.</p> <p>o. Cung ứng và quản lý nguồn lao động: Cung cấp lao động chuyên ngành dầu khí.</p> <p>p. Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mua bán các sản phẩm dầu khí; - Bán buôn khí công nghiệp, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG (không hoạt động tại TPHCM). <p>q. Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: Mua bán phân đạm và hóa chất phục vụ nông nghiệp (trừ hóa chất nhà nước cấm).</p> <p>r. Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận chuyển các sản phẩm dầu khí; - Vận chuyển chất thải không nguy hại và chất thải nguy hại (không hoạt động tại trụ sở). <p>s. Thu gom rác thải không độc hại (không hoạt động tại trụ sở).</p> <p>t. Thu gom rác thải độc hại (không hoạt động tại trụ sở).</p> <p>u. Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại (không hoạt động tại trụ sở).</p> <p>v. Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại (không hoạt động tại trụ sở).</p> <p>w. Sản xuất các cấu kiện kim loại: Dịch vụ chế tạo các cấu kiện kim loại (không hoạt động</p>	
--	--	--

	<ul style="list-style-type: none"> - Phát triển Tổng công ty ngày càng lớn mạnh; - Đóng góp cho Ngân sách Nhà nước; - Tham gia đóng góp xây dựng và phát triển cộng đồng, xã hội. 	<p>tại trụ sở).</p> <ul style="list-style-type: none"> x. Vận tải hàng hoá bằng đường bộ: <ul style="list-style-type: none"> - Vận tải công ten nơ; - Vận chuyển chất thải không nguy hại và chất thải nguy hại (không hoạt động tại trụ sở). <p>2. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thu lợi nhuận, vì lợi ích của các cổ đông; - Phát triển Tổng công ty lớn mạnh, bền vững; - Đóng góp cho Ngân sách Nhà nước; - Tham gia đóng góp xây dựng và phát triển cộng đồng, xã hội, bảo vệ môi trường. 	
6.	<p>Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động</p> <p>1. Tổng công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Tổng công ty.</p> <p>2. Tổng công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p>	<p>Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động</p> <p>1. Tổng công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Tổng công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Tổng công ty.</p> <p>2. Tổng công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p>	Sửa đổi phù hợp với pháp luật
7.	<p>IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN</p> <p>Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần</p> <p>1. Vốn điều lệ của Tổng công ty là 4.467.004.210.000 (Bằng chữ: Bốn nghìn, bốn trăm sáu mươi bảy tỷ, không trăm linh bốn triệu, hai trăm mười nghìn) đồng.</p>	<p>IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN</p> <p>Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần</p> <p>1. Vốn điều lệ của Tổng công ty là 4.467.004.210.000 (Bằng chữ: Bốn nghìn, bốn trăm sáu mươi bảy tỷ, không trăm linh bốn triệu, hai trăm mười nghìn) đồng.</p>	Sửa đổi phù hợp với pháp luật

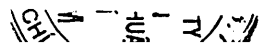
<p>Tổng số vốn điều lệ của Tổng công ty được chia thành 446.700.421 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phần.</p> <p>2. Tổng công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.</p> <p>3. Các cổ phần của Tổng công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo từng loại cổ phần được quy định tại Điều 11 Điều lệ này.</p> <p>4. Tổng công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.</p> <p>5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Tổng công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Tổng công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.</p> <p>6. Tổng công ty có thể mua cổ phần do chính Tổng công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Tổng công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị</p>	<p>Tổng số vốn điều lệ của Tổng công ty được chia thành 446.700.421 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phần.</p> <p>2. Tổng công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.</p> <p>3. Các cổ phần của Tổng công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.</p> <p>4. Tổng công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.</p> <p>5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Tổng công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Tổng công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.</p> <p>6. Tổng công ty có thể mua cổ phần do chính Tổng công ty đã phát hành theo những cách thức được</p>	
--	---	--



	<p>có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.</p> <p>7. Tổng công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.</p>	<p>quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Tổng công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.</p> <p>7. Tổng công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.</p>	
8.	<p>Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu</p> <p>1. Cổ đông của Tổng công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.</p> <p>2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Tổng công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Tổng công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phần mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Tổng công ty hoặc trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Tổng công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Tổng công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.</p> <p>4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cấp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng</p>	<p>Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu</p> <p>1. Cổ đông của Tổng công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.</p> <p>2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Tổng công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Tổng công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.</p> <p>3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Tổng công ty hoặc trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Tổng công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Tổng công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.</p> <p>4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với</p>	<p>Điều chỉnh cho phù hợp Điều lệ mẫu</p>

	nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Tổng công ty.	điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Tổng công ty.	
9.	<p>Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác</p> <p>Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Tổng công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.</p>	<p>Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác</p> <p>Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Tổng công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Tổng công ty.</p>	Điều chỉnh cho phù hợp Điều lệ mẫu
10.	<p>Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần</p> <p>1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.</p>	<p>Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần</p> <p>1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.</p>	Điều chỉnh cho phù hợp Điều lệ mẫu
11.	<p>Điều 9. Thu hồi cổ phần</p> <p>1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số</p>	<p>Điều 10. Thu hồi cổ phần</p> <p>1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó</p>	Điều chỉnh cho phù hợp Điều lệ mẫu

<p>tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Tổng công ty.</p> <p>2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.</p> <p>3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.</p> <p>4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.</p> <p>5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ không quá 1,5 lần lãi suất cho vay kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.</p> <p>6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.</p>	<p>thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Tổng công ty.</p> <p>2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.</p> <p>3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.</p> <p>4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.</p> <p>5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ không quá lãi suất cho vay kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.</p> <p>6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót</p>	
--	---	--



		hoặc bất cần trong việc gửi thông báo.	
12.	<p>V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT</p> <p>Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát</p> <p>Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Tổng công ty bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đại hội đồng cổ đông; 2. Hội đồng quản trị; 3. Ban kiểm soát; 4. Tổng Giám đốc. 	<p>V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT</p> <p>Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát</p> <p>Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Tổng công ty bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đại hội đồng cổ đông; 2. Hội đồng quản trị; 3. Ban kiểm soát; 4. Tổng Giám đốc. 	
13.	<p>VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</p> <p>Điều 11. Quyền của cổ đông</p> <p>1. Cổ đông là chủ sở hữu Tổng công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà cổ đông sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Tổng công ty.</p> <p>2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền; b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật 	<p>VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</p> <p>Điều 12. Quyền của cổ đông</p> <p>1. Cổ đông là chủ sở hữu Tổng công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà cổ đông sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Tổng công ty.</p> <p>2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa; b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh 	Sửa đổi phù hợp với pháp luật

<p>hiện hành;</p> <p>d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;</p> <p>đ. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong Danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;</p> <p>e. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>g. Trường hợp Tổng công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Tổng công ty sau khi Tổng công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Tổng công ty theo quy định của pháp luật;</p> <p>h. Yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:</p> <p>a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 Điều 24 và Khoản 2 Điều 32 Điều lệ này;</p> <p>b. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội cổ đông;</p>	<p>toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;</p> <p>d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;</p> <p>e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;</p> <p>f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>h. Trường hợp Tổng công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Tổng công ty sau khi Tổng công ty đã thanh toán cho chủ nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Tổng công ty theo quy định của pháp luật;</p> <p>i. Yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>j. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:</p>	
--	--	--



	<p>c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>4. Quyền yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại Khoản 2 Điều 114 Luật doanh nghiệp;</p> <p>5. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 37 Điều lệ này;</p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp;</p> <p>c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	
14.	<p>Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông</p> <p>Cổ đông có các nghĩa vụ sau:</p> <p>1. Tuân thủ Điều lệ và các Quy định hiện hành của Tổng công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng</p>	<p>Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông</p> <p>Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:</p> <p>1. Tuân thủ Điều lệ và các các quy chế nội bộ của Tổng công ty; chấp hành quyết định của Đại hội</p>	Sửa đổi phù hợp với pháp luật

<p>cổ đông, Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền; có trách nhiệm xem xét tài liệu và cho ý kiến theo quy định khi Tổng công ty lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội cổ đông.</p> <p>3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.</p> <p>4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.</p> <p>5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p>6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Tổng công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:</p> <p>a. Vi phạm pháp luật;</p> <p>b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Tổng công ty.</p>	<p>đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:</p> <p>a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</p> <p>3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.</p> <p>4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.</p> <p>5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p>6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Tổng công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:</p> <p>a. Vi phạm pháp luật;</p> <p>b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Tổng công ty.</p>	
<p>Điều 13. Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Sửa đổi phù hợp</p>

<p>15.</p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Tổng công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và có thể gia hạn, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty;</p> <p>b. Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;</p> <p>c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một phần ba (1/3) số thành viên quy định trong Điều lệ;</p> <p>d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 4 Điều 11 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá</p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Tổng công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và có thể gia hạn, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.</p> <p>Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Tổng công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Tổng công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty;</p> <p>b. Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;</p>	<p>với pháp luật</p>
------------	---	---	----------------------

nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ liên quan đến yêu cầu triệu tập họp;

đ. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ Tổng công ty và pháp luật hiện hành; và Điều lệ Tổng công ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại **Điểm c Khoản 3 Điều 13** hoặc nhận được yêu cầu quy định tại **Điểm d và Điểm đ Khoản 3 Điều 13**;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại **Điểm a Khoản 4 Điều 13** thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định **Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp**;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại **Điểm b Khoản 4 Điều 13** thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại **Điểm d Khoản 3** này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định **Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp**.

c. Số thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại **Điều lệ** này;

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại **khoản 3 Điều 12 Điều lệ** này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ liên quan đến yêu cầu triệu tập họp;

e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người quản lý khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo **Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình**;

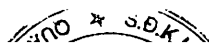
f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và **Điều lệ Tổng công ty**.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

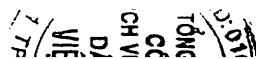
a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội

	<p>Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy tại các Điểm a, b,c Khoản 4 Điều này sẽ được Tổng công ty hoàn lại.</p>	<p>đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp;</p> <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.</p> <p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Tổng công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p>	
16.	Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	

<p>1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng công ty. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a. Thông qua định hướng phát triển của Tổng công ty;</p> <p>b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;</p> <p>c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;</p> <p>đ. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;</p> <p>e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty;</p> <p>g. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>h. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>i. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Tổng công ty và cổ đông Tổng công ty;</p> <p>k. Quyết định tổ chức lại, giải thể Tổng công ty;</p> <p>l. Thông qua quyết định việc Tổng công ty hoặc các chi nhánh của Tổng công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 và 3 Điều 162 Luật</p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng công ty. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a. Thông qua định hướng phát triển của Tổng công ty;</p> <p>b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;</p> <p>c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;</p> <p>đ. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;</p> <p>e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty;</p> <p>g. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>h. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>i. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Tổng công ty và cổ đông Tổng công ty;</p> <p>k. Quyết định tổ chức lại, giải thể Tổng công ty;</p> <p>l. Thông qua quyết định việc Tổng công ty hoặc các chi nhánh của Tổng công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại khoản 1 và 3 Điều 162</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với pháp luật</p>
--	---	--------------------------------------



<p>Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty và các chi nhánh của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán.</p> <p>m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông phiên họp thường niên có quyền thảo luận và thông qua:</p> <p>a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty;</p> <p>b. Báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc;</p> <p>đ. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;</p> <p>e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</p> <p>g. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.</p> <p>3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Điểm 1 Khoản 1 Điều 14 khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</p> <p>b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của</p>	<p>Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty và các chi nhánh của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán.</p> <p>m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông phiên họp thường niên có quyền thảo luận và thông qua:</p> <p>a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty;</p> <p>b. Báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc;</p> <p>đ. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;</p> <p>e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</p> <p>g. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.</p> <p>3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 1 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</p> <p>b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của</p>	
---	--	--



	<p>người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.</p> <p>4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội cổ đông.</p>	<p>người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật..</p> <p>4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	
17.	<p>Điều 15. Các đại diện được ủy quyền</p> <p>1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.</p> <p>Trường hợp cổ đông là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể phần vốn góp, số cổ phần, cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông Tổng công ty không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền, số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.</p> <p>2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Tổng công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p> <p>a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được uỷ quyền dự họp;</p> <p>b. Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức là người uỷ quyền thì giấy uỷ quyền</p>	<p>Điều 16. Các đại diện được ủy quyền</p> <p>1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.</p> <p>Trường hợp cổ đông là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể phần vốn góp, số cổ phần, cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông Tổng công ty không xác định số cổ phần tương ứng giao cho mỗi người đại diện theo ủy quyền, số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.</p> <p>2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Tổng công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p> <p>Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Tổng công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p> <p>a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người uỷ</p>	Sửa đổi phù hợp với pháp luật

phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.

Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người uỷ quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy uỷ quyền cho luật sư ~~hoặc bản sao hợp lệ của giấy uỷ quyền~~ đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại **Khoản 3 Điều 15**, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

a. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;

c. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Tổng công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

quyền thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được uỷ quyền dự họp;

b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người uỷ quyền thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được uỷ quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.

Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người uỷ quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy uỷ quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại **khoản 3 Điều này**, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

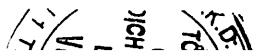
a. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ

		<p>quyền;</p> <p>c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.</p> <p>Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Tổng công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</p>	
18.	<p>Điều 16. Thay đổi các quyền</p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.</p> <p>2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18</p>	<p>Điều 17. Thay đổi các quyền</p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) dự họp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên,</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với pháp luật và theo Điều lệ mẫu TT95</p>



	<p>và Điều 20 Điều lệ này.</p> <p>3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Tổng công ty không bị thay đổi khi Tổng công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.</p>	<p>những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó dự họp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.</p> <p>2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.</p> <p>3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Tổng công ty không bị thay đổi khi Tổng công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.</p>	
<p>19.</p>	<p>Điều 17. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập họp theo các trường hợp quy định tại Điểm b hoặc Điểm c Khoản 4 Điều 13 Điều lệ này.</p> <p>2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội chậm nhất ba mươi (30) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội cổ đông;</p>	<p>Điều 18. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.</p> <p>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi</p>	<p>Sửa đổi để phù hợp Luật doanh nghiệp</p>



<p>b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;</p> <p>c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.</p> <p>d. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;</p> <p>đ. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;</p> <p>e. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;</p> <p>f. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;</p> <p>g. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.</p> <p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử (website) của Tổng công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.</p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại</p>	<p>thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;</p> <p>c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;</p> <p>d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;</p> <p>e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;</p> <p>f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;</p> <p>g. Các công việc khác phục vụ đại hội.</p> <p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <p>a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng</p>
--	--

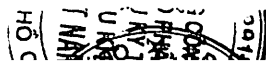
<p>Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Tổng công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.</p> <p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 Điều 17 trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;</p> <p>b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này;</p> <p>c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua;</p> <p>d. Các trường hợp khác.</p> <p>6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.</p> <p>7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc tham dự thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không theo đúng trình tự và thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.</p>	<p>trong cuộc họp;</p> <p>b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;</p> <p>c. Phiếu biểu quyết;</p> <p>d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;</p> <p>e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Tổng công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p> <p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;</p>	
---	--	--



		<p>b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;</p> <p>c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	
20.	<p>Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập họp lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.</p> <p>3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền</p>	<p>Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể</p>	Sửa đổi phù hợp với pháp luật và theo Điều lệ mẫu TT95



	<p>quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội cổ đông lần thứ nhất.</p>	<p>được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.</p>	
<p>21.</p>	<p>Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội cổ đông</p> <p>1. Vào ngày tổ chức Đại hội cổ đông, Tổng công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.</p> <p>2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ toạ thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ toạ. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ toạ nhưng không quá 03 người.</p>	<p>Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Tổng công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp đăng ký hết.</p> <p>2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, các cổ đông thực hiện theo trình tự được điều hành bởi chủ tọa. Việc thu và kiểm phiếu được thực hiện sau khi đã hoàn thành phần biểu quyết vấn đề cuối cùng trong chương trình cuộc họp theo quy định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với pháp luật và theo Điều lệ mẫu TT95</p>



3. **Cổ đông đến dự Đại hội cổ đông muộn** có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự **không bị ảnh hưởng**.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp. **Trường hợp không có người có thể làm chủ tọa, thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất** điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội cổ đông.

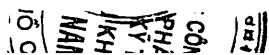
nhệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. **Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc** có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó **không thay đổi**.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên **Hội đồng quản trị** còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp **theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa** cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

<p>6. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết.</p> <p>7. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự hoặc đề đại hội phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.</p> <p>8. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên tham gia đại hội.</p> <p>9. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:</p> <p>a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;</p>	<p>5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.</p> <p>6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.</p> <p>7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.</p> <p>8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.</p> <p>9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi</p>	
---	---	--



<p>c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.</p> <p>Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</p> <p>10. Trong trường hợp tại Đại hội cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:</p> <p>a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);</p> <p>b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;</p> <p>Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.</p> <p>11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.</p> <p>Hàng năm Tổng công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p>	<p>đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:</p> <p>a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;</p> <p>c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.</p> <p>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</p> <p>10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:</p> <p>a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);</p> <p>b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa</p>	
---	---	--

		<p>điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;</p> <p>Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.</p> <p>11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.</p> <p>12. Hàng năm, Tổng công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.</p>	
22.	<p>Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:</p> <p>a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Tổng công ty;</p> <p>b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>d. Dự án đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;</p> <p>đ. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty;</p> <p>e. Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty;</p> <p>g. Các vấn đề khác do Điều lệ Tổng công ty quy</p>	<p>Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:</p> <p>a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Tổng công ty;</p> <p>b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>d. Dự án đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;</p> <p>đ. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty;</p> <p>e. Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty;</p>	<p>Chỉnh sửa cho cụ thể và rõ ràng hơn.</p> <p>Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được chuyển xuống Điều 22 của Điều lệ mới.</p>

	<p>định.</p> <p>2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều này.</p> <p>3. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.</p>	<p>g. Các vấn đề khác do Điều lệ Tổng công ty quy định.</p> <p>2. Các quyết định khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.</p> <p>3. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp và các quy định tại Quy chế quản trị nội bộ của Tổng công ty.</p> <p>4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.</p>	
23.	<p>Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua tất cả các quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty.</p> <p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm</p>	<p>Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua tất cả các quyết định thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty.</p> <p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với pháp luật và theo Điều lệ mẫu TT95</p> <p>“Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp</p>

<p>theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.</p> <p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Tổng công ty;</p> <p>b. Mục đích lấy ý kiến;</p> <p>c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p> <p>d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p> <p>đ. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;</p> <p>e. Thời hạn phải gửi về Tổng công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</p> <p>g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.</p> <p>4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến</p>	<p>phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.</p> <p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b. Mục đích lấy ý kiến;</p> <p>c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p> <p>d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p> <p>e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;</p> <p>f. Thời hạn phải gửi về Tổng công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</p>	<p>luật của tổ chức được ủy quyền” được tách riêng ra khỏi nội dung Gửi Phiếu lấy ý kiến về Tổng công ty bằng đường thư.</p>
---	---	--



<p>Tổng công ty theo một trong các hình thức sau đây:</p> <p>a. Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</p> <p>b. Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.</p> <p>Các phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ.</p> <p>Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</p> <p>5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tổng công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;</p> <p>b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua quyết định;</p> <p>c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp</p>	<p>g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.</p> <p>4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.</p> <p>5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Tổng công ty theo các hình thức sau:</p> <p>a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</p> <p>b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.</p> <p>Các phiếu lấy ý kiến Tổng công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ.</p> <p>Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</p> <p>6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người quản lý Tổng công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p>	
--	--	--



lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các quyết định đã được thông qua;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Tổng công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ và gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và **phương thức gửi phiếu biểu quyết**, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các vấn đề đã được thông qua;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu

		giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty. 9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	
24.	<p>Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Người chủ trì Đại hội cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Tổng công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.</p>	<p>Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông; Chương trình họp và nội dung cuộc họp; Họ, tên chủ tọa và thư ký; Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp; Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng; 	Sửa đổi phù hợp với pháp luật và theo Điều lệ mẫu TT95

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là

		<p>bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.</p> <p>5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.</p>	
25.	<p>Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 Luật doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 148 của Luật. 2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Tổng công ty. 	<p>Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này. 	Sửa đổi phù hợp với pháp luật và theo Điều lệ mẫu TT95

		<p>2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.</p> <p>Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.</p>	
26.	<p>VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ N/A</p>	<p>VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p> <p>Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</p> <p>2. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với pháp luật và theo Điều lệ mẫu TT95</p> <p>Tách, chuyển khoản 2 Điều 24 Điều lệ hiện hành.</p>

quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ học vấn;
 - c. Trình độ chuyên môn;
 - d. Quá trình công tác;
 - e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
 - f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Tổng công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Tổng công ty;
 - g. Các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty;
 - h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó;
 - i. Các thông tin khác.
3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng

		<p>quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Tổng công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.</p>	
27	<p>Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là bảy (07) người được Đại hội đồng cổ đông bầu theo phương thức bầu dồn phiếu. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.</p> <p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05)</p>	<p>Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là bảy (07) người được Đại hội đồng cổ đông bầu theo phương thức bầu dồn phiếu. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Cơ cấu Hội đồng quản trị phải đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính, lĩnh vực kinh doanh của Tổng công ty và các yêu cầu khác của pháp luật.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;</p>	<p>Điều chỉnh cho phù hợp với Điều lệ mẫu.</p> <p>Một phần nội dung của khoản 1 và nguyên khoản 2,3 được chuyển lên Điều 25 của Điều lệ mới.</p> <p>Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: bổ sung cho phù hợp với Nghị định 71.</p>

ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo sơ chế được Tổng công ty quy định tại quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Tổng công ty;

c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người

b. Có đơn từ chức;

c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Tổng công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;

g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Tổng công ty.

	<p>này bị bỏ trống;</p> <p>đ. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>5. Việc bầu các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là người nắm giữ cổ phần của Tổng công ty.</p>		
28	<p>Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Tổng công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Tổng công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác.</p> <p>3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Tổng công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:</p> <p>a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tổng công ty;</p> <p>b. Bổ nhiệm và bãi nhiệm khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức lương và các chế độ khác của các chức danh Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Tổng công ty, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc, Trưởng văn phòng</p>	<p>Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Tổng công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Tổng công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác.</p> <p>3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Tổng công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tổng công ty;</p> <p>b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p>	<p>Chuyển khoản 7,8 Điều 25 Điều lệ hiện hành sang Điều 28 Điều lệ mới</p>

<p>đại diện hay bất kỳ cán bộ quản lý nào của Tổng công ty theo đề nghị của Tổng Giám đốc;</p> <p>c. Quyết định cơ cấu tổ chức của Tổng công ty; các quy chế quản lý nội bộ Tổng công ty;</p> <p>d. Giải quyết các khiếu nại của Tổng công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Tổng công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó;</p> <p>đ. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;</p> <p>e. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;</p> <p>g. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;</p> <p>h. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác, người đại diện của Tổng công ty. Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);</p> <p>i. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc.</p> <p>k. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng; tổ chức việc chi trả cổ tức;</p> <p>l. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Tổng công ty.</p> <p>m. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho</p>	<p>c. Bổ nhiệm và bãi nhiệm khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức lương và các chế độ khác đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng Ban chức năng/ Chánh Văn phòng Tổng công ty, Giám đốc Chi nhánh, Trưởng văn phòng đại diện và các cán bộ quản lý khác của Tổng công ty theo đề nghị của Tổng Giám đốc;. Giải quyết các khiếu nại của Tổng công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Tổng công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó;</p> <p>d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Tổng công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>đ. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Tổng công ty;</p> <p>e. Quyết định các quy chế nội bộ của Tổng công ty;</p> <p>g. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;</p> <p>h. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;</p> <p>j. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;</p> <p>k. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi</p>	
---	---	--

<p>vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty, trừ hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ này;</p> <p>4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> <p>a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Tổng công ty;</p> <p>b. Thành lập các công ty con của Tổng công ty;</p> <p>c. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Tổng công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thầu tóm Tổng công ty và liên doanh);</p> <p>d. Chi định và bãi nhiệm những người được Tổng công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Tổng công ty;</p> <p>đ. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Tổng công ty;</p> <p>e. Các khoản đầu tư không thuộc hoặc vượt kế hoạch kinh doanh và ngân sách hàng năm;</p> <p>g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp thuộc sở hữu của Tổng công ty tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;</p>	<p>và trái phiếu kèm chứng quyền;</p> <p>1. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty, trừ hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ này;</p> <p>m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;</p> <p>n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị Tổng công ty lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc;</p> <p>p. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.</p> <p>4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> <p>a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Tổng công ty;</p> <p>b. Thành lập các công ty con của Tổng công ty;</p> <p>c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Tổng công ty;</p>
---	---

<p>h. Việc định giá các tài sản góp vào Tổng công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Tổng công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;</p> <p>i. Việc Tổng công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;</p> <p>k. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Tổng công ty;</p> <p>l. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.</p> <p>5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo tài chính năm cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Tổng công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.</p> <p>6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Tổng công ty.</p> <p>7. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.</p>	<p>d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Tổng công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Tổng công ty;</p> <p>e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Tổng công ty;</p> <p>f. Các khoản đầu tư không thuộc hoặc vượt kế hoạch kinh doanh và ngân sách hàng năm;</p> <p>g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;</p> <p>h. Việc định giá tài sản góp vào Tổng công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Tổng công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;</p> <p>i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;</p> <p>j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Tổng công ty;</p> <p>k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.</p> <p>5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và người quản lý hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội</p>	
---	--	--



	<p>Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao.</p> <p>8. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p>	<p>đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Tổng công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.</p> <p>6. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người quản lý khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Tổng công ty.</p>	
29	N/A	<p>Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.</p> <p>2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Tổng công ty, công ty con, công ty liên kết của Tổng công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Tổng công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với pháp luật và theo Điều lệ mẫu TT95</p> <p>Tách ra từ Điều 25 Điều lệ cũ</p>



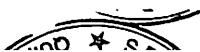
		<p>phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Tổng công ty.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.</p>	
30.	<p>Điều 26. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc của Tổng công ty. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Tổng Giám đốc phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội cổ đông thường niên.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và làm chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và</p>	<p>Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc của Tổng công ty.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách</p>	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều lệ mẫu

<p>trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm:</p> <p>a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;</p> <p>đ. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;</p> <p>e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ Tổng công ty.</p> <p>4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.</p> <p>5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.</p>	<p>nhiệm:</p> <p>a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;</p> <p>đ. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;</p> <p>e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.</p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.</p> <p>5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.</p>	
---	--	--

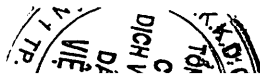
<p>31.</p>	<p>Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:</p> <p>a. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý khác;</p> <p>b. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Ban kiểm soát.</p>	<p>Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với pháp luật và theo Điều lệ mẫu TT95</p> <p>Điều chỉnh đối tượng đề nghị họp từ “05 cán bộ quản lý khác” thành 2/3 cán bộ quản lý là các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng cho phù hợp với thực tế công việc.</p> <p>Chuyên khoản 16,17,18 của Điều 27 Điều lệ hiện hành thành Điều 31 Điều lệ mới</p>
-------------------	--	---	---



<p>4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 27 phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 27 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Tổng công ty.</p> <p>6. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Tổng công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.</p> <p>7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất ba (03) ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.</p> <p>Thông báo mời họp được gửi bằng buu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>a. Ban kiểm soát;</p> <p>b. Tổng Giám đốc;</p> <p>c. Ít nhất hai phần ba (2/3) cán bộ quản lý là các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng;</p> <p>d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 30 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Tổng công ty.</p> <p>6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Tổng công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng</p>	
---	--	--



<p>được đăng ký tại Tổng công ty.</p> <p>8. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</p> <p>9. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền), tham dự thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác hoặc gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</p> <p>Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p> <p>10. Biểu quyết.</p> <p>a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản 10 Điều 27, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;</p> <p>b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;</p>	<p>quản trị.</p> <p>7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</p> <p>Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Tổng công ty.</p> <p>8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị dự họp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</p> <p>Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất.</p>	
---	--	--



c. Theo quy định tại Điểm d Khoản 10 Điều 27, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 4 Điều 35 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

11. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Tổng công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Tổng công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

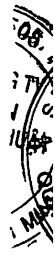
9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là dự họp tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự

<p>12. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.</p> <p>13. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</p> <p>a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;</p> <p>b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.</p> <p>Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.</p> <p>Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản</p>	<p>cuộc họp này.</p> <p>10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.</p> <p>11. Biểu quyết</p> <p>a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này dự họp với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;</p> <p>b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu dự họp để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;</p> <p>c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30, khi có</p>
--	---



của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.

~~16. Hội đồng quản trị có thể thành lập và uỷ quyền cho các tiểu ban trực thuộc gồm: tiểu ban chính sách phát triển, tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng và các tiểu ban khác theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng~~

vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Tổng công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm họp đồng, giao dịch được ký với Tổng công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng



<p>quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>17. Quyết định thành lập tiểu ban của Hội đồng quản trị dựa trên đề xuất của Chủ tịch Hội đồng quản trị sau khi được đa số các Thành viên Hội đồng quản trị thông qua. Cơ cấu nhân sự tham gia phải đảm bảo yêu cầu quy định tại khoản 16 Điều này. Các nhân sự tham gia tiểu ban phải có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của tiểu ban được thành lập. Trường hợp không thành lập các tiểu ban thì Hội đồng quản trị cử thành viên Hội đồng quản trị độc lập phụ trách riêng về từng vấn đề theo chức năng, nhiệm vụ của các tiểu ban trên.</p> <p>18. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.</p>	<p>mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.</p> <p>13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.</p> <p>14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.</p> <p>15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.</p>	
<p>32</p>	<p>Điều 31. Các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị có thể thành lập Tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân</p>	<p>Tách Khoản 16, 17, 18 của Điều 27 Điều lệ hiện hành và điều</p>

		<p>sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ và các tiểu ban khác theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Số lượng thành viên của Tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng Tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của Tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của Tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của Tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Tổng công ty.</p>	<p>chính theo Điều lệ mẫu</p>
33	N/A	<p>Điều 32. Người phụ trách quản trị Tổng công ty và Thư ký Tổng công ty</p> <p>1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Tổng công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách</p>	<p>Bổ sung nội dung Người phụ trách quản trị Tổng công ty và Thư ký Tổng công ty cho phù hợp với Luật doanh nghiệp và</p>

Nghị định 71	<p>quản trị Tổng công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.</p> <p>2. Người phụ trách quản trị Tổng công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:</p> <ul style="list-style-type: none">a. Có hiểu biết về pháp luật;b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty;c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị. <p>3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Tổng công ty tùy từng thời điểm.</p> <p>4. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <ul style="list-style-type: none">a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng công ty và cổ đông;b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của
---------------------	---



		<p>Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</p> <p>c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>d. Tham dự các cuộc họp;</p> <p>e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;</p> <p>f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;</p> <p>g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Tổng công ty.</p> <p>h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;</p> <p>i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.</p> <p>5. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng thư ký Tổng công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Quyền và nghĩa vụ của Thư ký Tổng công ty được quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật doanh nghiệp.</p> <p>6. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có thể</p>	
--	--	--	--



		kiêm nhiệm làm Thư ký Tổng công ty.	
34.	<p>VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ BAN THƯ KÝ TỔNG CÔNG TY</p> <p>Điều 28. Tổ chức bộ máy quản lý</p> <p>Hệ thống quản lý của Tổng công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Tổng công ty có một (01) Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và một (01) Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức.</p>	<p>VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP KHÁC</p> <p>Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý</p> <p>Hệ thống quản lý của Tổng công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty. Tổng công ty có một (01) Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và một (01) Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.</p>	Sửa đổi phù hợp với pháp luật và theo Điều lệ mẫu TT95
35.	<p>Điều 29. Cán bộ quản lý</p> <p>1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Tổng công ty được tuyển dụng cán bộ quản lý cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý Tổng công ty do Hội đồng quản trị chấp thuận tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Tổng công ty đạt được các mục tiêu đề ra.</p> <p>2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác do Hội đồng quản trị quyết</p>	<p>Điều 34. Người quản lý Tổng công ty</p> <p>1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Tổng công ty được tuyển dụng người quản lý khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Tổng công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người quản lý Tổng công ty phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Tổng công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.</p> <p>2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc do Hội</p>	Sửa đổi phù hợp với pháp luật và theo Điều lệ mẫu TT95

	<p>định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.</p>	<p>đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người quản lý khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.</p>	
<p>36.</p>	<p>Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc</p> <p>1. Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc phải được báo cáo trong Đại hội cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Tổng công ty.</p> <p>2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này.</p> <p>3. Tổng Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:</p> <p>a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Tổng công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Tổng công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại,</p>	<p>Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc</p> <p>1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Tổng công ty.</p> <p>2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.</p> <p>3. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với pháp luật và theo Điều lệ mẫu TT95</p>

<p>tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Tổng công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;</p> <p>c. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Tổng công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện tốt các hoạt động quản lý theo yêu cầu của Hội đồng quản trị, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;</p> <p>d. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Tổng công ty trừ các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức;</p> <p>đ. Tuyển dụng lao động; quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với các lao động trong Tổng công ty, kể cả cán bộ quản lý thuộc quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;</p> <p>e. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;</p> <p>f. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;</p> <p>g. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Tổng công ty;</p> <p>h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và</p>	<p>đầu tư của Tổng công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Tổng công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;</p> <p>c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty;</p> <p>d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Tổng công ty;</p> <p>đ. Tuyển dụng lao động; quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với các lao động trong Tổng công ty, kể cả nhân sự cấp quản lý thuộc quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;</p> <p>e. Kiến nghị số lượng và Người quản lý Tổng công ty mà Tổng công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người quản lý Tổng công ty để Hội đồng quản trị quyết định;</p> <p>f. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn</p>	
---	---	--

<p>hàng quý của Tổng công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Tổng công ty;</p> <p>f. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Tổng công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc và pháp luật.</p> <p>4. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.</p> <p>5. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế.</p>	<p>nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;</p> <p>g. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;</p> <p>h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Tổng công ty;</p> <p>i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Tổng công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Tổng công ty.</p> <p>4. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.</p>	
--	---	--

		<p>5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.</p>	
<p>37.</p>	<p>Điều 31. Ban Thư ký Tổng công ty</p> <p>Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một Ban Thư ký Tổng công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm thành viên Ban Thư ký Tổng công ty vào bất kỳ thời điểm nào nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Vai trò và nhiệm vụ của Ban Thư ký Tổng công ty bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát. 2. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp. 3. Tham dự các cuộc họp. 4. Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp. 5. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. 6. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp; Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao; Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Tổng công ty; 		<p>Sửa đổi để phù hợp với Luật doanh nghiệp và Nghị định 71, Điều lệ mẫu</p> <p>Đã quy định về Thư ký Tổng công ty tại Điều 32 Điều lệ mới</p>



	<p>7. Hỗ trợ Tổng công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;</p> <p>8. Hỗ trợ Tổng công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính</p> <p>9. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng quản trị giao.</p> <p>Thư ký Tổng công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.</p>		
38.	<p>IX. BAN KIỂM SOÁT</p> <p>N/A</p>	<p>IX. BAN KIỂM SOÁT</p> <p>Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên</p> <p>1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</p> <p>2. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Ban Kiểm soát</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với pháp luật và theo Điều lệ mẫu TT95</p> <p>Tách, chuyển khoản 2 Điều 32 Điều lệ hiện hành</p>

được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Ban Kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm Kiểm soát viên. Thông tin liên quan đến ứng viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Ban Kiểm soát và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Tổng công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Tổng công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty;
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó;
- i. Các thông tin khác.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát

		<p>thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</p>	
39	<p>Điều 32. Thành viên Ban kiểm soát</p> <p>1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Tổng công ty là ba (03) thành viên. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty. Thành viên Ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.</p> <p>Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Tổng công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p> <p>a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;</p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;</p>	<p>Điều 37. Kiểm soát viên</p> <p>1. Số lượng Kiểm soát viên của Tổng công ty là ba (03) người. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu theo phương thức bầu dồn phiếu. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. -Kiểm soát viên phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.</p> <p>2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và không thuộc các trường hợp sau:</p> <p>a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty;</p> <p>b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong ba (03) năm liền trước đó.</p> <p>3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với pháp luật và theo Điều lệ mẫu TT95</p> <p>Tách khoản 2 và 3 của Điều 32 Điều lệ hiện hành chuyển sang Điều 37 Điều lệ mới</p>



<p>c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.</p> <p>3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được quy định tại quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</p> <p>4. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu theo phương thức bầu dồn phiếu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p>	<p>Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Tổng công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p> <p>a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;</p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;</p> <p>c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;</p> <p>b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.</p> <p>5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p> <p>b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật</p>	
---	--	--



		<p>doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;</p> <p>c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.</p>	
40.	<p>Điều 33. Ban kiểm soát</p> <p>1. Tổng công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:</p> <p>a. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty.</p> <p>b. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.</p> <p>c. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Tổng công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>d. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tổng công ty.</p> <p>đ. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài</p>	<p>Điều 38. Quyền và Nghĩa vụ của Ban kiểm soát</p> <p>1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;</p> <p>b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;</p> <p>c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc), người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và cổ đông;</p> <p>d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	<p>Sửa đổi bổ sung thêm quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát theo Điều lệ mẫu</p>

liệu khác của Tổng công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 114 của Luật Doanh nghiệp.

e. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 114 của Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

g. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

h. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 160 của Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

i. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Tổng công ty.

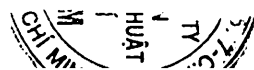
e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.

f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Tổng công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị Tổng công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.

4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.



k. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Tổng công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

m. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

n. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Tổng công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. **Thư ký Tổng công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho Kiểm soát viên vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.**

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai (02) người.

4. Mức thù lao của các thành viên Ban kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.



41.	<p>X. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC</p> <p>Điều 34. Trách nhiệm cẩn trọng</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty và với mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.</p>	<p>X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC</p> <p>Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty và với mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.</p>	Sửa đổi phù hợp với pháp luật và theo Điều lệ mẫu TT95
42.	<p>Điều 35. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Tổng công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Tổng công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.</p> <p>3. Tổng công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo</p>	<p>Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Tổng công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác có nghĩa vụ</p>	Sửa đổi phù hợp với pháp luật và theo Điều lệ mẫu TT95



lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Tổng công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc **Tổng công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức** mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 35% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho

thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Tổng công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Tổng công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính **trừ trường hợp Tổng công ty và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.**

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Tổng công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Người quản lý khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác

	<p>các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;</p> <p>c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Tổng công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Tổng công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p>	<p>đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;</p> <p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người quản lý khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;</p> <p>c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Tổng công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Người quản lý khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Tổng công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p>	
43.	<p>Điều 36. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và</p>	<p>Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn</p>	

<p>năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p> <p>2. Tổng công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Tổng công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Tổng công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Tổng công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Tổng công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Tổng công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Tổng công ty, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Tổng công ty được Tổng công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Tổng công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty;</p> <p>b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.</p> <p>3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền</p>	<p>thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p> <p>2. Tổng công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Tổng công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Người quản lý khác, nhân viên hoặc là đại diện được Tổng công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Tổng công ty với tư cách Người quản lý Tổng công ty, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Tổng công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.</p> <p>3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Tổng công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Người quản lý khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Tổng công ty được Tổng công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Tổng</p>	
--	---	--



	<p>phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Tổng công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.</p>	<p>công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty;</p> <p>b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.</p> <p>4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Tổng công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.</p>	
44.	<p align="center">XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY</p> <p align="center">Điều 37. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</p> <p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Khoản 2 Điều 24 và Khoản 2 Điều 32 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Tổng công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được uỷ quyền của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.</p>	<p align="center">XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY</p> <p align="center">Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</p> <p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Tổng công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được uỷ quyền của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền</p>	

	<p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Tổng công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.</p> <p>3. Tổng công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.</p> <p>4. Điều lệ Tổng công ty phải được công bố trên website của Tổng công ty.</p>	<p>này.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Tổng công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.</p> <p>3. Tổng công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.</p> <p>4. Điều lệ Tổng công ty phải được công bố trên website của Tổng công ty.</p>	
45.	<p>XII. CÁC TỔ CHỨC, CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN</p> <p>Điều 38. Các tổ chức, Công nhân viên và Công đoàn</p> <p>1. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong Tổng công ty hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và theo Điều lệ của tổ chức mình phù hợp với quy định của pháp luật.</p>	<p>XII. CÁC TỔ CHỨC, CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN</p> <p>Điều 43. Các tổ chức, Công nhân viên và Công đoàn</p> <p>1. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội của Tổng công ty hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và theo Điều lệ của tổ chức mình phù hợp với quy định của pháp luật.</p>	Sửa đổi để phù hợp với Luật doanh nghiệp

	<p>2. Tổng công ty tôn trọng, tạo điều kiện thuận lợi để người lao động thành lập và tham gia hoạt động trong các tổ chức quy định tại khoản 1 của điều này.</p> <p>3. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý.</p> <p>4. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Tổng công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Tổng công ty và quy định pháp luật hiện hành.</p>	<p>2. Tổng công ty tôn trọng, tạo điều kiện thuận lợi để người lao động thành lập và tham gia hoạt động trong các tổ chức quy định tại khoản 1 của điều này.</p> <p>3. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý.</p> <p>4. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Tổng công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Tổng công ty và quy định pháp luật hiện hành.</p>	
46.	<p>XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN</p> <p>Điều 39. Phân phối lợi nhuận</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Tổng công ty.</p> <p>2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Tổng công ty.</p> <p>3. Tổng công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.</p> <p>4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ</p>	<p>XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN</p> <p>Điều 44. Phân phối lợi nhuận</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Tổng công ty.</p> <p>2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Tổng công ty.</p> <p>3. Tổng công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.</p> <p>4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một</p>	



	<p>tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.</p> <p>5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Tổng công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Tổng công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Tổng công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Tổng công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.</p> <p>6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.</p> <p>7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.</p>	<p>phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.</p> <p>5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Tổng công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Tổng công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Tổng công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Tổng công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.</p> <p>6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.</p> <p>7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.</p>	
47.	<p>XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN</p> <p>Điều 40. Tài khoản ngân hàng</p> <p>1. Tổng công ty mở tài khoản tại các ngân hàng</p>	<p>XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN</p> <p>Điều 45. Tài khoản ngân hàng</p>	



	<p>Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.</p> <p>2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Tổng công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.</p> <p>3. Tổng công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Tổng công ty mở tài khoản.</p>	<p>1. Tổng công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.</p> <p>2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Tổng công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.</p> <p>3. Tổng công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Tổng công ty mở tài khoản.</p>	
48.	<p>Điều 41. Năm tài chính</p> <p>Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày Tổng công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.</p>	<p>Điều 46. Năm tài chính</p> <p>Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày Tổng công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.</p>	
49.	<p>Điều 42. Chế độ kế toán</p> <p>1. Chế độ kế toán Tổng công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.</p> <p>2. Tổng công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Tổng công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Tổng công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Tổng công ty.</p> <p>3. Tổng công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị</p>	<p>Điều 47. Chế độ kế toán</p> <p>1. Chế độ kế toán Tổng công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.</p> <p>2. Tổng công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Tổng công</p>	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu TT95

	<p>tiền tệ dùng trong kế toán.</p>	<p>ty.</p> <p>3. Tổng công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán. Trường hợp Tổng công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.</p>	
<p>50.</p>	<p>XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG</p> <p>Điều 43. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý</p> <p>1. Tổng công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 45 Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.</p> <p>2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Tổng công ty trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Tổng công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.</p>	<p>XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG</p> <p>Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý</p> <p>1. Tổng công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 51 Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và Cơ quan đăng ký kinh doanh.</p> <p>2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Tổng công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Tổng công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.</p>	<p>Sửa đổi theo Điều lệ mẫu TT95</p>



	<p>3. Tổng công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của Tổng công ty phải được công bố trên website của Tổng công ty.</p> <p>5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và quý trong giờ làm việc của Tổng công ty, tại trụ sở chính của Tổng công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.</p>	<p>3. Tổng công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý của Tổng công ty phải được công bố trên website của Tổng công ty.</p> <p>5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc của Tổng công ty, tại trụ sở chính của Tổng công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.</p>	
51.	<p>Điều 44. Báo cáo thường niên</p> <p>Tổng công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	<p>Điều 49. Báo cáo thường niên</p> <p>Tổng công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	
52.	<p>XVI. KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY</p> <p>Điều 45. Kiểm toán</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một Tổng công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các Tổng công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Tổng công ty cho</p>	<p>XVI. KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY</p> <p>Điều 50. Kiểm toán</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Tổng công ty</p>	



	<p>năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Tổng công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho Tổng công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.</p> <p>2. Tổng công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Tổng công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Tổng công ty.</p> <p>4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Tổng công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.</p>	<p>cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Tổng công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.</p> <p>2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Tổng công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Tổng công ty.</p> <p>4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Tổng công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty.</p>	
53.	<p>XVII. CON DẤU</p> <p>Điều 46. Con dấu</p> <p>1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Tổng công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.</p> <p>2. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	<p>XVII. CON DẤU</p> <p>Điều 51. Con dấu</p> <p>1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Tổng công ty và con dấu được khắc theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.</p> <p>2. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu TT95
54.	<p>XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ</p>	<p>XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ</p>	Sửa đổi để phù hợp quy định

	<p>Điều 47. Chấm dứt hoạt động</p> <p>1. Tổng công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:</p> <p>a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Tổng công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;</p> <p>b. Toà án tuyên bố Tổng công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;</p> <p>c. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Việc giải thể Tổng công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.</p>	<p>Điều 52. Chấm dứt hoạt động</p> <p>1. Tổng công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:</p> <p>a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Tổng công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;</p> <p>c. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;</p> <p>e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Việc giải thể Tổng công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.</p>	<p>pháp luật</p>
<p>55.</p>	<p>Điều 48. Gia hạn hoạt động</p> <p>1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Tổng công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p>	<p>Điều 53. Gia hạn hoạt động</p> <p>1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Tổng công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết dự họp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p>	



56.

Điều 49. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Tổng công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Tổng công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một Tổng công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Tổng công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Tổng công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Tổng công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Tổng công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Tổng công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
- c. Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;
- d. Các khoản vay (nếu có);
- đ. Các khoản nợ khác của Tổng công ty;
- e. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các

Điều 54. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Tổng công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Tổng công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Tổng công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Tổng công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Tổng công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Tổng công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Tổng công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c. Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;
- d. Các khoản nợ khác của Tổng công ty;

	<p>khoản nợ từ Khoản a đến đ trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.</p>	<p>e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.</p>	
57.	<p>XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ</p> <p>Điều 50. Giải quyết tranh chấp nội bộ</p> <p>1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Tổng công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:</p> <p>a. Cổ đông với Tổng công ty;</p> <p>b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay cán bộ quản lý cao cấp,</p> <p>Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.</p> <p>2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải</p>	<p>XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ</p> <p>Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ</p> <p>1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Tổng công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ Tổng công ty, các quy định giữa:</p> <p>a. Cổ đông với Tổng công ty;</p> <p>b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người quản lý khác;</p> <p>Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.</p>	<p>Sửa đổi để phù hợp quy định pháp luật</p>



	<p>trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.</p> <p>3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Toà án.</p>	<p>2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.</p> <p>3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Toà án.</p>	
58.	<p>XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ</p> <p>Điều 51. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ</p> <p>1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.</p> <p>2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tổng công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Tổng công ty.</p>	<p>XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ</p> <p>Điều 56. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ</p> <p>1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.</p> <p>2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tổng công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Tổng công ty.</p>	
59.	<p>XXI. NGÀY HIỆU LỰC</p> <p>Điều 52. Ngày hiệu lực</p> <p>1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 52 điều được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật dầu khí Việt Nam nhất trí thông qua ngày 19 tháng 4 năm 2014 tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2014 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</p>	<p>XXI. NGÀY HIỆU LỰC</p> <p>Điều 57. Ngày hiệu lực</p> <p>1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 57 điều được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam nhất trí thông qua ngày tháng năm <u>2018</u> tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</p>	

	<p>2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương. b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố. c. Bốn (04) bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Tổng công ty. <p>3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Tổng công ty.</p> <p>4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Tổng công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương. b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố. c. Bốn (04) bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Tổng công ty. <p>3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Tổng công ty.</p> <p>4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Tổng công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p>
--	--	--

DỰ THẢO

QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ
CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
(Ban hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ngày... tháng 4 năm 2018)



MỤC LỤC

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG	4
Điều 1. Mục đích và phạm vi áp dụng.....	4
Điều 2. Giải thích thuật ngữ.....	4
CHƯƠNG II: CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	5
Điều 3. Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên.....	5
Điều 4. Cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường.....	5
Điều 5. Trình tự tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ.....	5
Điều 6. Thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	9
CHƯƠNG III: BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN	10
Điều 7. Tiêu chuẩn của thành viên HĐQT, KSV	10
Điều 8. Đề cử ứng viên để bầu	10
Điều 9. Công bố danh sách ứng viên	11
Điều 10. Cách thức bầu cử.....	11
Điều 11. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, KSV.....	12
Điều 12. Bầu Chủ tịch HĐQT và Trưởng Ban Kiểm soát.....	13
Điều 13. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, KSV	14
CHƯƠNG IV: BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC CỦA TỔNG CÔNG TY	14
Điều 14. Tiêu chuẩn lựa chọn bổ nhiệm	14
Điều 15. Bổ nhiệm	14
Điều 16. Ký hợp đồng lao động với TGD và người quản lý khác	14
Điều 17. Miễn nhiệm, bãi nhiệm	14
Điều 18. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty.....	15
Điều 19. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm	15
CHƯƠNG V: CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	15
Điều 20. Cuộc họp thường kỳ.....	15
Điều 21. Cuộc họp khác của HĐQT	18
Điều 22. Thông qua Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	18
CHƯƠNG VI: THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	19

Điều 23. Các Tiểu ban trực thuộc HĐQT	19
Điều 24. Cơ cấu, cơ chế hoạt động và trình tự thành lập các Tiểu ban.....	19
CHƯƠNG VII: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC.....	20
Điều 25. Trao đổi thông tin.....	20
Điều 26. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa HĐQT, BKS và TGD.	20
CHƯƠNG VIII: ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC CỦA TỔNG CÔNG TY.	22
Điều 27. Đánh giá hoạt động hàng năm	22
Điều 28. Khen thưởng, kỷ luật.....	23
CHƯƠNG IX. HIỆU LỰC THI HÀNH	23
Điều 29. Hiệu lực thi hành.....	23

1180
 :ÔNG
 'HẮN
 KỶ TH
 I KHÍ
 NAN
 HỒ C

Căn cứ pháp lý:

Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật doanh nghiệp;

Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006, Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật chứng khoán suýt Chứng khoán được Quốc hội thông qua ngày 24/11/2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;

Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ngày

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích và phạm vi áp dụng

1. Quy chế Quản trị nội bộ Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi là “Quy chế”) được xây dựng dựa theo các quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ban hành ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Điều lệ Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam.

2. Quy chế này quy định chi tiết thủ tục, trình tự và biểu mẫu thực hiện một số nội dung liên quan đến công tác quản trị Tổng công ty nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập mối liên hệ trong hoạt động giữa các thành viên Hội đồng quản trị, Ban TGD, Ban Kiểm soát và người quản lý khác của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam.

3. Quy chế này áp dụng trong phạm vi Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam. Khuyến khích các Đơn vị thành viên có vốn góp của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam là Công ty đại chúng áp dụng các quy định phù hợp của Quy chế này.

4. Quy chế này áp dụng đối với Cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban TGD, người quản lý khác của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam.

5. Các vấn đề không được quy định trong Quy chế này được thực hiện theo các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ khác của Tổng công ty. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo thiết lập hệ thống các quy định nội bộ khác để quản trị an toàn, hiệu quả Tổng công ty và phù hợp quy định hiện hành.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. Các thuật ngữ đã được định nghĩa tại Điều lệ của Tổng công ty thì mặc nhiên được hiểu và áp dụng tương tự trong Quy chế này. Các thuật ngữ được định nghĩa và từ viết tắt dưới đây được hiểu như sau:



- “**Tổng công ty**” là Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam.
 - “**Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ)**” là cơ quan quyền lực cao nhất của Tổng công ty và sẽ không bị giới hạn hoặc bị ảnh hưởng bởi các quyền của HĐQT theo Điều lệ Tổng công ty và thực hiện tất cả các quyền hạn của Tổng công ty.
 - “**Hội đồng quản trị (HĐQT)**” là cơ quan quản lý Tổng công ty gồm các Thành viên được bầu bởi ĐHĐCĐ, có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Tổng công ty trừ những thẩm quyền thuộc về ĐHĐCĐ, điều hành doanh nghiệp và chịu trách nhiệm quản lý Tổng công ty vì các quyền lợi tốt nhất cho tất cả các Cổ đông.
 - “**Ban Kiểm soát (BKS)**” là cơ quan chịu trách nhiệm giám sát việc quản lý và điều hành Tổng công ty, gồm các Thành viên được bầu bởi ĐHĐCĐ.
 - “**Người quản lý Tổng công ty**” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác được Hội đồng quản trị phê chuẩn.
 - “**KSV**” là Kiểm soát viên.
 - “**VSD**” là Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.
2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

CHƯƠNG II: CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên

1. ĐHĐCĐ họp thường niên mỗi năm một (01) lần và không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. ĐHĐCĐ phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
3. Theo quyết định của HĐQT, Tổng công ty có thể gia hạn thời gian tổ chức ĐHĐCĐ quy định tại khoản 2 Điều này nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Việc gia hạn này chỉ có hiệu lực khi được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận theo quy định.

Điều 4. Cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường

Cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường có thể được triệu tập trong các trường hợp theo quy định tại Điều 14.3, Điều lệ Tổng công ty.

Điều 5. Trình tự tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ

Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên và bất thường được tổ chức phải tuân thủ trình tự như sau:

1. Lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ.



a. Người triệu tập ĐHĐCĐ phải thực hiện lập danh sách các Cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội. Việc lập danh sách phải được tiến hành theo thủ tục được quy định bởi VSD.

b. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ căn cứ trên dữ liệu Cổ đông của Tổng công ty do VSD cung cấp. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không sớm hơn (mười) 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp ĐHĐCĐ trừ trường hợp khác theo quyết định của HĐQT đảm bảo thời gian phù hợp với kế hoạch tổ chức cuộc họp tạo thuận lợi để các Cổ đông tham gia.

c. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký Cổ đông của từng Cổ đông trừ trường hợp biểu mẫu khác do VSD quy định.

d. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách Cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách Cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ.

2. Thông báo họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các Cổ đông theo các hình thức sau:

a. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm.

b. Đăng thông tin trên phương tiện công bố:

- Ủy ban chứng khoán nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán nơi niêm yết cổ phiếu của Tổng công ty;
- Trang thông tin điện tử (Website) của Tổng công ty;
- Tờ báo trung ương hoặc địa phương nơi Tổng công ty đóng trụ sở chính ít nhất là hai (02) số báo phát hành liên tiếp.

c. Trong mọi trường hợp ảnh hưởng đến việc gửi, nhận thông báo mời họp và các thông tin liên quan đến cuộc họp, thông tin đăng tải trên Trang thông tin (Website) của Tổng công ty được xem là có thể thay thế hợp lệ cho các phương thức gửi, nhận quy định tại điểm a, b Khoản này.

3. Thông báo họp ĐHĐCĐ phải được gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày diễn ra cuộc họp ĐHĐCĐ kèm theo Chương trình họp ĐHĐCĐ và phải bao gồm đầy đủ các thông tin, tài liệu để hướng dẫn Cổ đông cách thức tham dự cuộc họp. Các thông tin bao gồm:

- Tên và địa chỉ Tổng công ty;
- Số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Tổng công ty;
- Thời gian và địa điểm họp;

- Tên, địa chỉ thường trú của Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông;
- Ngày đăng ký cuối cùng;
- Chương trình nghị sự;
- Mẫu Giấy ủy quyền tham dự và biểu quyết;
- Thông tin về thời gian và địa điểm mà Cổ đông có thể nhận được tài liệu họp;
- Thủ tục để nhận các thông tin cơ bản;
- Thời gian bắt đầu đăng ký dự họp;
- Địa điểm đăng ký dự họp;
- Người được Tổng công ty cử ra để tiếp nhận các thông báo của Cổ đông.

4. Đề nghị bổ sung nội dung vào chương trình cuộc họp

Theo khoản 2 Điều 138 của Luật doanh nghiệp, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật doanh nghiệp có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến địa chỉ tiếp nhận đã được Tổng công ty công bố chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Văn bản kiến nghị như **Biểu mẫu 01**.

5. Đăng ký và tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ

Cổ đông đăng ký tham dự cuộc họp theo các hình thức sau:

a. Trường hợp Cổ đông, người được ủy quyền của Cổ đông tham gia họp và biểu quyết trực tiếp: đăng ký tại địa điểm họp theo thời gian ấn định trong chương trình đã công bố.

Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ thực hiện theo mẫu quy định tại khoản 3 Điều 5 Quy chế này. Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

b. Trường hợp Cổ đông không trực tiếp tham dự họp và gửi phiếu biểu quyết: Ban tổ chức thực hiện việc đăng ký vào danh sách tham dự sau khi kiểm tra, xác thực các thông tin, tài liệu nhận được. Việc đăng ký tham dự trong trường hợp này chỉ áp dụng đối với cổ đông gửi Phiếu biểu quyết đến và Tổng công ty nhận được trước thời điểm tiến hành biểu quyết theo chương trình cuộc họp đã công bố.

6. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo Quy chế cuộc họp;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

7. Biểu quyết:

a. Cách thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ được quy định chi tiết tại Quy chế cuộc họp và Thẻ lệ biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

b. ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách đánh dấu vào Phiếu biểu quyết do Tổng công ty phát hành.

8. Kiểm phiếu

a. Ban kiểm phiếu cuộc họp: tùy vào số lượng nội dung biểu quyết theo chương trình cuộc họp, ĐHĐCĐ sẽ thông qua số lượng và danh sách nhân sự Ban kiểm phiếu và/hoặc những người chịu trách nhiệm giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm tổng hợp kết quả kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu.

b. Việc kiểm phiếu chỉ được bắt đầu sau khi có tuyên bố của Chủ tọa cuộc họp và đã thu hết phiếu biểu quyết của tất cả các Cổ đông tham dự có quyền biểu quyết.

9. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Biên bản kiểm phiếu được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố trước khi bế mạc cuộc họp ĐHĐCĐ. Kết quả kiểm phiếu bao gồm tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, đồng ý, không đồng ý và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông dự họp.

10. Biên bản họp ĐHĐCĐ

a. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu theo yêu cầu của Điều lệ.

b. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

c. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải hoàn tất và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

d. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung Biên bản.

e. Biên bản họp ĐHĐCĐ, Phụ lục danh sách Cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

11. Nghị quyết ĐHĐCĐ

Nghị quyết ĐHĐCĐ phải thể hiện đầy đủ từng nội dung đã được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua và phải được trình bày toàn văn tại cuộc họp.

Trường hợp không đồng ý với Nghị quyết về việc tổ chức lại Tổng công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Tổng công ty, cổ đông được quyền thực hiện nội dung phản đối theo quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp.

12. Công bố thông tin kết quả cuộc họp ĐHĐCĐ

Kết quả cùng với Biên bản, Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được công bố trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ thời điểm kết thúc cuộc họp trên các phương tiện công bố theo quy định của pháp luật chứng khoán đối với Công ty đại chúng niêm yết.



Việc công bố thông tin theo quy định của Điều này được hiểu là Tổng công ty đã gửi Biên bản cuộc họp và Nghị quyết đến tất cả các Cổ đông theo quy định hiện hành.

Điều 6. Thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. HĐQT có quyền lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua tất cả các quyết định của ĐHĐCĐ bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty.

a. Trình tự lập danh sách Cổ đông có quyền biểu quyết thông qua Nghị quyết bằng hình thức quy định tại Điều này áp dụng tương tự việc lập danh sách Cổ đông tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ.

b. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết (nếu có). Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo Nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng Cổ đông. HĐQT phải đảm bảo việc gửi, công bố tài liệu cho các Cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.

c. Nội dung và hình thức của Phiếu lấy ý kiến phải tuân thủ khoản 3 Điều 22 Điều lệ Tổng công ty.

2. Trả lời Phiếu lấy ý kiến:

a. Phiếu lấy ý kiến đã trả lời phải có chữ ký của Cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông là tổ chức và được gửi về Tổng công ty theo một trong các hình thức sau đây:

- Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã trả lời phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến đã trả lời gửi về Tổng công ty qua fax hoặc thư điện tử đến địa chỉ chính thức được chỉ định tiếp nhận đã được Tổng công ty công bố.

b. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ.

c. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được xem là phiếu không tham gia biểu quyết.

d. Tổng công ty chịu trách nhiệm tiếp nhận và bảo mật thông tin Phiếu biểu quyết theo quy định hiện hành.

3. Kiểm phiếu biểu quyết:

a. HĐQT tổ chức kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của BKS hoặc của Cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tổng công ty.

b. Người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

4. Công bố kết quả kiểm phiếu:

Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên Website của Tổng công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ thời điểm hoàn thành việc kiểm phiếu trả lời cuối cùng. Cách thức công bố áp dụng theo quy định như trường hợp công bố kết quả cuộc họp trực tiếp.

5. Hiệu lực: Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản có giá trị như Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCD.

6. Lưu trữ tài liệu: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo Phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại Trụ sở chính của Tổng công ty.

CHƯƠNG III: BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 7. Tiêu chuẩn của thành viên HĐQT, KSV

1. Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 151 Luật doanh nghiệp và các quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

2. KSV phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp và các quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

Điều 8. Đề cử ứng viên để bầu

1. Ứng viên do Cổ đông đề cử

a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng tính đến thời điểm lập danh sách Cổ đông thực hiện quyền, có quyền đề cử ứng viên bầu làm Thành viên HĐQT, KSV. Số lượng ứng viên đề cử theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ Tổng công ty.

b. Hồ sơ ứng viên đề cử

- Văn bản đề cử ứng viên của Cổ đông gửi đến Tổng công ty như **Biểu mẫu 02**;
- Lý lịch (CV) ứng viên như **Biểu mẫu 03**;
- Giấy tờ nhân thân chứng thực hợp lệ của ứng viên, của Cổ đông giới thiệu theo quy định.

c. Cách thức gửi Hồ sơ giới thiệu ứng viên: Hồ sơ giới thiệu ứng viên gửi đến trụ sở Tổng công ty trực tiếp, theo đường bưu điện hoặc địa chỉ email, fax đã được chính thức công bố. Việc gửi hồ sơ phải đảm bảo về thời gian theo các quy định hiện hành.

2. Ứng viên do HĐQT, BKS đề cử

Trường hợp ứng viên HĐQT, BKS thông qua đề cử quy định tại khoản 1 Điều này mà không đủ số lượng cần thiết theo quy định, HĐQT, BKS đương nhiệm tổ chức đề cử thêm ứng viên theo trình tự như sau:

a. Các Thành viên HĐQT, KSV có quyền giới thiệu nhân sự để chọn làm ứng viên thành viên HĐQT, KSV. Trên cơ sở danh sách nhân sự được giới thiệu đủ các tiêu



chuẩn được quy định tại Điều 151, 164 Luật doanh nghiệp và các quy định tại Điều lệ Tổng công ty, HĐQT, BKS tổ chức bỏ phiếu để lựa chọn nhân sự được xác định theo số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số lượng ứng viên giới thiệu cho đợt bầu cử. Trường hợp có từ 02 nhân sự trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho vị trí ứng viên cuối cùng thì phiếu bầu của Chủ tịch HĐQT và Trưởng BKS là phiếu quyết định.

b. Căn cứ vào kết quả lựa chọn nhân sự tại điểm a Khoản này, HĐQT, BKS ban hành Nghị quyết phê chuẩn danh sách ứng viên được giới thiệu để ĐHĐCĐ bầu làm thành viên HĐQT, KSV.

3. Ứng viên do cổ Chủ đông khác đề cử

Trường hợp ứng viên HĐQT, BKS thông qua đề cử quy định tại khoản 1, 2 Điều này mà không đủ số lượng cần thiết theo quy định, quyền giới thiệu ứng viên còn lại thuộc về các Cổ đông khác theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 114 Luật doanh nghiệp.

4. Người đề cử, ứng viên phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước ĐHĐCĐ về tính chính xác, trung thực về nội dung thông tin trong hồ sơ theo quy định; chịu trách nhiệm đảm bảo rằng việc gửi hồ sơ giới thiệu đến đúng địa chỉ.

Danh sách ứng viên phải gửi đến Tổng công ty không muộn hơn hai mươi bốn (24) giờ trước thời điểm khai mạc ĐHĐCĐ thực hiện nội dung bầu hoặc thời điểm bắt đầu thủ tục lấy ý kiến bằng văn bản để bầu Thành viên HĐQT, KSV. Tổng công ty không giải quyết bất cứ khiếu nại nào của người giới thiệu và bên thứ ba liên quan đến vấn đề lưu chuyển trước khi hồ sơ đến Tổng công ty.

Điều 9. Công bố danh sách ứng viên

1. Danh sách ứng viên được lập và công bố trên Trang thông tin (Website) của Tổng công ty trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ thời điểm cuối cùng hoàn thành việc đề cử theo chương trình đã được thông báo của mỗi đợt bầu cử.

2. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT, KSV được công bố tối thiểu bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ các chức vụ quản lý;
- e. Các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty (nếu có);
- f. Các thông tin khác (nếu có).

Điều 10. Cách thức bầu cử

1. Việc bầu thành viên HĐQT, KSV phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Theo đó mỗi Cổ đông có tổng số biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân (X) với số thành viên HĐQT, KSV được bầu, và Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu của mình cho một hoặc một số hoặc phân bố đồng đều cho tất cả ứng viên.

619
ING C
CỔ P
VỤ K
ẤU I
ỆT N
HỒ

2. Phiếu bầu do Ban tổ chức in sẵn, có danh sách các ứng viên, sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt, có ghi số cổ phần của Cổ đông sở hữu, có đóng dấu Tổng công ty.

Phiếu bầu cử không hợp lệ là phiếu thuộc một trong những trường hợp sau:

- a. Phiếu không phải của Ban tổ chức phát hành;
- b. Tổng số Phiếu sau khi bầu lớn hơn số lượng phiếu mình sở hữu;
- c. Phiếu bầu có tên những người ngoài danh sách đã được Tổng công ty công bố trước đợt bầu cử;
- d. Phiếu có tẩy xóa, sửa chữa nội dung;
- e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hoặc quyết định của ĐHĐCĐ tại mỗi lần bầu cử.

3. Cổ đông có quyền bầu cho chính mình nếu họ có tên trong danh sách ứng cử viên ghi trong phiếu bầu cử.

4. Cách thức xác định kết quả bầu:

a. Căn cứ vào số lượng Thành viên HĐQT hoặc KSV cần bầu tại mỗi đợt bầu cử và đảm bảo số Thành viên HĐQT hoặc KSV theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Người trúng cử Thành viên HĐQT hoặc KSV được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số Thành viên HĐQT hoặc KSV quy định tại Điều lệ công ty.

b. Trong trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho vị trí thành viên HĐQT hoặc KSV cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau. Phương thức và cách xác định kết quả như bầu lần đầu quy định tại Điều này. Nếu sau khi bầu lại vẫn không xác định được ứng viên cuối cùng, việc bầu bổ sung Thành viên HĐQT hoặc KSV sẽ xem xét tại cuộc họp tiếp theo của ĐHĐCĐ.

Điều 11. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, KSV

1. Thành viên HĐQT, KSV bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không đủ tư cách làm Thành viên HĐQT, KSV theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị pháp luật cấm không được làm Thành viên HĐQT, KSV.

b. Có đơn từ chức bằng văn bản gửi đến Trụ sở chính của Tổng công ty.

c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên HĐQT, KSV khác có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi.

d. Không tham dự các cuộc họp của HĐQT, BKS trong sáu (06) tháng liên tục mà không có sự chấp thuận và HĐQT, BKS quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống.

e. Bị bãi nhiệm theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các quy định khác tại Điều lệ Tổng công ty.

2. Trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản 1 Điều này, HĐQT, BKS phải báo cáo việc miễn nhiệm, bãi nhiệm nêu tại khoản 1 Điều này cho ĐHĐCĐ tại cuộc họp gần nhất.

Điều 12. Bầu Chủ tịch HĐQT và Trưởng Ban Kiểm soát

1. Tổng công ty thực hiện bầu Chủ tịch HĐQT và Trưởng BKS khi vị trí này trống trong các trường hợp sau:

- a. Hết nhiệm kỳ;
- b. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và các trường hợp khác theo quy định.

2. Trình tự thực hiện:

a. Lựa chọn ứng viên để bầu:

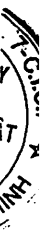
- HĐQT, BKS lựa chọn trong số các Thành viên để bầu Chủ tịch HĐQT, Trưởng BKS theo hình thức đề cử hoặc tự ứng cử.
- Ứng cử viên để bầu phải đảm bảo các điều kiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định về công tác nhân sự liên quan đối với từng chức danh.

b. Tổ chức phiên họp bầu cử:

- Triệu tập và điều hành phiên họp bầu cử: Người được chọn làm Người triệu tập và điều hành phiên họp bầu cử được xác định theo nguyên tắc sau:

Trường hợp toàn bộ HĐQT, BKS cùng hết nhiệm kỳ theo khoản 3 Điều 150 và khoản 3 Điều 163 Luật doanh nghiệp thì HĐQT, BKS mới thực hiện nhóm họp để bầu Chủ tịch HĐQT và Trưởng BKS trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT, BKS nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do Thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) Thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp HĐQT theo nguyên tắc đa số. Trường hợp còn lại, Thành viên HĐQT, KSV là Người đại diện theo ủy quyền hoặc được giới thiệu bởi Cổ đông sở hữu số cổ phần nhiều nhất (tính theo Danh sách lập cổ đông lập tại thời điểm gần nhất) là người triệu tập và điều hành phiên bầu cử. Trong trường hợp có hơn một Thành viên theo quy định tại Mục này, các Thành viên phải tự thỏa thuận để chọn ra một người triệu tập và điều hành phiên bầu cử.

- Mỗi Thành viên có một phiếu bầu. Thành viên được chọn làm ứng viên có quyền tự bỏ phiếu bầu cho mình.
- Kết quả bầu cử được xác định theo nguyên tắc quá bán trong trường hợp chỉ có một ứng viên. Trường hợp có từ hai ứng viên trở lên thì lựa chọn ứng viên đạt số phiếu bầu cao nhất.
- Biên bản phiên bầu cử được lập theo quy định và kết quả bầu cử có hiệu lực ngay khi Biên bản này có đầy đủ chữ ký của các Thành viên bỏ phiếu bầu cho Người trúng cử trừ khi có quy định khác về việc cần được chuẩn y kết quả bầu cử bởi cơ quan có thẩm quyền.
- Nghị quyết thông qua kết quả bầu được ký và ban hành bởi Chủ tịch HĐQT, Trưởng BKS nhiệm kỳ mới.
- Việc công bố thông tin về kết quả bầu cử theo quy định tại Điều 14 Quy chế



này.

Điều 13. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, KSV

Kết quả và các quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, KSV phải công bố thông tin đến Cổ đông, các bên liên quan trên các phương tiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán đối với Công ty đại chúng niêm yết.

**CHƯƠNG IV: BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ
NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC CỦA TỔNG CÔNG TY**

Điều 14. Tiêu chuẩn lựa chọn bổ nhiệm

Tổng Giám đốc (TGD) và người quản lý khác phải có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các tiêu chuẩn sau:

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;
2. Trình độ học vấn, chuyên môn phù hợp vị trí đảm nhiệm;
3. Có đạo đức nghề nghiệp, trung thực, nhiệt tình và có uy tín;
4. Nắm vững nghiệp vụ, chuyên môn lĩnh vực phụ trách;
5. Có năng lực quản trị;
6. Các yêu cầu riêng cụ thể cho từng vị trí theo quy định tại quy chế quản lý nội bộ ban hành đối với tiêu chuẩn của cán bộ quản lý

Điều 15. Bổ nhiệm

1. Bổ nhiệm TGD:
 - a. HĐQT bổ nhiệm một Thành viên trong HĐQT hoặc một người khác làm TGD.
 - b. Hồ sơ và trình tự bổ nhiệm TGD theo quy định liên quan về công tác nhân sự của pháp luật, Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty.
2. Bổ nhiệm/ phê chuẩn người quản lý khác: do HĐQT bổ nhiệm/ phê chuẩn theo đề xuất của TGD và các quy định tại quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty. Hồ sơ và trình tự bổ nhiệm thực hiện tương tự tại điểm b Khoản 1 Điều này.

Điều 16. Ký hợp đồng lao động với TGD và người quản lý khác

1. Khi có quyết định bổ nhiệm, hợp đồng lao động với TGD được ký kết bởi Chủ tịch HĐQT sau khi được HĐQT thông qua.
2. TGD ký hợp đồng lao động với người quản lý khác thuộc thẩm quyền của mình theo các quy định hiện hành.
3. Nội dung hợp đồng lao động phải ghi rõ nguyên tắc trả thù lao, mức thu nhập, các quyền lợi được hưởng, trách nhiệm và quyền hạn. Nội dung của hợp đồng lao động phải tuân thủ các quy định của pháp luật lao động và các quy định liên quan.

Điều 17. Miễn nhiệm, bãi nhiệm

1. Miễn nhiệm, bãi nhiệm TGD:

HĐQT có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm TGD khi đa số (trên 50%) Thành viên HĐQT tán thành và bổ nhiệm một TGD mới thay thế.

a. TGD có thể được HĐQT miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển nhân sự của Tổng công ty;
- Do sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;
- Theo đề nghị từ chức của TGD;
- Và các trường hợp khác mà pháp luật cho phép.

b. TGD có thể bị HĐQT bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của Tổng công ty;
- Vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chưa đến mức buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động;
- Và những trường hợp khác mà pháp luật cho phép.

2. Miễn nhiệm, bãi nhiệm chức vụ quản lý khác do HĐQT quyết định theo đề xuất của Tổng Giám đốc và các quy định tại quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty.

3. Trình tự thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty.

Điều 18. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty

1. HĐQT của Tổng công ty bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị Tổng công ty theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017.

2. Điều kiện bổ nhiệm, miễn nhiệm, tiêu chuẩn, quyền lợi và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Tổng công ty được quy định cụ thể tại Điều 32 Điều lệ Tổng công ty.

Điều 19. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm

Quyết định bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm các đối tượng quy định tại Chương này được công bố theo quy định tại Điều 14 của Quy chế này.

CHƯƠNG V: CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Cuộc họp thường kỳ

1. HĐQT tổ chức cuộc họp thường kỳ mỗi quý một (01) lần do Chủ tịch HĐQT triệu tập. Thời gian và địa điểm do Chủ tịch HĐQT ấn định, tuy nhiên không được muộn hơn ngày 25 của tháng đầu tiên mỗi quý. Cuộc họp thường kỳ không được tổ chức theo phương thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Cuộc họp thường kỳ của HĐQT xem xét các vấn đề thuộc thẩm quyền, bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung sau:

a. Tình hình hoạt động, kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch của quý tiếp theo của Tổng công ty;

b. Tình hình tài chính và việc thực hiện kế hoạch tài chính của những tháng tiếp theo;

c. Báo cáo kết quả, đánh giá việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT; các kết luận của cơ quan có thẩm quyền;

d. Các nội dung khác thuộc thẩm quyền.

3. Trình tự tổ chức cuộc họp thường kỳ

a. Chuẩn bị nội dung cuộc họp:

- Chủ tịch HĐQT chỉ đạo chuẩn bị đầy đủ các tài liệu quy định tại khoản 2 Điều này.
- Ngoài các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này, các Thành viên HĐQT, TGD căn cứ tình hình thực tế của Tổng công ty đề nghị bổ sung nội dung cuộc họp như **Biểu mẫu 04**. Đề nghị bổ sung nội dung phải gửi đến HĐQT trong thời gian hai (02) ngày trước thời điểm cuộc họp diễn ra. Trường hợp nội dung đề xuất đưa vào cuộc họp để quyết nghị, người đề xuất nội dung phải gửi kèm theo văn bản đề xuất và các thông tin, tài liệu liên quan (nếu có).

b. Thông báo mời họp:

- Thông báo mời họp phải được gửi đến cho các Thành viên HĐQT và những thành viên được mời tham dự ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp dự kiến.
- Thông báo mời họp phải kèm chương trình nghị sự, thông tin liên quan đến nội dung thảo luận, thời gian và địa điểm tổ chức cuộc họp thường kỳ.
- Ban Thư ký chịu trách nhiệm đảm bảo các thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung cuộc họp được gửi đầy đủ, đúng hạn và đồng thời đến các Thành viên HĐQT và các bên liên quan theo quy định.

c. Điều kiện tiến hành cuộc họp:

- Cuộc họp thường kỳ chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) tham dự.
- Theo chấp thuận của chủ tọa cuộc họp, hoặc thông tin đã được thể hiện trong thông báo mời họp, Thành viên có thể được coi là tham dự cuộc họp khi tham dự bằng hình thức trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác. Cuộc họp này chỉ được thực hiện khi đảm bảo các điều kiện theo quy định tại khoản 9 Điều 30 Điều lệ Tổng công ty.
- Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số Thành viên HĐQT dự họp.

d. Thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp:

- Thành viên HĐQT có quyền thảo luận, nêu quan điểm của mình về các nội

3/10
CỔ
VỤ
XẤU
ỆT
HC

dung của Chương trình họp và phải chịu trách nhiệm cá nhân về những ý kiến nhận xét, đánh giá, phát biểu, biểu quyết của mình.

- Các Thành viên HĐQT có quyền bảo lưu ý kiến của mình và yêu cầu ý kiến bảo lưu đó được ghi trong biên bản cuộc họp của HĐQT.
- Để đảm bảo thông tin làm căn cứ biểu quyết, theo đề xuất của Thành viên HĐQT hoặc lý do khác xét thấy cần thiết, Chủ tịch HĐQT có thể mời các bên liên quan không phải Thành viên HĐQT tham dự cuộc họp và trình bày các ý kiến khi được yêu cầu. Chi phí mời tham dự cuộc họp quy định tại Khoản này được chi trả theo quy định.
- HĐQT thông qua các nghị quyết bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hay ủy quyền (trên 50%). Nếu số phiếu tán thành và phản đối bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT. Mỗi Thành viên HĐQT trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân hoặc người được ủy quyền họp lệ đại diện cho thành viên đó tại cuộc họp HĐQT sẽ có một phiếu biểu quyết, có giá trị ngang nhau.
- Các Thành viên và người được ủy quyền tham dự họp tự chịu trách nhiệm xác định và công bố sự liên quan lợi ích của Thành viên đối với các vấn đề tham gia biểu quyết để từ bỏ hay tiếp tục thực hiện biểu quyết. Kết quả biểu quyết không bị giới hạn hiệu lực vì sự liên quan lợi ích phát hiện sau khi nghị quyết ban hành. Các hậu quả phát sinh (nếu có) do việc không từ chối quyền biểu quyết quy định tại Mục này đối với Tổng công ty, bên thứ ba do Thành viên liên quan chịu trách nhiệm bồi thường theo quy định.
- Tùy trường hợp cụ thể, theo sự thống nhất của HĐQT, các nghị quyết của HĐQT có thể được biểu quyết thông qua dưới hình thức bỏ phiếu hoặc giơ tay ngay tại cuộc họp HĐQT.

e. Biên bản cuộc họp:

- Nội dung các cuộc họp của HĐQT phải được Ban Thư ký Tổng công ty ghi chép trung thực và đầy đủ trong Biên bản cuộc họp của HĐQT như **Biểu mẫu 05**. Biên bản cuộc họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt và phải có đủ họ tên, chữ ký của tất cả các thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền tham dự cuộc họp.
- Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm chỉ đạo chuyển biên bản họp cho các Thành viên HĐQT ký và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp. Biên bản và các tài liệu liên quan của cuộc họp được lưu chuyển đến các Thành viên HĐQT, KSV, TGD và lưu trữ theo quy định.

f. Nghị quyết cuộc họp:

- Chủ tịch HĐQT hoặc Người được ủy quyền sẽ thay mặt HĐQT ban hành các quyết nghị dưới hình thức văn bản (nghị quyết, quyết định) đảm bảo thể thức theo quy định. Nghị quyết của HĐQT được ban hành phải phản ánh chính xác và đầy đủ các nội dung được quyết nghị tại cuộc họp và ghi nhận

tại Biên bản cuộc họp. Các nội dung đã được quyết nghị trong cuộc họp có thể được ban hành chung trong một nghị quyết hoặc tách riêng thành những nghị quyết khác nhau.

- Các quyết nghị sau khi đã được ban hành phải được công bố, lưu chuyển đến các bên liên quan và lưu trữ theo quy định cũng như đảm bảo tính thực thi đầy đủ, kịp thời.

Điều 21. Cuộc họp khác của HĐQT

1. Ngoài cuộc họp thường kỳ quy định tại Điều 21 Quy chế này, Chủ tịch HĐQT tổ chức các cuộc họp khác của HĐQT bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty và phải tổ chức họp HĐQT mà không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản như **Biểu mẫu 06**:

- a. TGD;
- b. Ít nhất hai phần ba (2/3) cán bộ quản lý là các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng;
- c. Ít nhất hai (02) Thành viên HĐQT;
- d. BKS;
- e. Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty.

2. Chủ tịch HĐQT tổ chức cuộc họp theo trình tự và thủ tục như đối với cuộc họp quy định tại Điều 21 Quy chế này trong vòng bảy (07) ngày làm việc.

3. Trường hợp Chủ tịch HĐQT từ chối tổ chức cuộc họp được yêu cầu bởi các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này với các lý do được cho là không phù hợp, những người đề nghị tổ chức cuộc họp có thể tự mình triệu tập họp HĐQT. Trình tự và các điều kiện tổ chức cuộc họp áp dụng theo quy định tại Điều 21 Quy chế này.

Điều 22. Thông qua Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Đối với các vấn đề mà Chủ tịch HĐQT thấy không nhất thiết phải triệu tập cuộc họp HĐQT, Chủ tịch HĐQT có thể tổ chức lấy ý kiến các Thành viên HĐQT bằng văn bản để quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền.

2. Phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết và tài liệu liên quan và được chuyển đến từng Thành viên HĐQT. Các Thành viên HĐQT trả lời Phiếu lấy ý kiến trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày nhận được Phiếu lấy ý kiến. Thời hạn biểu quyết có thể được gia hạn theo yêu cầu của Thành viên HĐQT và được Chủ tịch HĐQT đồng ý.

3. Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Ban TGD, Bộ phận và cá nhân liên quan cung cấp thông tin, giải trình, làm rõ các vấn đề liên quan đến nội dung lấy ý kiến. Chủ tịch HĐQT xét thấy cần thiết, có thể tổ chức các phiên thảo luận có sự tham gia của các bên liên quan để làm rõ thông tin trước khi biểu quyết. Các ý kiến tại phiên thảo luận không có hiệu lực thay thế Phiếu biểu quyết đã được phát hành.

4. Các Thành viên HĐQT thực hiện biểu quyết bằng cách đánh dấu vào phiếu lấy ý kiến theo quy định.

5. Tổng hợp Phiếu lấy ý kiến và ban hành Nghị quyết:

a. Ban Thư ký chịu trách nhiệm nhận và kiểm Phiếu lấy ý kiến đã biểu quyết như **Biểu mẫu 07** Biên bản này phải được gửi đến tất cả các Thành viên HĐQT trong vòng một (01) ngày kể từ thời điểm hết hạn nhận Phiếu lấy ý kiến.

b. Một nội dung lấy ý kiến được xem là thông qua khi có đa số (trên 50%) Phiếu biểu quyết đồng ý.

c. Nghị quyết thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản như quy định tại Điều này có hiệu lực như các nghị quyết thông qua tại các cuộc họp khác của HĐQT.

d. Biên bản kiểm phiếu, nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được công bố, lưu chuyên, lưu trữ theo quy định.

CHƯƠNG VI: THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 23. Các Tiểu ban trực thuộc HĐQT

Khi xét thấy cần thiết, HĐQT thành lập các Tiểu ban trực thuộc sau khi được ĐHĐCĐ phê duyệt, bao gồm:

1. Tiểu ban chính sách phát triển;
2. Tiểu ban nhân sự;
3. Tiểu ban lương thưởng;
4. Các Tiểu ban khác.

Điều 24. Cơ cấu, cơ chế hoạt động và trình tự thành lập các Tiểu ban

1. Thành viên của Tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều Thành viên HĐQT và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của HĐQT. Các nhân sự tham gia Tiểu ban phải có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Tiểu ban được thành lập. Số lượng Thành viên của Tiểu ban, Người phụ trách Tiểu ban do HĐQT quyết định theo quy định Điều 31 Điều lệ.

2. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các Tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà HĐQT đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là Thành viên HĐQT vào các Tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách Thành viên của Tiểu ban nhưng:

a. Phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của Tiểu ban.

b. Nghị quyết của các Tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của Tiểu ban là Thành viên HĐQT.

CHƯƠNG VII: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 25. Trao đổi thông tin

Việc trao đổi thông tin HĐQT, BKS, TGD và Bộ máy điều hành phải đảm bảo tuân thủ quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ và các Quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty, bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung sau:

1. HĐQT bảo đảm rằng thông báo mời họp, Phiếu lấy ý kiến Thành viên HĐQT và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến Thành viên BKS cùng thời điểm và theo phương thức đối với Thành viên HĐQT.

2. HĐQT thông tin đến BKS, TGD về các cuộc họp quan trọng của HĐQT đề BKS và TGD bố trí tham dự. Chương trình, nội dung cuộc họp gửi đến BKS và TGD cùng thời gian gửi đến các Thành viên HĐQT.

3. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT được gửi đến BKS, đồng thời với thời điểm gửi TGD theo các quy định hiện hành.

4. TGD báo cáo HĐQT và gửi đến BKS các thông tin: tình hình sản xuất kinh doanh, kết quả thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ đạo của HĐQT trong các cuộc họp thường kỳ, cuộc họp khác cũng như cung cấp thông tin đầy đủ cho các Thành viên HĐQT khi có yêu cầu.

5. TGD chịu trách nhiệm tiếp nhận tất cả các thông tin từ Người đại diện theo ủy quyền của Tổng công ty tại các Đơn vị thành viên, trực thuộc và các bên liên quan, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền và báo cáo các vấn đề vượt thẩm quyền. Báo cáo phải nêu rõ quan điểm, đề xuất phương án xử lý cụ thể từng vấn đề để HĐQT quyết định.

6. TGD đảm bảo việc lưu chuyển thông tin theo quy định đến tất cả các Thành viên HĐQT và các bên liên quan kịp thời, đầy đủ.

Điều 26. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa HĐQT, BKS và TGD

1. Quan hệ phối hợp giữa HĐQT, TGD và BKS:

a. HĐQT, TGD tôn trọng quyền kiểm tra tính hợp lý và hợp pháp trong hoạt động quản lý của BKS, đồng thời tạo điều kiện để BKS tiến hành kiểm tra các hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của Tổng công ty.

b. HĐQT, TGD có trách nhiệm tiếp thu và có biện pháp chỉnh sửa các thiếu sót hoặc tồn tại trong công tác quản lý theo kết luận kiểm tra của BKS, đồng thời có trách nhiệm chỉ đạo những Người quản lý liên quan thực hiện các biện pháp cần thiết để xử lý các sai phạm (nếu có) và/hoặc khắc phục các thiếu sót trong công tác điều hành và trong ghi chép sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của Tổng công ty.

c. BKS thực hiện việc thẩm định và chịu trách nhiệm về tính đúng đắn của Báo cáo tài chính hàng năm của Tổng công ty, đồng thời định kỳ thông báo cho HĐQT, TGD về kế hoạch tiến hành cũng như kết quả thực hiện công tác kiểm tra kiểm soát đối với hoạt động quản lý, điều hành và tình hình ghi chép sổ sách kế toán và lập báo cáo tài chính của Tổng công ty.



d. BKS phải lập chương trình kế hoạch công tác định kỳ và thông báo cho HĐQT, TGD biết trước khi thực hiện.

e. BKS phối hợp với HĐQT, TGD trong việc quản lý vốn chủ sở hữu, quản lý phần vốn của Tổng công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác, với mục đích bảo toàn và phát triển vốn.

f. Việc kiểm tra của BKS không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, TGD, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

2. Quan hệ công tác giữa HĐQT với bộ máy điều hành của Tổng công ty

a. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Tổng công ty phải chịu sự chỉ đạo và giám sát của HĐQT. Trong phạm vi thẩm quyền, HĐQT có thể phân cấp, ủy quyền cho TGD hoặc Người quản lý Tổng công ty khác để thực hiện các nhiệm vụ phù hợp với quy định và thực tế hoạt động của Tổng công ty. Việc phân cấp, ủy quyền phải được thực hiện bằng văn bản với thể thức và trình tự theo quy định.

b. Khi có vấn đề phát sinh cần sự phê duyệt, chấp thuận của HĐQT, TGD trình HĐQT thông qua bằng văn bản. Văn bản trình HĐQT phải nêu rõ sự cần thiết, thẩm quyền quyết định; đánh giá rủi ro (nếu có); phương án đề xuất cụ thể để giải quyết vấn đề. Kèm theo văn bản trình phải có dự thảo nghị quyết của HĐQT về vấn đề đó. Trong trường hợp có quan điểm khác nhau giữa HĐQT và TGD về một vấn đề, Quyết nghị của HĐQT được ban hành là quyết định cuối cùng TGD phải tuân theo. TGD được quyền bảo lưu quan điểm và miễn trừ trách nhiệm đối với các hậu quả phát sinh (nếu có) liên quan đến quyết định nêu trên.

c. Trong mọi trường hợp, TGD là người chịu trách nhiệm trước HĐQT về các vấn đề của Tổng công ty theo nội dung đã được phân cấp, ủy quyền. HĐQT có thể tham dự các buổi họp giao ban hàng tháng của bộ máy điều hành Tổng công ty, các cuộc họp xét duyệt các dự án đầu tư, đề án hợp tác, ... do TGD Tổng công ty chủ trì trước khi trình HĐQT xem xét phê duyệt.

d. Những cuộc họp nội bộ do TGD chủ trì, có tính chất quan trọng như liên quan đến cơ chế, chính sách, hướng phát triển trung, dài hạn hoặc giải quyết những vướng mắc lớn của Tổng công ty thì TGD chủ động mời Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT tham dự.

e. Thành viên HĐQT có thể tham dự các cuộc họp xét duyệt các dự án đầu tư, các đề án hợp tác cũng như những cuộc họp khác của Tổng công ty hoặc có liên quan đến Tổng công ty do Người có thẩm quyền chủ trì, triệu tập. Thành viên HĐQT có quyền phát biểu ý kiến, đóng góp nhưng không kết luận nội dung cuộc họp. Việc tham gia các cuộc họp hoặc chương trình làm việc của các thành viên HĐQT sẽ do Ban Thư ký Tổng công ty thông báo tới Ban TGD.

f. HĐQT tham dự cuộc họp giao ban Tổng công ty định kỳ hàng tháng hoặc các cuộc họp chuẩn bị các nội dung trình HĐQT do TGD chủ trì. Chủ tịch HĐQT tham dự hoặc ủy quyền cho Thành viên HĐQT khác tham dự cuộc họp giao ban Cơ quan Tổng công ty.

g. Đối với các đề án lớn và quan trọng do Tổng công ty hoặc các Đơn vị thành viên triển khai thực hiện, Thành viên HĐQT được phân công phụ trách lĩnh vực, Đơn vị

đó có thể yêu cầu Ban TGD hoặc Người đại diện của Tổng công ty tổ chức cuộc họp để nghe báo cáo.

h. Thành viên HĐQT có thể trực tiếp làm việc, chất vấn, trao đổi với Ban TGD để nắm tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao. Ban TGD, các bộ phận của Tổng công ty, các Đơn vị, Người đại diện của Tổng công ty tại các doanh nghiệp khác có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, đúng thời hạn thông tin/tài liệu theo yêu cầu bằng văn bản của Thành viên HĐQT.

i. HĐQT sử dụng bộ máy giúp việc, phương tiện vật chất kỹ thuật của Tổng công ty để thực hiện chức năng quản lý của mình. Ngoài Ban Thư ký Tổng công ty là bộ phận giúp việc thường xuyên, HĐQT sử dụng bộ máy điều hành, các Phòng, Ban chức năng và các chuyên viên của Tổng công ty để giúp HĐQT xem xét, cho ý kiến tư vấn về các vấn đề có liên quan trong trường hợp cần thiết.

j. HĐQT sử dụng con dấu của Tổng công ty để ban hành các văn bản thực hiện công tác lãnh đạo, quản lý trong Tổng công ty và/hoặc để thực hiện các giao dịch với tổ chức/cá nhân ngoài Tổng công ty. Các công văn, tài liệu giao dịch do HĐQT ban hành hoặc gửi đi được đăng ký theo mã số của Tổng công ty và bản lưu phải được quản lý riêng.

k. Ban Thư ký và Văn phòng Tổng công ty có trách nhiệm tổ chức quản lý các hồ sơ, tài liệu và công văn giao dịch đi và đến của HĐQT theo quy định hiện hành về quản lý tài liệu của Tổng công ty.

l. Căn cứ vào phân công công việc trong HĐQT, Ban Thư ký Tổng công ty chủ động chuyển thông tin, tài liệu tới Chủ tịch HĐQT và Thành viên HĐQT được phân công phụ trách trong lĩnh vực và Đơn vị đó, đồng thời sao gửi đến tất cả các Thành viên HĐQT. Thông tin, tài liệu được chuyển qua Hệ thống phân phối văn bản của Tổng công ty có giá trị xác thực như bản phát hành in.

m. Những văn bản, tài liệu giao dịch của Cổ đông hoặc của các cơ quan cấp trên, cơ quan chức năng Nhà nước gửi đến Tổng công ty; các văn bản mang tính chất điều hành của TGD có nội dung liên quan đến công tác quản lý, phải được sao gửi cho Chủ tịch HĐQT và Thành viên HĐQT phụ trách liên quan để phối hợp xử lý.

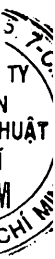
n. Các hoạt động khác được phối hợp xử lý theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

CHƯƠNG VIII: ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC CỦA TỔNG CÔNG TY.

Điều 27. Đánh giá hoạt động hàng năm

1. Phương thức đánh giá hoạt động: công tác đánh giá được tiến hành hàng năm và có thể theo một trong các phương thức sau:

- a. Tự nhận xét, đánh giá;
- b. Tổ chức lấy phiếu thăm dò, tín nhiệm;



c. Các cách thức khác do HĐQT lựa chọn vào từng thời điểm phù hợp với quy định liên quan.

2. Tiêu chí đánh giá hoạt động:

a. HĐQT đánh giá hoạt động của Thành viên HĐQT dựa theo chức năng, nhiệm vụ của HĐQT quy định tại Điều lệ của Tổng công ty và kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công.

b. BKS đánh giá hoạt động của KSV dựa theo chức năng, nhiệm vụ quy định tại Điều lệ của Tổng công ty và kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công.

c. HĐQT đánh giá hoạt động của TGD và Người quản lý Tổng công ty khác (theo đề nghị của TGD), trên cơ sở kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm của Tổng công ty và của cá nhân được đánh giá.

3. Trình tự đánh giá hoạt động

Trình tự đánh giá hoạt động Thành viên HĐQT, KSV, TGD và Người quản lý Tổng công ty khác được thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 28. Khen thưởng, kỷ luật

HĐQT có trách nhiệm xây dựng hệ thống khen thưởng, kỷ luật. Việc khen thưởng, kỷ luật được thực hiện dựa trên kết quả đánh giá hoạt động tại Điều 28 của Quy chế này và các quy định hiện hành.

CHƯƠNG IX. HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 29. Hiệu lực thi hành

Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành, HĐQT thực hiện sửa đổi, bổ sung và báo cáo ĐHCĐ theo quy định hiện hành.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



....., ngày tháng năm.....

**PHIẾU ĐỀ NGHỊ BỔ SUNG NỘI DUNG
TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Kính gửi: Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam

- Tên cổ đông:
- Số CMND/ CCCD/ Hộ chiếu/ ĐKKD/:.....Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....
- Địa chỉ liên lạc:
- Số cổ phần sở hữu: cổ phần, tương ứng với: % Vốn điều lệ.
- Thời gian sở hữu: (tính đến ngày lập danh sách thực hiện quyền).

Căn cứ quy định về quyền và nghĩa vụ cổ đông, tôi đề nghị bổ sung các nội dung sau vào Chương trình họp:

1.....

Mục đích: thảo luận quyết định

2.....

Mục đích: thảo luận quyết định

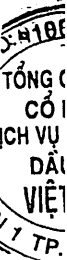
Tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác của nội dung văn bản và hồ sơ kèm theo, đồng thời cam kết tuân thủ đầy đủ quy định của Điều lệ và Quy chế làm việc tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam.

Hồ sơ kèm theo:

- Bản sao hợp lệ CMND/CCCD/Hộ chiếu/ĐKKD;
- Bản sao kê sở hữu chứng khoán PVS có xác nhận của Công ty chứng khoán/Bản sao Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần (đối với cổ đông chưa lưu ký);
- Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai (trường hợp đề cử ứng viên để bầu nhân sự HĐQT, BKS).
- Tài liệu kèm theo (nếu có).

CỔ ĐÔNG

(Ký, ghi rõ họ tên)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm.....

PHIẾU ĐỀ CỬ ỨNG VIÊN

V/v đề cử ứng viên để bầu làm

Kính gửi: Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014. (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2015);

Căn cứ Điều lệ hiện hành của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam,

- Tên cổ đông/nhóm cổ đông:
- Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/ĐKKD:.....Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....
- Địa chỉ liên lạc:
- Thông tin số cổ phần sở hữu:

TT	Tên cổ đông	Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/ĐKKD, nơi cấp, ngày cấp	Số cổ phần sở hữu	Thời gian sở hữu	Chữ ký của cổ đông
1.				
2.				
	Tổng cộng				

Sau khi nghiên cứu các điều kiện, tiêu chuẩn liên quan, tôi/chúng tôi đề cử nhân sự có tên dưới đây để ĐHĐCĐ bầu vào vị trí thành viên Tổng công ty như sau:

TT	Họ tên ứng viên	Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/ĐKKD, nơi cấp, ngày cấp	Số cổ phần sở hữu (nếu có)
1.			
2.			
	Tổng cộng		

Tôi/Chúng tôi cam kết các nội dung trong Phiếu đề cử này và hồ sơ kèm theo là hoàn toàn chính xác, theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

Trân trọng./.

Hồ sơ kèm theo:

- Bản chính Lý lịch ứng viên theo mẫu (03 bản chính);
- Bản sao CMND/Hộ chiếu, các văn bằng, chứng chỉ chuyên môn của Ứng viên (03 bản sao có chứng thực).

CỔ ĐÔNG
(Ký, ghi rõ họ tên)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LÝ LỊCH

ỨNG VIÊN THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT

1. Họ và tên khai sinh:
2. Họ và tên thường gọi:
3. Giới tính: Nam/Nữ
4. Ngày tháng năm sinh:
5. Nơi sinh
6. Quốc tịch:
7. CMND số: ngày cấp: nơi cấp:
8. Địa chỉ thường trú:
9. Số điện thoại liên lạc:
10. Trình độ văn hoá:
11. Tên pháp nhân (trường hợp là người đại diện phần vốn góp của cổ đông pháp nhân):
+ Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp của pháp nhân số:..... Ngày cấp:
+ Địa chỉ pháp nhân:
- + Số cổ phần sở hữu/đại diện: (trường hợp là người đại diện phần vốn góp của cổ đông hoặc thành viên góp vốn là pháp nhân):
12. Trình độ chuyên môn:

Tên văn bằng	Trình độ	Thời gian đào tạo	Cơ sở đào tạo

13. Quá trình công tác:

Từ năm... đến năm...	Đơn vị công tác	Chức vụ

14. Danh sách Người liên quan:

STT	Họ và tên	Quan hệ	Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Nơi ở hiện nay	Số cổ phần sở hữu

Tôi cam đoan thông tin trên là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về những thông tin đã khai.

....., ngày ... tháng ... năm

Hồ sơ đính kèm:

- 1.
- 2.
- 3.
- 4.
- 5.

NGƯỜI KHAI
(Ký và ghi rõ họ tên)

TP. HỒ CHÍ MINH
CÔNG AN QUẬN
ĐẦU ĐỎ
VIỆT NAM

500

ĐANG
HẮN
Y TH
KHÍ
NAM

10 C

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Số: /HĐQT-VBNB

....., ngày.....tháng.....năm.....

PHIẾU ĐỀ NGHỊ

Về việc đề xuất bổ sung nội dung họp HĐQT

Kính gửi: Chủ tịch Hội đồng quản trị
 Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam

- Họ tên Thành viên Hội đồng quản trị:

Căn cứ Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ hiện hành của Tổng công ty, trên cơ sở Chương trình kèm theo Giấy mời họp Hội đồng quản trị số /DVKT-HĐQT ngày/...../....., tôi đề nghị bổ sung các nội dung sau vào cuộc họp Hội đồng quản trị:

1.....

Mục đích: thảo luận quyết định (*)

2.....

Mục đích: thảo luận quyết định

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các TV. HĐQT;
- BKS;
- Lưu: BTK.

Tài liệu kèm theo:

-.....

THÀNH VIÊN

(Ký, ghi rõ họ tên)

* Ghi chú: Trường hợp nội dung đề xuất đưa vào cuộc họp để quyết định, người đề xuất nội dung phải gửi kèm theo Dự thảo nội dung quyết nghị và các thông tin, tài liệu liên quan (nếu có).



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
 DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BB-DVKT-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày.....tháng.....năm.....

BIÊN BẢN

Cuộc họp Hội đồng quản trị Tổng công ty tháng

Tên Doanh nghiệp: Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam

Địa chỉ: PetroVietNam Tower, số 1-5 Lê Duẩn, Q.1, TP. HCM

Giấy CNĐKDN: Số 0100150577 do Sở KHĐT Thành phố HCM cấp

I. Thời gian họp: Bắt đầu lúc: ... giờ ... ngày

II. Địa điểm họp:

III. Thành phần tham dự:

1. Hội đồng quản trị:

2. Thành phần mời:

Thư ký cuộc họp:

IV. Nội dung cuộc họp:

.....

V. Nội dung biểu quyết thông qua:

.....

Cuộc họp kết thúc lúc giờ phút cùng ngày.

Kèm theo Biên bản này là dự thảo Nghị quyết và các tài liệu liên quan đến các nội dung đã xem xét tại cuộc họp (những tài liệu, thông tin hạn chế phổ biến được lưu hành theo chế độ mật).

Căn cứ vào thực tế, yêu cầu về thủ tục của các bên liên quan, Chủ tịch HĐQT ban hành các Nghị quyết, Quyết định chi tiết không trái với các nội dung đã được thông qua tại Biên bản này.

CHỮ KÝ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

Ông/ Bà..... -----

Ông/ Bà..... -----

.....

THƯ KÝ

**CHỦ TỌA
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Nơi nhận:

- Như thành phần tham dự;
- Lưu: VT, BTK.

Tài liệu kèm theo:

Đ. B.
TỔ
C
)CH
I
V
VT 7

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /NQ-DVKT-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2017

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Về việc một số vấn đề của Tổng công ty

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2015;

Căn cứ Điều lệ của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị số /BB-DVKT-HĐQT ngày/.../.....,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1.

Điều 2.

.....

Điều Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều Tổng Giám đốc, chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận :

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

987
G C O I
Ổ P H
Ự KỸ
A U K
T N
H C

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.....

TP. Hồ Chí Minh, ngày.....tháng.....năm.....

V/v: đề nghị tổ chức
cuộc họp Hội đồng quản trị

Kính gửi: Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty

Căn cứ Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ hiện hành của Tổng công ty, tôi/ chúng tôi gồm những người ký tên dưới đây, đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị để xem xét các nội dung sau:

A. Nội dung cuộc họp:

1. Nội dung thứ 1:.....

- Mục đích: thảo luận quyết định

- Lý do:.....

2. Nội dung thứ 2:.....

- Mục đích: thảo luận quyết định

- Lý do:.....

B. Thời gian: Trước ngày/...../.....

C. Địa điểm :(nếu có).

D. Thông tin, tài liệu gửi kèm: (nếu có)

Trân trọng./.

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ

Họ và tên	Chức danh	KÝ TÊN

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các TV. HĐQT;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu: VT, BTK.

30.7
G TY
.N
THUẬT
H
M
CHÍ M

DANH MỤC TÀI LIỆU

(Kèm theo Công văn số ngày tháng năm)

Stt	Tên tài liệu	Số trang	Ghi chú
1.	Dự thảo Nghị quyết vấn đề 1		
2.		



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BB-DVKT-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày.....tháng.....năm 20.....

BIÊN BẢN
TỔNG HỢP PHIẾU BIỂU QUYẾT CỦA THÀNH VIÊN HĐQT
Về việc

Tên Doanh nghiệp: Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam
Địa chỉ:
Giấy CNĐKDN:
Thời gian tổng hợp:
Địa điểm tổng hợp:
Thành viên có quyền biểu quyết: Ông/ Bà -
Ông/ Bà -
.....
Người tổng hợp: Ông/ Bà -
Người giám sát: Ông/ Bà -
Ông/ Bà -
.....

Ngày .../.../..., Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty đã phát hành Phiếu biểu quyết để lấy ý kiến các Thành viên Hội đồng quản trị về nội dung

Nội dung lấy ý kiến và kết quả biểu quyết như sau:

1. Nội dung lấy ý kiến thứ 1

1.1 Kết quả kiểm phiếu

+ Số phiếu phát hành:
+ Số phiếu thu về:
+ Số phiếu biểu quyết đồng ý:/.....
+ Số phiếu biểu quyết không đồng ý:/.....
+ Số phiếu biểu quyết có ý kiến khác:/.....

1.2 Nội dung kiến nghị khác

2. Nội dung lấy ý kiến thứ 2

.....

2.1 Kết quả kiểm phiếu

- + Số phiếu phát hành:
- + Số phiếu thu về:
- + Số phiếu biểu quyết đồng ý:/.....
- + Số phiếu biểu quyết không đồng ý:/.....
- + Số phiếu biểu quyết có ý kiến khác:/.....

2.2 Nội dung kiến nghị khác

.....

Kèm theo Biên bản tổng hợp này là Phiếu biểu quyết của các Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI TỔNG HỢP
(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI GIÁM SÁT
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nơi nhận:

- HĐQT;
- BKS;
- Tổng Giám đốc;
-
- Lưu: VT, BTK.

11265
ÔNG T
HÂN
Y THU,
KHÍ
NAM
Ồ CHI

Số: /TTr-DVKT-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2018

TỜ TRÌNH

Về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh

Kính thưa Đại hội,

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13;

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam,

Trong thời gian vừa qua, hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty đang đối mặt với các khó khăn như: việc giãn, dừng tiến độ triển khai các dự án của khách hàng; sự giảm giá dịch vụ và sự cạnh tranh khốc liệt từ các công ty dịch vụ khác... Để đảm bảo sự phát triển bền vững và phù hợp với định hướng đã đề ra của Tổng công ty, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo quyết liệt việc đẩy mạnh các hoạt động sản xuất kinh doanh, phát triển sản phẩm, dịch vụ mới.

Theo đó, Tổng công ty đang thực hiện Dự án Tàu phục vụ gần bờ Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn. Hợp đồng bao gồm trách nhiệm đi kèm là cung cấp dịch vụ ứng cứu sự cố tràn dầu tại Cảng (Harbor) và Phao rót dầu không bến (SPM) theo yêu cầu của Khách hàng.

Đồng thời, hiện Tổng công ty đang có Chi nhánh hoạt động tại Đà Nẵng, là khu vực đang có hoạt động dịch vụ du lịch và lễ hành sôi động. Để khai thác tối đa cơ sở vật chất, hạ tầng đã đầu tư tại Chi nhánh này, việc triển khai các dịch vụ liên quan đến lĩnh vực Du lịch là cần thiết nhằm tăng doanh thu và lợi ích cho Tổng công ty.

Sau khi nghiên cứu và xem xét tình hình thực tế cũng như Quy định hiện hành, HĐQT kính báo cáo và đề nghị ĐHĐCĐ thông qua:

1. Bổ sung ngành nghề kinh doanh cho Tổng công ty như Phụ lục đính kèm.
2. Ủy quyền cho HĐQT ban hành Điều lệ bổ sung tương ứng với nội dung đã được thông qua tại Mục 1 nêu trên.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội xem xét thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, Ban KS, Ban TGD;
- Các ban Tổng công ty;
- Lưu: VT, BTK.

Thái Quốc Hiệp



PHỤ LỤC: DANH SÁCH NGÀNH NGHỀ BỔ SUNG
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-DVKT-HĐQT ngày /5/2018)

STT	Tên ngành nghề bổ sung	Mã ngành	Ghi chú
1.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: Chi tiết: - Cung cấp dịch vụ ứng cứu sự cố tràn dầu	5229	Bổ sung chi tiết
2.	Đại lý du lịch	7911	Bổ sung mới
3.	Điều hành tua du lịch	7912	Bổ sung mới
4.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920	Bổ sung mới

S: 4101
TỔNG C
CỔ P
: H VỤ K
DẦU M
VIỆT N
TP. HỒ

NGHỊ QUYẾT
Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TỔNG CÔNG TY
CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và có hiệu lực kể từ ngày 01/07/2015;

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Biên bản kiểm phiếu Đại hội cổ đông thường niên 2018 ngày 25/5/2018 của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo tình hình hoạt động năm 2017 và Kế hoạch năm 2018 của Hội đồng quản trị, Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 và Kế hoạch năm 2018 của Tổng Giám đốc, Báo cáo tình hình hoạt động năm 2017 và Kế hoạch năm 2018 của Ban Kiểm soát như các tài liệu kèm theo.

Điều 2: Thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2018 với các chỉ tiêu như sau:

+ Doanh thu hợp nhất	:	13.000 tỷ VNĐ
+ Tổng lợi nhuận hợp nhất trước thuế	:	700 tỷ VNĐ
+ Tổng lợi nhuận hợp nhất sau thuế	:	560 tỷ VNĐ
+ Tỷ lệ chia cổ tức	:	7%/vốn điều lệ
+ Kế hoạch đầu tư	:	1.270 tỷ VNĐ

Điều 3. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

Điều 4. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 và Kế hoạch tài chính năm 2018 theo đề xuất của Hội đồng quản trị, cụ thể như sau:



1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2017		Thực hiện 2017	
			Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền
1	Lợi nhuận sau thuế năm 2017	Tr.VNĐ		410.000		542.347
2	Lợi nhuận được phân phối năm 2017	Tr.VNĐ		410.000		855.037
3	Chia cổ tức bằng tiền	Tr.VNĐ	7,00%	355.574	10,00%	446.700
	Trong đó:					
	- Cổ tức đã tạm ứng (đã tạm ứng vào ngày 28/03/2018)				5,00%	223.350
	- Chia cổ tức còn lại				5,00%	223.350
4	Quỹ khen thưởng - phúc lợi, Quỹ thưởng Ban điều hành bằng 12% lợi nhuận sau thuế năm 2017.	Tr.VNĐ	12,00%	49.200	12,00%	65.082
	Trong đó:	Tr.VNĐ				
	- Quỹ khen thưởng - phúc lợi	Tr.VNĐ	11,00%	45.100	11,74%	63.646
	- Quỹ thưởng Ban điều hành	Tr.VNĐ	1,00%	4.100	0,26%	1.436
5	Quỹ đầu tư phát triển - Trích bổ sung toàn bộ lợi nhuận được phân phối năm 2017 còn lại.	Tr.VNĐ	1,27%	5.226	5,64%	30.565

2. Kế hoạch tài chính năm 2018:

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2018		So sánh với TH năm 2017
		Tỷ lệ	Giá trị (Tr.VNĐ)	
1	Vốn điều lệ			
+	Vốn điều lệ đầu năm		4.467.004	100,00%
+	Vốn điều lệ cuối năm		5.896.446	132,00%
+	Vốn điều lệ bình quân năm		5.181.725	116,00%
2	Doanh thu:			
	+ Doanh thu hợp nhất		13.000.000	58,12%
	+ Doanh thu Công ty mẹ		5.200.000	35,10%
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN:			
	+ Lợi nhuận trước thuế hợp nhất		700.000	69,65%
	+ Lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ		450.000	82,84%
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN:			
	+ Lợi nhuận sau thuế hợp nhất		560.000	71,65%
	+ Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ		420.000	77,44%
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /Vốn điều lệ			

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2018		So sánh với TH năm 2017
		Tỷ lệ	Giá trị (Tr.VNĐ)	
	+ Tỷ suất lợi nhuận hợp nhất sau thuế /Vốn điều lệ bình quân	10,81%		61,77%
	+ Tỷ suất lợi nhuận Công ty mẹ sau thuế /Vốn điều lệ bình quân	8,11%		66,76%
6	Lợi nhuận Công ty mẹ được phân phối:		420.000	77,44%
	+ Cổ tức bằng tiền	7,00%	355.574	79,60%
	+ Quỹ khen thưởng - phúc lợi, Quỹ thưởng Ban điều hành bằng 12% lợi nhuận được phân phối	12,00%	50.400	77,44%
	+ Quỹ đầu tư phát triển - Trích bổ sung toàn bộ phần Lợi nhuận được phân phối còn lại	3,34%	14.026	45,89%

Điều 5. Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Deloitte Việt Nam thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 của Tổng công ty.

Điều 6. Thông qua mức thù lao cho Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2018 như sau:

1. Đối với Thành viên Hội đồng quản trị và Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách thực hiện theo đúng quy định, hướng dẫn tại Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ và Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước và Quy chế trả lương của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam.

2. Thù lao của Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách (kiêm nhiệm) năm 2018.

- Thành viên HĐQT kiêm nhiệm với mức là 10.000.000 VNĐ/tháng.
- Thành viên Ban Kiểm soát kiêm nhiệm với mức là 7.000.000 VNĐ/tháng.

Điều 7. Thông qua dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung và Quy chế quản trị nội bộ như tài liệu kèm theo. Giao Hội đồng quản trị hoàn thiện để ban hành Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ theo các quy định hiện hành.

Điều 8. Thông qua kết quả bầu thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ trúng cử
1.	Ông/Bà	Thành viên Hội đồng quản trị

2.	Ông/Bà	Thành viên Hội đồng quản trị
3.	Ông/Bà	Thành viên Hội đồng quản trị
4.	Ông/Bà	Thành viên Ban kiểm soát

Điều 9. Thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty như nội dung Tờ trình số .../TTr-DVKT-HĐQT ngày 25/5/2018. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị sửa đổi, cập nhật nội dung này trong Điều lệ cho phù hợp với các nội dung ngành nghề kinh doanh đã được phê duyệt.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc thủ tục với các bên liên quan, các nội dung tại Nghị quyết này có thể được ban hành riêng rẽ thành các Nghị quyết khác nhau và không trái với nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

2. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Nơi nhận:

- Như Điều 10;
- Đại hội đồng cổ đông;
- UBCKNN, HNX, VSD;
- Các Ban/Đơn vị Tổng công ty;
- www.ptsc.com.vn;
- Lưu VT, BTK.

Thái Quốc Hiệp



Tài liệu kèm theo:

- Phụ lục 1: Báo cáo tình hình hoạt động năm 2017 và Kế hoạch năm 2018 của Hội đồng quản trị;
- Phụ lục 2: Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 và kế hoạch năm 2018 của Tổng Giám đốc;
- Phụ lục 3: Báo cáo tình hình hoạt động năm 2017 và Kế hoạch năm 2018 của Ban Kiểm soát;
- Phụ lục 4: Điều lệ Tổng công ty;
- Phụ lục 5: Quy chế quản trị nội bộ Tổng công ty.